

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG  
KHOẢN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOẢN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH  
CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOẢN.  
MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh  
Gia Lai cấp lần đầu ngày 9/9/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 24/6/2019)

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số...341.../QĐ-SGDHCM do  
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28... tháng 08... năm 2019)

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI



**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:**

#### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Trụ sở chính: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam  
Điện thoại: (0269) 3823 604 Fax: (0269) 382 6365  
Email: [info@geccom.vn](mailto:info@geccom.vn) Trang Web: [www.geccom.vn](http://www.geccom.vn)

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: (028) 3824 2897 Fax: (028) 3824 2997  
Email: [ssi@ssi.com.vn](mailto:ssi@ssi.com.vn) Trang Web: [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn)

#### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ và tên: Ông Phạm Thành Tuấn Anh Chức vụ: Chánh Văn phòng Công ty  
Điện thoại: (0269) 2222170 Fax: (0269) 382 6365



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI**

*(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 9/9/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 24/6/2019)*

## **NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

|                                            |          |                                              |
|--------------------------------------------|----------|----------------------------------------------|
| <b>Tên cổ phiếu</b>                        | <b>:</b> | <b>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Gia Lai</b> |
| <b>Loại cổ phiếu</b>                       | <b>:</b> | <b>Cổ phiếu phổ thông</b>                    |
| <b>Mã cổ phiếu</b>                         | <b>:</b> | <b>GEG</b>                                   |
| <b>Mệnh giá</b>                            | <b>:</b> | <b>10.000 đồng/cổ phiếu</b>                  |
| <b>Tổng số lượng niêm yết</b>              | <b>:</b> | <b>203.891.677 cổ phiếu</b>                  |
| <b>Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá</b> | <b>:</b> | <b>2.038.916.770.000 đồng</b>                |

### **TỔ CHỨC TƯ VẤN**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

**Trụ sở chính**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3824 2897

Fax: (028) 3824 2997

Email: [ssi@ssi.com.vn](mailto:ssi@ssi.com.vn)

Trang Web: [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn)

### **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**

#### **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PWC VIỆT NAM**

Địa chỉ: 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3823 0796

Trang Web: [www.pwc.com/vn](http://www.pwc.com/vn)

## **MỤC LỤC**

|             |                                                                                                                                                                                                                                                                     |           |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I.</b>   | <b>CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>                                                                                                                                                                                                                                     | <b>7</b>  |
| 1.          | Rủi ro về kinh tế.....                                                                                                                                                                                                                                              | 7         |
| 1.1         | Tăng trưởng kinh tế.....                                                                                                                                                                                                                                            | 7         |
| 1.2         | Lạm phát.....                                                                                                                                                                                                                                                       | 8         |
| 1.3         | Tỷ giá.....                                                                                                                                                                                                                                                         | 8         |
| 1.4         | Lãi suất.....                                                                                                                                                                                                                                                       | 9         |
| 2.          | Rủi ro về luật pháp.....                                                                                                                                                                                                                                            | 10        |
| 3.          | Rủi ro đặc thù Ngành.....                                                                                                                                                                                                                                           | 11        |
| 4.          | Rủi ro về biến động giá cổ phiếu.....                                                                                                                                                                                                                               | 14        |
| 5.          | Rủi ro Quản trị Công ty.....                                                                                                                                                                                                                                        | 14        |
| 6.          | Rủi ro khác.....                                                                                                                                                                                                                                                    | 14        |
| <b>II.</b>  | <b>NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....</b>                                                                                                                                                                                           | <b>16</b> |
| 1.          | Tổ chức Niêm yết.....                                                                                                                                                                                                                                               | 16        |
| 2.          | Tổ chức Tư vấn.....                                                                                                                                                                                                                                                 | 16        |
| <b>III.</b> | <b>CÁC KHÁI NIỆM .....</b>                                                                                                                                                                                                                                          | <b>17</b> |
| <b>IV.</b>  | <b>TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT .....</b>                                                                                                                                                                                                             | <b>18</b> |
| 1.          | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....                                                                                                                                                                                                                     | 18        |
| 1.1         | Giới thiệu chung về Tổ chức niêm yết.....                                                                                                                                                                                                                           | 18        |
| 1.2         | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....                                                                                                                                                                                                                     | 20        |
| 1.3         | Các thành tích đạt được.....                                                                                                                                                                                                                                        | 20        |
| 1.4         | Quá trình tăng Vốn Điều lệ.....                                                                                                                                                                                                                                     | 22        |
| 2.          | Cơ cấu tổ chức Công ty.....                                                                                                                                                                                                                                         | 24        |
| 3.          | Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....                                                                                                                                                                                                                              | 25        |
| 4.          | Danh sách Cổ đông nắm giữ từ trên 5% Vốn Cổ phần của Công ty; Danh sách Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu Cổ đông.....                                                                                                                              | 30        |
| 4.1         | Danh sách Cổ đông nắm giữ từ trên 5% Vốn Cổ phần của Công ty tại 26/8/2019.....                                                                                                                                                                                     | 30        |
| 4.2         | Danh sách Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....                                                                                                                                                                                                            | 30        |
| 4.3         | Cơ cấu Cổ đông tại thời điểm 26/8/2019.....                                                                                                                                                                                                                         | 30        |
| 5.          | Danh sách những Công ty Mẹ và Công ty Con của Tổ chức Đăng ký niêm yết, những Công ty mà Tổ chức Đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức Đăng ký niêm yết..... | 31        |
| 5.1         | Công ty Mẹ.....                                                                                                                                                                                                                                                     | 31        |
| 5.2         | Công ty Con.....                                                                                                                                                                                                                                                    | 32        |
| 5.3         | Công ty Liên kết.....                                                                                                                                                                                                                                               | 33        |
| 6.          | Hoạt động kinh doanh.....                                                                                                                                                                                                                                           | 34        |
| 6.1         | Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm.....                                                                                                                                                                                                                 | 34        |
| 6.2         | Nguyên vật liệu.....                                                                                                                                                                                                                                                | 49        |

|      |                                                                                                                                               |     |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 6.3  | Chi phí sản xuất.....                                                                                                                         | 51  |
| 6.4  | Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới .....                                                                                         | 52  |
| 6.5  | Hoạt động marketing .....                                                                                                                     | 54  |
| 6.6  | Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....                                                                            | 55  |
| 6.7  | Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết.....                                                                                      | 55  |
| 7.   | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....                                                                                                    | 57  |
| 7.1  | Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất .....                    | 57  |
| 7.2  | Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo..                                                     | 59  |
| 8.   | Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng Ngành .....                                                                        | 61  |
| 8.1  | Thị trường điện năng .....                                                                                                                    | 61  |
| 8.2  | Vị thế của Công ty trong Ngành .....                                                                                                          | 62  |
| 8.3  | Triển vọng phát triển của Ngành .....                                                                                                         | 62  |
| 8.4  | So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cùng Ngành .....                                                  | 64  |
| 8.5  | Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới..... | 65  |
| 9.   | Chính sách đối với người lao động .....                                                                                                       | 66  |
| 9.1  | Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty.....                                                                                          | 66  |
| 9.2  | Chính sách nhân sự .....                                                                                                                      | 67  |
| 10.  | Chính sách cổ tức.....                                                                                                                        | 69  |
| 11.  | Tình hình hoạt động tài chính.....                                                                                                            | 70  |
| 11.1 | Các chỉ tiêu cơ bản.....                                                                                                                      | 70  |
| 11.2 | Trích khấu hao tài sản cố định .....                                                                                                          | 70  |
| 11.3 | Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....                                                                                                           | 77  |
| 12.  | Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy Ban Kiểm toán, Kế toán trưởng.....                                                                   | 80  |
| 12.1 | Hội đồng Quản trị.....                                                                                                                        | 80  |
| 12.2 | Ban Tổng Giám Đốc .....                                                                                                                       | 87  |
| 12.3 | Ủy ban Kiểm toán .....                                                                                                                        | 92  |
| 12.4 | Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng .....                                                                                                  | 93  |
| 13.  | Tài sản .....                                                                                                                                 | 93  |
| 13.1 | Tình hình Tài sản cố định .....                                                                                                               | 93  |
| 13.2 | Tài sản là quyền sử dụng đất.....                                                                                                             | 95  |
| 14.  | Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo .....                                                               | 97  |
| 14.1 | Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo .....                                                               | 97  |
| 14.2 | Các chỉ tiêu khác .....                                                                                                                       | 98  |
| 14.3 | Nêu căn cứ để đạt được kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức nói trên: .....                                                                           | 98  |
| 14.4 | Kế hoạch đầu tư, dự án đã được Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng Cổ đông thông qua .....                                                        | 99  |
| 14.5 | Kế hoạch tăng Vốn Điều lệ.....                                                                                                                | 100 |
| 15.  | Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....                                                                             | 100 |



|              |                                                                                                                      |            |
|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 16.          | Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức Đăng ký niêm yết.....                                    | 100        |
| 17.          | Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết ..... | 101        |
| <b>V.</b>    | <b>CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....</b>                                                                                    | <b>102</b> |
| 1.           | Loại cổ phiếu .....                                                                                                  | 102        |
| 2.           | Mệnh giá cổ phiếu .....                                                                                              | 102        |
| 3.           | Tổng số cổ phiếu dự kiến niêm yết .....                                                                              | 102        |
| 4.           | Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật .....                                         | 102        |
| 5.           | Phương pháp tính giá.....                                                                                            | 102        |
| 5.1          | Phương pháp Hệ số Giá cổ phần trên thu nhập bình quân mỗi cổ phần - Price/Earnings Per Share (P/E).....              | 103        |
| 5.2          | Phương pháp Hệ số Giá cổ phần Giá trị sổ sách mỗi cổ phần - Price/Book Value Per Share (P/B) .....                   | 104        |
| 5.3          | Phương pháp giá thị trường.....                                                                                      | 106        |
| 6.           | Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài .....                                                             | 106        |
| 7.           | Các loại Thuế liên quan.....                                                                                         | 109        |
| 7.1          | Đối với Công ty .....                                                                                                | 109        |
| 7.2          | Đối với Nhà đầu tư .....                                                                                             | 111        |
| <b>VI.</b>   | <b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT .....</b>                                                                 | <b>113</b> |
| 1.           | Tổ chức Niêm yết .....                                                                                               | 113        |
| 2.           | Tổ chức Kiểm toán .....                                                                                              | 113        |
| 3.           | Tổ chức Tư vấn .....                                                                                                 | 113        |
| <b>VII.</b>  | <b>DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN.....</b>                                                              | <b>114</b> |
| <b>VIII.</b> | <b>PHỤ LỤC.....</b>                                                                                                  | <b>115</b> |

## **DANH SÁCH CÁC HÌNH**

|                                                                                 |    |
|---------------------------------------------------------------------------------|----|
| Hình 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2019 .....                | 7  |
| Hình 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2019 .....                 | 8  |
| Hình 3: Tương quan VND và một số ngoại tệ .....                                 | 9  |
| Hình 4: Lãi suất trên thị trường kỳ hạn 13 tháng .....                          | 10 |
| Hình 5: Cơ cấu Tổ chức Công ty tại 30/6/2019 .....                              | 24 |
| Hình 6: Cơ cấu Bộ máy Quản lý của Công ty tại 30/6/2019 .....                   | 25 |
| Hình 7: Dự án Phong Điền 48 MWp - Huế .....                                     | 41 |
| Hình 8: Dự án Krông Pa 69 MWp - Gia Lai .....                                   | 41 |
| Hình 9: Dự án Hàm Phú 2 49 MWp - Bình Thuận .....                               | 42 |
| Hình 10: Dự án Đức Huệ 1 49 MWp - Long An .....                                 | 42 |
| Hình 11: Dự án Trúc Sơn 44,4 MWp - Đắk Nông .....                               | 43 |
| Hình 12: Cơ cấu sản lượng điện thương phẩm của các Nhà máy .....                | 45 |
| Hình 13: Cơ cấu Doanh thu mảng sản xuất kinh doanh điện theo từng Nhà máy ..... | 48 |
| Hình 14: Dự báo tổng công suất Ngành Điện của Việt Nam .....                    | 63 |
| Hình 15: Dự báo nhu cầu và sản lượng điện thương phẩm của Việt Nam .....        | 63 |

## **DANH SÁCH CÁC BẢNG**

|                                                                                                |    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Bảng 1: Danh sách Cổ đông nắm giữ từ trên 5% Vốn Cổ phần của GEC .....                         | 30 |
| Bảng 2: Cơ cấu Cổ đông tại thời điểm 26/8/2019 .....                                           | 30 |
| Bảng 3: Danh sách hệ thống Nhà máy Thủy điện.....                                              | 34 |
| Bảng 4: Danh sách hệ thống Nhà máy Điện Mặt trời.....                                          | 38 |
| Bảng 5: Cơ cấu sản lượng điện thương phẩm của các Nhà máy .....                                | 43 |
| Bảng 6: Cơ cấu Doanh thu của Công ty mẹ.....                                                   | 45 |
| Bảng 7: Cơ cấu Doanh thu hợp nhất của Công ty .....                                            | 46 |
| Bảng 8: Cơ cấu Doanh thu mảng sản xuất kinh doanh điện theo từng Nhà máy.....                  | 47 |
| Bảng 9: Cơ cấu Lợi nhuận gộp của Công ty mẹ .....                                              | 48 |
| Bảng 10: Cơ cấu Lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty .....                                       | 49 |
| Bảng 11: Cơ cấu chi phí của Công ty mẹ qua các năm .....                                       | 51 |
| Bảng 12: Cơ cấu chi phí hợp nhất của Công ty qua các năm .....                                 | 51 |
| Bảng 13: Danh sách các hợp đồng lớn.....                                                       | 55 |
| Bảng 14: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.....                                      | 57 |
| Bảng 15: Kết quả hợp nhất hoạt động kinh doanh của Công ty .....                               | 57 |
| Bảng 16: Quy hoạch phát triển điện Quốc gia .....                                              | 64 |
| Bảng 17: So sánh với các Công ty cùng Ngành theo số liệu .....                                 | 65 |
| Bảng 18: Tỷ lệ cổ tức thực chi trả qua các năm.....                                            | 69 |
| Bảng 19: Mức lương bình quân .....                                                             | 71 |
| Bảng 20: Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước của Công ty mẹ .....                     | 71 |
| Bảng 21: Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước của Công ty .....                        | 72 |
| Bảng 22: Mức trích lập các Quỹ của Công ty mẹ.....                                             | 73 |
| Bảng 23: Mức trích lập hợp nhất các Quỹ của Công ty .....                                      | 73 |
| Bảng 24: Tổng dư nợ vay của Công ty mẹ .....                                                   | 73 |
| Bảng 25: Tổng dư nợ vay hợp nhất của Công ty .....                                             | 73 |
| Bảng 26: Chi tiết các khoản vay Ngân hàng tại thời điểm 30/6/2019 .....                        | 74 |
| Bảng 27: Các khoản phải thu của Công ty mẹ.....                                                | 75 |
| Bảng 28: Các khoản phải thu hợp nhất của Công ty .....                                         | 75 |
| Bảng 29: Các khoản phải trả của Công ty mẹ.....                                                | 76 |
| Bảng 30: Các khoản phải trả hợp nhất của Công ty .....                                         | 76 |
| Bảng 31: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ .....                                           | 77 |
| Bảng 32: Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty .....                                     | 77 |
| Bảng 33: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy Ban Kiểm toán, Kế toán trưởng..... | 80 |
| Bảng 34: Tình hình Tài sản cố định của Công ty mẹ .....                                        | 93 |
| Bảng 35: Tình hình Tài sản cố định hợp nhất của Công ty.....                                   | 94 |
| Bảng 36: Kế hoạch kinh doanh của Công ty từ giai đoạn 2019 - 2021.....                         | 97 |



## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Kết quả kinh doanh và triển vọng phát triển của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (GEC, Công ty) có thể bị ảnh hưởng bởi bất kỳ rủi ro nào được đề cập dưới đây. Những rủi ro và khả năng không chắc chắn khác mà GEC chưa đề cập, hoặc đánh giá là không đáng kể, cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, và vì thế ảnh hưởng đến giá cổ phần của Công ty sau khi niêm yết.

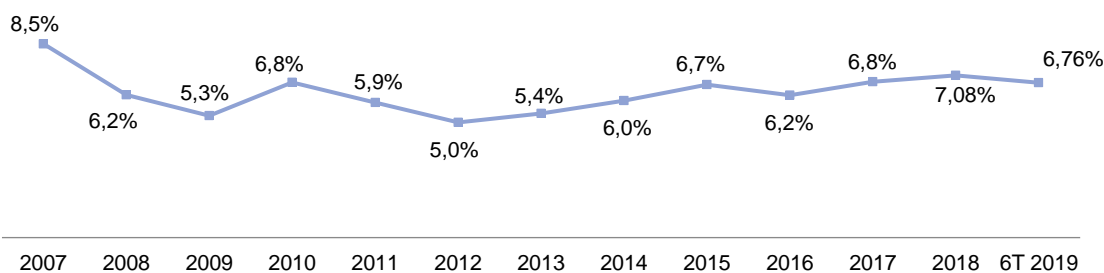
### 1. Rủi ro về kinh tế

#### 1.1 Tăng trưởng kinh tế

Đây là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế và có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Ngành sản xuất Điện. Nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng rất nhanh trong những năm gần đây, môi trường pháp lý và kinh doanh đã phát triển nhưng vẫn chứa đựng những rủi ro vốn có gắn với nền kinh tế mới nổi. GEC và các Công ty Con hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất, phân phối điện và bán buôn, bán lẻ điện. Tổng vốn đầu tư của Công ty vào các dự án sản xuất điện là rất lớn và một phần được tài trợ bởi vốn vay từ các tổ chức tín dụng. Do vậy, hoạt động của chính GEC và các Công ty con chịu ảnh hưởng bởi các biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới. Những diễn biến bất lợi có thể dẫn đến suy thoái kinh tế, lạm phát tăng nhanh, biến động tỷ giá, thắt chặt tín dụng... Nhằm giảm thiểu tác động của những ảnh hưởng trên, GEC và các Công ty con chú trọng thực hiện tốt công tác chuẩn bị, dự trù cho những tình huống thay đổi trong tình hình kinh tế, thị trường, củng cố nội lực tài chính đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, nhà cung cấp, định chế tài chính và tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.

Theo Tổng cục thống kê, GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, ngành, địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,8%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực dịch vụ tăng 7,0%, đóng góp 42,7%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,9%, đóng góp 48,6%. GDP 6 tháng năm 2019 ước tính tăng 6,76% so với cùng kỳ năm trước, trong đó tăng trưởng Quý II ước đạt 6,71%. Con số này thấp hơn mức 7,05% cùng kỳ năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của 6 tháng các năm trong giai đoạn 2011-2017.

**Hình 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2019**



Nguồn: Tổng cục Thống kê

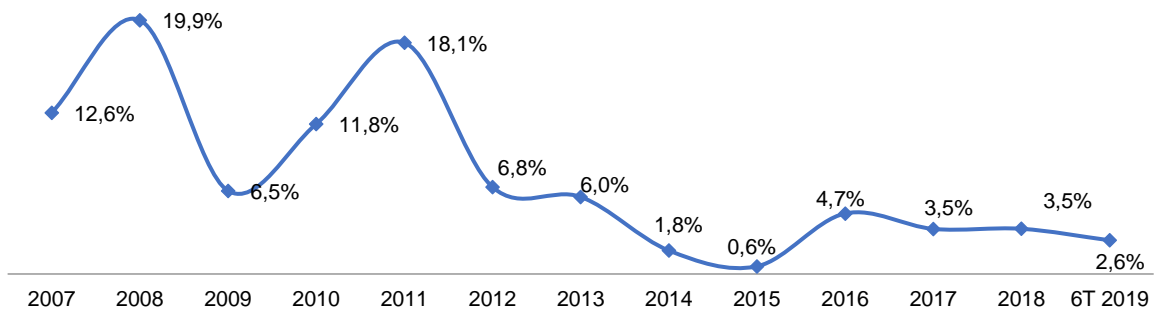


## 1.2 Lạm phát

Từ mức lạm phát hai con số vào những năm trước năm 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt. CPI bình quân năm 2018 chỉ tăng 3,5% so với cùng kỳ, thấp hơn khá nhiều so với mức mục tiêu 4% mà Quốc hội đề ra cho cả năm 2018. Đợt sụt giảm mạnh của giá dầu thô quốc tế vừa qua đã khiến cho giá xăng dầu bán lẻ trong nước giảm 5 lần liên tiếp trong tháng 11 và 12/2018, số dư quỹ bình ổn xăng dầu đang tăng lên sẽ làm giảm đáng kể áp lực lên lạm phát của năm 2019. Trong bối cảnh hiện tại, áp lực với lạm phát không quá lớn. Bình quân 6 tháng đầu năm 2019, CPI tăng 2,6% so với cùng kỳ, đây cũng là mức tăng bình quân 6 tháng thấp nhất trong 3 năm gần đây.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát những năm gần đây được duy trì khá ổn định, nhưng không thể đảm bảo rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không tiếp tục lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam được dự báo đang tăng trưởng nhanh trở lại.

**Hình 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2019**



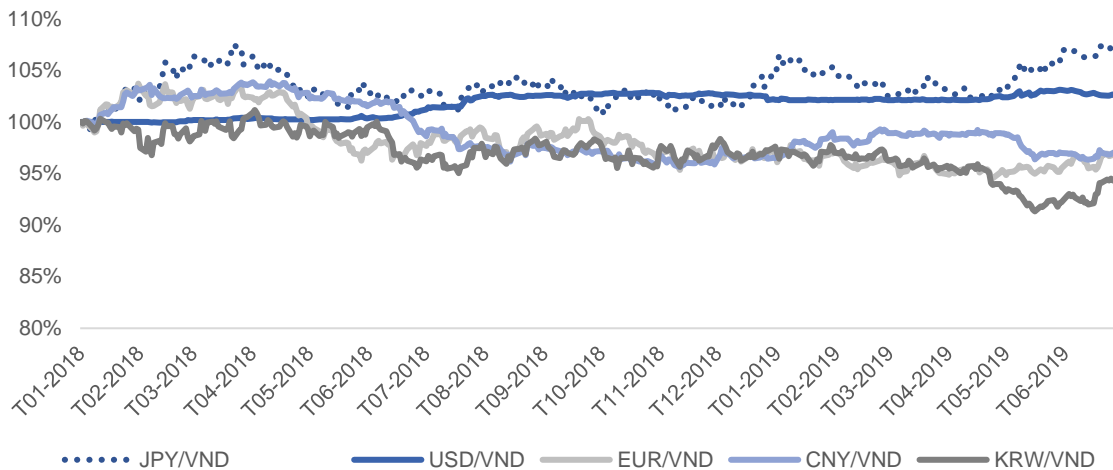
*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

## 1.3 Tỷ giá

Việc điều hành chính sách tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng như tỷ giá hối đoái trên thị trường sẽ tác động đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Hiện chính sách điều hành tỷ giá được điều hành theo hướng linh hoạt nhằm đáp ứng những yêu cầu từ bối cảnh thương mại và đầu tư quốc tế, tăng cường ký kết các hiệp định thương mại tự do. Năm 2018, tỷ giá USD/VND có nhiều biến động lớn. Sự ổn định của tỷ giá hối đoái được duy trì nhờ các yếu tố hỗ trợ như: (i) Cơ chế tỷ giá trung tâm và các công cụ điều tiết thị trường ngoại hối đang dần phát huy được hiệu quả, hạn chế hành vi đầu cơ, găm giữ ngoại tệ; (ii) Nguồn cung ngoại tệ tương đối dồi dào do cán cân thương mại tiếp tục thặng dư, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI tăng trưởng khả quan; (iii) Hầu hết các dòng tiền trong rổ tính tỷ giá trung tâm của Ngân hàng Nhà nước đều lên giá so với đồng USD đã giúp giải tỏa sức ép lên tỷ giá USD/VND. Bên cạnh đó, tỷ giá ổn định cũng giúp giảm tình trạng đô la hóa, tỷ lệ USD trên tổng phương tiện thanh toán giảm xuống còn 10%, tương đương mức đô la hóa nhẹ của theo tiêu chuẩn của Quỹ Tiền tệ quốc tế IMF.

Tính chung cả năm 2018, VND đã mất giá khoảng 2,2-2,3% so với USD, thấp hơn khá nhiều so với mức mất giá của EUR, GBP và CNY lần lượt là 4,5%, 5,7% và 5,4%. Tình hình thị trường ngoại hối 6 tháng đầu năm 2019 vẫn được kiểm soát tốt khi tỷ giá USD/VND tăng 0,4%, và tỷ giá trung tâm tăng thêm 1,06% từ cuối năm 2018 đến cuối tháng 6/2019. Trong khi đó tốc độ tăng giá của USD so với các đồng GBP, EUR là 0,51% và 0,88%.

**Hình 3: Tương quan VND và một số ngoại tệ**



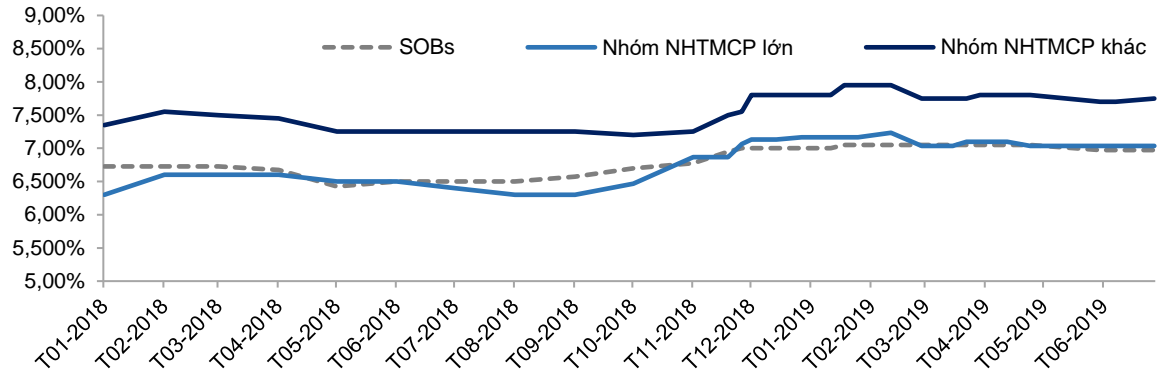
*Nguồn: Bloomberg*

#### 1.4 Lãi suất

Sáu tháng đầu năm 2019, lãi suất huy động kỳ hạn 12,13 tháng ghi nhận sự điều chỉnh tăng, giao động trong vùng 6,3%-8%/năm. Tuy nhiên, mức lãi suất huy động dự kiến sẽ ổn định ở mức hiện tại vì các ngân hàng thương mại cần đảm bảo đủ nguồn để thực hiện mục tiêu tăng trưởng tín dụng trong bối cảnh phải cạnh tranh với các kênh đầu tư khác đang phát triển nhanh như trái phiếu, chứng chỉ quỹ... và nhu cầu gia tăng số dư huy động để đáp ứng lộ trình tiếp tục giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn từ 40% hiện nay xuống 30%. Việc đẩy mạnh cho vay khách hàng cá nhân với lãi suất tốt hơn sẽ là cơ sở để các ngân hàng thương mại có thể duy trì được mặt bằng lãi suất huy động hiện tại mà không ảnh hưởng nhiều đến lợi nhuận.

Đối với lãi suất cho vay, mặc dù lãi suất huy động bắt đầu tăng và thiết lập mặt bằng mới trong 6 tháng đầu năm 2019, nhưng lãi suất cho vay với sản xuất kinh doanh vẫn tương đối ổn định, ngoài ra còn có một số gói vay ưu đãi với một số ngành nghề nhất định ở các ngân hàng lớn. Với xu hướng số ngân hàng đã đạt hoặc đặt mục tiêu chuẩn Basel II tăng lên cho thấy các ngân hàng thương mại đã chú trọng nhiều hơn đến tính bền vững thay vì chạy theo tăng trưởng ngắn hạn. Việc mở rộng nguồn thu, thay đổi cấu trúc khách hàng, quản lý chi phí hiệu quả... sẽ được ưu tiên lựa chọn thay vì tăng lãi suất cho vay.

**Hình 4: Lãi suất trên thị trường kỳ hạn 13 tháng**



*Nguồn: SSI tổng hợp*

## 2. **Rủi ro về luật pháp**

Khó khăn nếu có xảy ra đối với các dự án Thủy điện, Điện Mặt trời chủ yếu nằm trong khâu đền bù, giải phóng mặt bằng và chính sách giá mua bán điện của Nhà nước vẫn chưa hoàn toàn phù hợp với mặt bằng chung của thị trường. Đây chỉ là những hạn chế nhất thời hiện nay trong quá trình phát triển đất nước.

Trong các loại hình Năng lượng tái tạo, Điện Mặt trời và Điện Gió đều sử dụng một diện tích đất đáng kể. Do giá đất nông nghiệp vẫn còn khá rẻ, các nhà đầu tư sẽ không ngần ngại tìm cách “vẽ” dự án rồi thông qua chính quyền địa phương để giành đất, giữ chỗ, để sau này sang nhượng kiếm lời từ những nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư thật. Thiệt hại sẽ thuộc về những doanh nghiệp chân chính lẫn người dân. Người dân không được chuyển nhượng đất nông nghiệp theo giá thị trường trong khi những doanh nghiệp đầu tư đích thực cũng khó tiếp cận được quỹ đất và vị trí đất cần thiết với chi phí hợp lý. Nhận thức được việc này, Chính quyền cấp Tỉnh có xu hướng siết chặt việc giao đất cho doanh nghiệp làm dự án Điện Mặt trời và Điện Gió.

Làn sóng đầu tư phát triển nhà máy Điện Mặt trời chính thức “bùng nổ” từ sau khi Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án Điện Mặt trời tại Việt Nam, theo đó giá mua điện từ các nhà máy Điện Mặt trời đưa vào vận hành thương mại trước 30/06/2019 là 9,35 cents/kWh. Với cơ chế khuyến khích này, các nhà đầu tư đã mạnh dạn đầu tư vào lĩnh vực Điện Mặt trời. Thông tin từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) cho biết, tính đến ngày 30/6/2019, đã có 82 nhà máy Điện Mặt trời, với tổng công suất khoảng 4.464 MW được Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia kiểm tra điều kiện và đóng điện thành công. Nguồn Điện Mặt trời đã chiếm tỷ lệ 8,3% công suất đặt của hệ thống điện Việt Nam.

Như các công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần khác, GEC chịu điều chỉnh bởi các quy định chuyên ngành như Luật Doanh nghiệp, Luật Điện lực, Luật Đất đai, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường và các Nghị định, Thông tư liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện. Ngoài ra, với việc cổ phiếu của Công ty giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của

các công ty đại chúng chưa niêm yết Upcom và chuyển sang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HoSE), Công ty còn phải tuân thủ theo các quy định của Luật Chứng khoán, các văn bản Pháp luật về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán cùng với các quy định Pháp luật liên quan khác. Bất cứ sự thay đổi nào của các quy định Pháp luật nói trên cũng có thể tác động đến hoạt động của Công ty.

Các rủi ro pháp lý trong những năm vừa qua nhìn chung là không cao do mục tiêu đáp ứng nhu cầu điện cho nền kinh tế đang ngày càng cấp thiết và đảm bảo an ninh Năng lượng của Chính phủ trong khi nguồn cung trong nước còn nhiều hạn chế. Trong những năm tới, khi thị trường cạnh tranh bán buôn chính thức đi vào vận hành, hệ thống pháp lý Ngành Điện sẽ có những thay đổi phù hợp đối với các quy định về vận hành thị trường điện, chính sách ưu đãi đầu tư, thuế... sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của GEC.

### **3. Rủi ro đặc thù Ngành**

Hiện nay, GEC là một trong số rất ít những doanh nghiệp niêm yết hoạt động trong Ngành điện với nhiều loại hình điện khác nhau bao gồm Thủy điện, Điện Mặt trời và đang mở rộng sang lĩnh vực Điện Gió. Việc đa dạng hóa danh mục dự án một mặt góp phần đa dạng hóa nguồn doanh thu, mặt khác nhằm phân tán các rủi ro đặc thù do phải phụ thuộc nhiều vào tình hình thời tiết tự nhiên như lưu lượng nước, cường độ nắng và tốc độ gió ...

Các nhà máy Thủy điện chịu ảnh hưởng trực tiếp và quyết định của điều kiện thời tiết. Nắng hạn kéo dài, lượng mưa thấp sẽ ảnh hưởng đến nguồn nước, dẫn đến giảm sút sản lượng điện. Ngược lại, nếu tần suất mưa lớn kéo dài gây lũ quét cũng có thể gây hư hại tổn thất cho các công trình đập của nhà máy, gây ra sự cố và phát sinh thêm chi phí duy tu sửa chữa. Các nhà máy thủy điện có dung tích hồ chứa lớn, nếu không chuẩn bị kỹ trong việc đảm bảo an toàn hồ, đập, phòng chống thiên tai, nguy cơ mất an toàn hạ du là rất lớn khi xảy ra các hiện tượng xói mòn tự nhiên, động đất. Đó là những yếu tố rủi ro chi phối lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên khi lập dự án đầu tư xây dựng, Công ty đã tuân thủ đúng và đầy đủ theo quy trình quản lý đầu tư xây dựng, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong việc thiết kế xây dựng công trình Thủy điện nhằm đảm bảo công trình được an toàn khi có những tác động bất lợi xảy ra như bão, lũ...

Bên cạnh đó, Công ty đã chủ động xây dựng quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình đập Nhà máy Thủy điện nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình đập theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng. Cụ thể, đập phải thường xuyên kiểm tra và quan trắc nhằm xác định các tác nhân từ bên ngoài có thể gây mất an toàn cho đập. Việc thực hiện quan trắc đập bao gồm quan trắc biến dạng công trình đất, quan trắc độ lún bản thân công trình, quan trắc độ lún của nền, quan trắc chuyển vị ngang, quan trắc bằng mắt thường các khe nứt, sự hư hỏng. Vào thời điểm tháng 4 và tháng 12 hàng năm, Công ty tiến hành kiểm tra công tác đập trước, trong và sau mùa lũ. Hàng năm, vào thời điểm trước khi bước

vào mùa lũ, Công ty tiến hành kiểm tra, đánh giá chung về ổn định đập; phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão các Bộ, Ngành, Địa phương để xây dựng hoặc cập nhật, bổ sung phương án phòng, chống lụt, bão của đập và phương án phòng chống lũ, lụt vùng hạ du. Sau khi kết thúc mùa lũ, Công ty tiến hành kiểm tra rà soát lại các hạng mục công trình nhằm phát hiện các hư hỏng nếu có; theo dõi diễn biến các hư hỏng đã có của đập, tổng kết rút kinh nghiệm công tác phòng chống lụt, bão; đề xuất biện pháp và kế hoạch sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, tồn tại. Định kỳ không quá 5 năm kể từ ngày kiểm định gần nhất, Công ty sẽ thuê đơn vị tư vấn kiểm định an toàn đập đo đạc nhằm đánh giá mức độ an toàn đập, kiểm tra năng lực công trình qua quá trình khai thác, sử dụng để kịp thời có những đề xuất duy tu, bảo dưỡng, khôi phục, sửa chữa, nâng cấp đập.

Một trong những rào cản lớn nhất của các dự án Năng lượng Mặt trời nằm ở diện tích đất. Các dự án Năng lượng Mặt trời cần một diện tích đất rất lớn để lắp đặt các tấm pin năng lượng. Ở một đất nước có mật độ dân số cao như Việt Nam, tìm được những diện tích đất lớn không ảnh hưởng tới quy hoạch dân cư và đất nông nghiệp không phải là dễ dàng. Đó là chưa kể tới diện tích đất lớn sẽ cần có thời gian giải phóng mặt bằng lâu, đây là trở ngại lớn nhất ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án Điện Mặt trời tại Việt Nam. Một số nhà đầu tư đã lựa chọn lắp đặt các tấm pin Mặt trời trên mặt hồ nước. Tuy nhiên, sự dao động bất thường của mực nước trên các hồ thực sự là thách thức không nhỏ. Ví dụ như Hồ Thủy điện Yaly hay Plei-krông dao động mực nước lên tới 25-40 m thì rất khó có thể tính toán tới việc thực hiện các dự án Điện Mặt trời. Hơn nữa, số hồ nước có diện tích rộng và điều kiện lý tưởng để lắp đặt các tấm pin Mặt trời cũng không phải là nhiều.

Bên cạnh đó, các dự án Điện Gió và Điện Mặt trời phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên. Đối với Điện Mặt trời thì vào ban đêm hoặc trong những ngày nhiều mây và mưa thì nguồn năng lượng sẽ trở nên yếu hơn và không đủ để cung cấp. Điện Gió thì phụ thuộc nhiều vào chế độ gió, nếu chế độ gió không ổn định thì tuabin gió hoạt động kém hiệu quả dẫn đến tính không liên tục của nguồn năng lượng này. Ngoài ra, địa hình xây dựng các tuabin gió cũng rất quan trọng, nếu đó là khu vực vùng biển hoặc gần vùng biển thì các tuabin dễ bị hơi muối biển phá hủy. Ngoài ra, để đấu nối các dự án Điện Mặt trời hay Điện Gió vào hệ thống quốc gia đòi hỏi phải có các giải pháp kỹ thuật để đổi dòng điện. Trong một hệ thống điện, nếu tỷ trọng Điện Mặt trời và Điện Gió lớn thì tần số của hệ thống sẽ bị thay đổi liên tục, có thể dẫn đến sụp đổ tần số, sụp đổ hệ thống điện.

Sự thay đổi trong các chính sách pháp luật cũng có tác động không nhỏ đến Ngành Điện. Quyết định 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án Điện Mặt trời tại Việt Nam, cho phép các dự án Điện Mặt trời được miễn thuế nhập khẩu hàng hóa phục vụ sản xuất, miễn giảm tiền sử dụng đất, thuê đất, thuê mặt nước và nêu rõ bên mua điện EVN có trách nhiệm mua toàn bộ sản lượng điện từ các dự án nối lưới, với giá 9,35 cents/kWh. Tuy nhiên, Quyết định này chỉ có hiệu lực đến hết 30/6/2019, sau thời điểm này, Chính Phủ sẽ ban hành chính sách về giá mới

cho dự án Năng lượng Mặt trời. Như vậy các dự án triển khai sau năm 2019 sẽ có được cơ chế bán điện và ưu đãi như thế nào vẫn còn bỏ ngỏ.

Theo nhận định của Bộ Công Thương, cả nước có thể đối mặt với nguy cơ thiếu điện vào năm 2020, do đó nguồn Năng lượng Tái tạo mà cụ thể là Năng lượng Mặt trời là sự bổ sung cần thiết và kịp thời, sẽ góp phần giảm thiểu hụt điện tại miền Nam, tăng cường an ninh cung ứng điện và giảm căng thẳng trong vận hành hệ thống điện. Tuy nhiên, một số lượng lớn các nhà máy Điện Mặt trời đi vào vận hành trong thời gian ngắn đã và đang gây không ít khó khăn, thách thức cho công tác vận hành hệ thống điện. Nguyên nhân là do tính chất bất ổn định, phụ thuộc vào thời tiết của loại hình nguồn điện này. Bên cạnh đó, việc phát triển nóng và ồ ạt các dự án Điện Mặt trời tập trung tại một số Tỉnh như Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk đã gây ra hiện tượng quá tải lưới 110 kV, 220 kV tại các Khu vực trên. Các nhà máy sản xuất điện là công trình quan trọng liên quan đến an ninh Năng lượng quốc gia, đóng vai trò cung cấp nguồn Năng lượng cho tất cả các thành phần kinh tế và nhu cầu xã hội. Trong bối cảnh nhu cầu Năng lượng ngày càng gia tăng, nếu nhà máy điện gặp sự cố gián đoạn vận hành, sản xuất sẽ gây ảnh hưởng đến sự ổn định của nguồn cung cấp và dẫn đến thiếu hụt nguồn điện, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung. Hiện nay các nhà máy sản xuất điện của GEC có quy mô vừa và nhỏ, chiếm tỷ trọng không quá lớn trong tổng công suất nguồn điện của các nước nên không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động cung cấp điện của Ngành.

Mặc dù giá bán Điện Mặt trời đối với các nhà máy áp dụng vận hành trước 30/6/2019 là 9,35 cents/kWh và áp dụng trong vòng 20 năm tuy nhiên doanh thu của các nhà máy sẽ được quy đổi dựa vào tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước ban hành. Tỷ giá này sẽ được chốt vào thời điểm mỗi cuối tháng khi Công ty xuất hóa đơn cho EVN. Chính vì vậy, sự biến động của tỷ giá trung tâm của đồng Đô la Mỹ có tác động trực tiếp tới doanh thu của Công ty. Tuy nhiên, trong suốt giai đoạn từ cuối năm 2018 cho tới 6 tháng đầu năm 2019, tỷ giá trung tâm vẫn đang trong xu thế tăng do đó nhân tố này đang có tác động tích cực tới kết quả kinh doanh của Công ty.

Đối với các nhà máy Thủy điện, do thuộc quy mô vừa và nhỏ nên được áp dụng Biểu giá Chi phí tránh được. Theo Thông tư số 32/2014/TT-BCT, Biểu giá Chi phí tránh được là biểu giá được tính toán căn cứ vào các chi phí tránh được của hệ thống điện quốc gia khi có 1 kWh công suất phát từ NMTĐ nhỏ được phát lên lưới điện phân phối, trong đó chi phí tránh được là chi phí sản xuất 1 kWh của tổ máy phát có chi phí cao nhất trong hệ thống điện quốc gia, chi phí này có thể tránh được nếu bên mua mua 1 kWh từ một NMTĐ nhỏ thay thế. Biểu phí này sẽ được áp dụng cho (1) các nhà máy có công suất nhỏ hơn hoặc bằng 30 MW và toàn bộ điện năng được sản xuất từ NLTT hoặc (2) bên bán có nhiều NMTĐ bậc thang trên cùng một dòng sông mà tổng công suất đặt của các nhà máy này nhỏ hơn hoặc bằng 60 MW. Hàng năm, Bộ Công Thương sẽ ban hành quyết định về biểu giá này để áp dụng trong năm tài chính tương ứng. Việc biểu giá được thay đổi hàng năm có thể khiến các doanh nghiệp khó chủ động trong việc lên kế hoạch kinh doanh, tuy nhiên, trong các năm gần



đây, biểu giá này đều có xu hướng tăng nhẹ, trở thành một yếu tố tích cực giúp cải thiện doanh thu của các nhà máy Thủy điện.

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành, kể từ ngày 1/1/2015, các công ty phải lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo quy định và chính sách áp dụng đối với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án. Tuy nhiên, do hiện nay Công ty chưa thu thập đủ thông tin và số liệu cần thiết để có thể trích lập khoản dự phòng này một cách chính xác, do đó, vào thời điểm cuối năm 2018, Công ty đã không thực hiện trích lập dự phòng cho khoản chi phí này trên BCTC, tuy nhiên, Công ty đã thực hiện thuyết minh khoản chi phí này trên BCTC như một khoản nợ tiềm tàng để đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

#### **4. Rủi ro về biến động giá cổ phiếu**

Cổ phiếu của GEC khi niêm yết tại HOSE sẽ hỗ trợ Công ty quảng bá thương hiệu, nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản, tạo điều kiện cho các chủ sở hữu có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng, tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn tài chính khác nhau trong nước và quốc tế, làm tăng nguồn vốn cho đầu tư phát triển, chuẩn mực hóa hoạt động Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất trên thị trường thông qua việc tăng tính minh bạch trong công bố thông tin.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu GEG sau khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu và mối quan hệ này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tình hình chính trị, xã hội, kinh tế trong nước và quốc tế, hoạt động kinh doanh của Công ty; cũng như các thay đổi về luật liên quan và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý, cách thức giao dịch và khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của Công ty sẽ là một yếu tố khó lường trước.

#### **5. Rủi ro Quản trị Công ty**

Rủi ro Quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do 2 nguyên nhân chính (i) Sự thiếu hụt chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) Sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp Quản trị. Để hạn chế rủi ro Quản trị, Công ty có các quy định về phân quyền và trách nhiệm cụ thể giữa các thành viên trong bộ máy quản lý Công ty và thực hiện tuân thủ đầy đủ các quy định về Quản trị Công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành và áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ.

#### **6. Rủi ro khác**

Do tính chất hoạt động kinh doanh, Công ty còn có thể chịu những rủi ro khác như sự thay đổi chính sách thuế xuất nhập khẩu, các rủi ro về vận hành. Các rủi ro liên quan đến cháy, nổ và các tổn thất vật lý khác sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản. Việc tiếp xúc với nguồn Năng lượng điện cũng đặt người



lao động vào các rủi ro về an toàn lao động. Vì vậy người lao động tại các nhà máy điện phải luôn trang bị đầy đủ chuyên môn, kinh nghiệm cũng như các biện pháp an toàn lao động nhằm hạn chế tối đa các thiệt hại về con người.

Ngoài ra còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như chiến tranh, thiên tai (hạn hán, bão lụt), dịch bệnh, hỏa hoạn... ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất của Công ty như gây thiệt hại về tài sản, con người. Để giảm thiểu rủi ro, Công ty đã thường xuyên kiểm tra, bảo trì và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, tham gia mua bảo hiểm cho hàng hóa và tài sản.

## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức Niêm yết**

#### **Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (GEC)**

|                              |                                        |
|------------------------------|----------------------------------------|
| <b>Ông Tân Xuân Hiến</b>     | Chủ tịch Hội đồng Quản trị             |
| <b>Bà Nguyễn Thái Hà</b>     | Tổng Giám đốc                          |
| <b>Bà Trần Thị Hồng Thắm</b> | Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### **2. Tổ chức Tư vấn**

#### **Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI**

**Bà Nguyễn Ngọc Anh** Chức vụ: Giám đốc Khối - Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư  
*(Giấy ủy quyền số 08/2019/UQ-SSI do Ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ký ngày 3/6/2019)*

Bản Cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Điện Gia Lai. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Điện Gia Lai cung cấp.

### III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản Cáo bạch này có nội dung như sau:

|                            |                                                                          |
|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| BCTC                       | Báo cáo Tài chính                                                        |
| BTGD                       | Ban Tổng Giám đốc                                                        |
| CMND                       | Chứng minh nhân dân                                                      |
| Công ty/GEC/GEG            | Công ty Cổ phần Điện Gia Lai                                             |
| CTCP                       | Công ty Cổ phần                                                          |
| DTT                        | Doanh thu thuần                                                          |
| ĐHĐCĐ                      | Đại hội đồng Cổ đông                                                     |
| ĐKKD                       | Đăng ký kinh doanh                                                       |
| HĐKD                       | Hoạt động kinh doanh                                                     |
| HĐQT                       | Hội đồng Quản trị                                                        |
| HNX                        | Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội                                          |
| HOSE                       | Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh                           |
| LNST                       | Lợi nhuận sau thuế                                                       |
| LNTT                       | Lợi nhuận trước thuế                                                     |
| MTV                        | Một thành viên                                                           |
| NHTMCP                     | Ngân hàng Thương mại Cổ phần                                             |
| PTGD                       | Phó Tổng Giám đốc                                                        |
| ROAA                       | Tỷ suất Lợi nhuận trên Tổng tài sản bình quân                            |
| ROAE                       | Tỷ suất Lợi nhuận trên Vốn chủ sở hữu bình quân                          |
| SXKD                       | Sản xuất kinh doanh                                                      |
| Thuế VAT                   | Thuế Giá trị gia tăng                                                    |
| Tổ chức thực hiện niêm yết | Công ty Cổ phần Điện Gia Lai                                             |
| TCP                        | Tổng Chi phí                                                             |
| TDT                        | Tổng Doanh thu                                                           |
| TNHH                       | Trách nhiệm hữu hạn                                                      |
| TP.HCM                     | Thành phố Hồ Chí Minh                                                    |
| TSCĐ                       | Tài sản cố định                                                          |
| TTS                        | Tổng tài sản                                                             |
| UBCKNN                     | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước                                              |
| UPCOM                      | Thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết |
| VCSH                       | Vốn Chủ sở hữu                                                           |
| VĐL                        | Vốn điều lệ                                                              |
| VND                        | Việt Nam đồng                                                            |
| VSD                        | Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam                                    |

#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

##### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

###### 1.1 Giới thiệu chung về Tổ chức niêm yết

- Tên gọi Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI
- Tên giao dịch đối ngoại: GIA LAI ELECTRICITY JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: GEC
- Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: (0269) 3823 604 Fax: (0269) 3826 365
- Trang Web: <http://geccom.vn/>
- Mã số thuế: 5900181213
- VDL hiện tại: 2.038.916.770.000 đồng
- Giấy Chứng nhận ĐKKD: Số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 9/9/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 24/6/2019
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

| TT | Ngành nghề kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã Ngành        |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1  | Sản xuất điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3511<br>(chính) |
| 2  | Truyền tải và phân phối điện<br><i>Chi tiết: Phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3512            |
| 3  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4321            |
| 4  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br><i>Chi tiết: Mua bán xuất nhập khẩu máy móc thiết bị điện, thiết bị cơ điện, thiết bị công nghiệp, động cơ điện, máy biến thế và các vật liệu điện khác, máy móc thiết bị để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, khai khoáng, xây dựng, thiết bị máy văn phòng</i>                                                                                                                                                | 4659            |
| 5  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4212            |
| 6  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4101            |
| 7  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4102            |
| 8  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br><i>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đắp đường và các công trình khác</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4299            |
| 9  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4222            |
| 10 | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br><i>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ tư vấn về công nghệ như tư vấn về kỹ thuật điện, tư vấn quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, máy móc, thiết bị điện (trừ dịch vụ tư vấn kỹ thuật liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị - nông thôn, quy hoạch phát triển ngành)</i> | 7490            |
| 11 | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br><i>Chi tiết:</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7120            |

| TT | Ngành nghề kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã Ngành |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp đến 110KV, dây chuyên công nghiệp</li> <li>- Thí nghiệm vật liệu cách điện, các loại mẩu dầu cách điện và dầu công nghiệp</li> <li>- Kiểm định thiết bị điện, dụng cụ an toàn điện và dây cáp điện nhưng không bao gồm kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và không bao gồm việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải (Ngoại trừ việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải; ngoại trừ việc tiếp cận một số khu vực địa lý vì lý do an ninh quốc gia)</li> </ul>                                                                                             |          |
| 12 | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p><i>Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng kèm người điều khiển</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4390     |
| 13 | <p>Hoạt động tư vấn quản lý</p> <p><i>Chi tiết: Tư vấn quản lý doanh nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, kiểm toán, lập trình máy vi tính, quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận, môi giới lao động, giới thiệu việc làm, dịch vụ hỗ trợ giáo dục)</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7020     |
| 14 | <p>Sửa chữa thiết bị điện</p> <p><i>Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị điện; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của các nhà máy điện (không bao gồm sửa chữa máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị liên lạc, thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình khác)</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3314     |
| 15 | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công các công trình thủy điện vừa và nhỏ</li> <li>- Tư vấn lập dự án, khảo sát, thiết kế thi công đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống)</li> <li>- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110 KV trở xuống)</li> <li>- Tư vấn quản lý dự án xây dựng công trình (trừ dịch vụ tư vấn kỹ thuật liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị-nông thôn, quy hoạch phát triển ngành)</li> </ul> | 7110     |
| 16 | <p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trong phạm vi khoản 3, điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6810     |
| 17 | <p>Cho thuê xe có động cơ</p> <p><i>Chi tiết: Cho thuê xe có động cơ không có lái xe đi kèm</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7710     |
| 18 | <p>Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3320     |
| 19 | <p>Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2710     |

## 1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

| Thời gian           | Những cột mốc phát triển quan trọng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1989</b>         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tiền thân là Công ty Thủy điện Gia Lai Kon Tum, được thành lập ngày 1/6/1989</li> <li>Vốn kinh doanh: 1,8 tỷ đồng</li> <li>Bắt đầu xây dựng Nhà máy Thủy điện đầu tiên: Ia Đrăng 2 - 1,2 MW</li> </ul>                                                                                                                                                                                               |
| <b>1992</b>         | 22/12/1992: Ủy ban Nhân dân Tỉnh đổi tên thành Xí nghiệp Thủy điện Ia Đrăng 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>1994</b>         | 20/4/1994: Đổi tên thành Công ty Thủy điện Tỉnh Gia Lai                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>1995</b>         | 24/10/1995: Đổi tên thành Công ty Điện Gia Lai                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>2010</b>         | <ul style="list-style-type: none"> <li>9/9/2010: IPO thành công 26.143.593 cổ phần trên HOSE</li> <li>Chuyển đổi thành CTCP Điện Gia Lai</li> <li>VĐL: 262 tỷ đồng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>2011</b>         | Trở thành Công ty đại chúng theo chấp thuận của UBCK số 4454/UBCL-QLPH ngày 22/12/2011                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>2013</b>         | 18/1/2013: Chính thức trở thành Thành viên của Tập đoàn TTC - Tập đoàn kinh tế tư nhân đa ngành. GEC được xác định là đơn vị tiên phong, hạt nhân của Tập đoàn TTC trong lĩnh vực Năng lượng                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>2016</b>         | <ul style="list-style-type: none"> <li>30/6/2016: Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC - Ngân hàng Thế giới và Quỹ Năng lượng sạch Armstrong - Singapore chính thức trở thành Cổ đông chiến lược nước ngoài của GEC với tỷ lệ 36,01%</li> <li>Hỗ trợ GEC mở rộng sang loại hình Năng lượng tái tạo của kiểu mẫu của Việt Nam</li> <li>Sở hữu 14 Nhà máy Thủy điện với tổng công suất là 84,1 MW</li> </ul>                                         |
| <b>2017</b>         | Chính thức giao dịch trên Sàn Upcom của HNX                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>2018</b>         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Chào bán thành công 97.091.275 cổ phiếu cho CĐ hiện hữu với tỷ lệ 1:1</li> <li>Chính thức vận hành 2 Nhà máy Điện Mặt trời đầu tiên của Việt Nam tại Huế và Gia Lai với tổng công suất 117 MWp</li> <li>VĐL: 1.942 tỷ đồng, TTS: 4.361 tỷ đồng, DTT: 559 tỷ đồng, LNNTT: 207 tỷ đồng</li> <li>Danh mục Dự án hoạt động: 14 Nhà máy Thủy điện - 84,1 MW, 2 Nhà máy Điện Mặt trời - 117 MWp</li> </ul> |
| <b>6 tháng 2019</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nâng công suất Nhà máy Thủy điện Đăk Pi Hao 2 lên 10 MW</li> <li>Đưa vào vận hành thương mại thêm 3 Nhà máy Điện Mặt trời Đức Huệ 1 - 49 MWp, Hàm Phú 2 - 49 MWp và Trúc Sơn - 44,4 MWp</li> <li>Danh mục Dự án hoạt động: 14 Nhà máy Thủy điện - 85,1 MW; 5 Nhà máy Điện Mặt trời - 260 MWp.</li> </ul>                                                                                             |

## 1.3 Các thành tích đạt được

Qua hơn 30 năm phát triển và đổi mới, tháng 6 năm 2019, GEC có VĐL 2.038.916.770.000 đồng và TTS đạt hơn 6.600 tỷ đồng. Công ty đang sở hữu trực tiếp và gián tiếp 14 Nhà máy Thủy điện vừa và nhỏ với tổng công suất vận hành đạt 85,1 MW, trong đó 93% công suất tập trung tại khu vực Tây Nguyên và 7% công suất còn lại ở khu vực Bắc Trung Bộ. Cụ thể, Công ty hiện đang vận hành 71 MW Thủy điện tại Gia Lai, tương đương 83% tổng công suất Thủy điện đang hoạt động của GEC và chiếm khoảng 24% tỷ trọng các dự án Thủy điện vừa và nhỏ đang vận hành tại khu vực này. Ngoài ra, ghi nhận 8,1 MW tại Tỉnh Lâm Đồng, 6 MW tại Huế, chiếm lần lượt 10% và 7% tổng công suất

Thủy điện của GEC. Tại Lâm Đồng, GEC chiếm khoảng 14% công suất Thủy điện vừa và nhỏ đang vận hành.

Với 5 Nhà máy Điện Mặt trời tổng công suất 260 MWp đã hòa lưới quốc gia, GEC đang chiếm khoảng 5% thị phần Điện Mặt trời tại Việt Nam. Bên cạnh đó, GEC còn thực hiện xây dựng, nâng cấp nhiều tuyến đường dây, trạm biến áp và các công trình Năng lượng khác. Đến nay, các dự án do Công ty thực hiện đã đi vào hoạt động và phát huy hiệu quả. Công tác Nghiên cứu & Phát triển (R&D) - hỗ trợ giải pháp năng lượng tối ưu và Đầu tư phát triển công nghệ - gia tăng hiệu quả hoạt động luôn được chú trọng và không ngừng phát triển trong những năm qua.

Công ty đã nghiên cứu chế tạo và cung cấp cho các Nhà máy Thủy điện nhiều sản phẩm như tủ bảng điện, tủ nạp Ac quy và các hệ thống điều khiển tự động, phát triển thêm lĩnh vực thí nghiệm điện đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng cấp Chứng nhận Hợp chuẩn (VILAS 878). Kể từ khi thành lập đến nay, GEC đã đầu tư hàng chục tỷ đồng cho việc nâng cấp các nhà máy cụ thể như thay thế bánh xe công tác để nâng hiệu suất phát điện, cải tạo hệ thống tự động hóa SCADA/HMI để giám sát hoạt động các nhà máy ngay Trung tâm điều độ tại Công ty... Các nghiên cứu cải tiến hợp lý hóa sản xuất như hệ thống kích từ, điều tốc; hệ thống nguồn tự dùng DC; thiết bị giám sát sự cố lưới 35kV... đã được đưa vào ứng dụng. Việc làm chủ các công nghệ trọng yếu này giúp giảm thiểu tối đa việc ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh và tiết kiệm thời gian khắc phục khi có các sự cố xảy ra.

Về đầu tư phát triển công nghệ, những Dự án chính là Đầu tư nâng cấp Nhà máy Thủy điện Đăk Pi Hao 2, Thay thế hệ thống Rơle bảo vệ và hệ thống điều khiển phân tán (DCS) tại Nhà máy Thủy điện Ayun Hạ đều đã hoàn thành. Đặc biệt, Khối Kỹ thuật đã chế tạo và sản xuất thành công sản phẩm Robot lau pin mặt trời cho các nhà máy Điện Mặt trời, hoàn thành thiết kế dây chuyền sản xuất Robot tại Diên Phú. Sản phẩm sẽ được đăng ký thương quyền, đánh giá chất lượng TUV để đảm bảo tính pháp lý và năng lực cạnh tranh của sản phẩm đối với đối tác bên ngoài. Cuối năm 2019, GEC không chỉ tiến hành thương mại hóa sản phẩm cho các Dự án của GEC nói riêng, Tập đoàn TTC nói chung, mà cả những khách hàng trang trại Điện Mặt trời trên thị trường.

GEC luôn tự hào là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Tỉnh Gia Lai và Khu vực Tây Nguyên. Năm 2017, Công ty đã được nhận giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam do Thời báo Kinh tế Việt Nam tín nhiệm và bầu chọn. Tháng 7 năm 2019, Báo cáo thường niên của GEC đã vinh dự đạt được Giải Bạc, xếp thứ 3 Ngành Năng lượng trong hệ thống giải thưởng Báo cáo thường niên Vision Award 2018 trên phạm vi toàn cầu do Hiệp hội Truyền thông Chuyên nghiệp Mỹ (LACP) tổ chức hàng năm. GEC đồng thời là đơn vị duy nhất của Ngành Năng lượng Việt Nam đạt giải thưởng quốc tế này.



#### 1.4 Quá trình tăng Vốn Điều lệ

Cùng với sự phát triển trong hoạt động kinh doanh của Công ty, VDL của GEC thay đổi như sau:

*Đơn vị: Đồng*

| Thời điểm         | Lần tăng | Giá trị vốn tăng thêm | VĐL sau khi tăng  | Hình thức tăng vốn                                                                     | Ghi chú                                                                                                                      |
|-------------------|----------|-----------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tháng 6/2012      | Lần 1    | 261.435.930.000       | 522.871.860.000   | Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược                                              | - Giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phiếu<br>- Số lượng Cổ đông được phân phối cổ phiếu: 4<br>- Hình thức góp vốn: bằng tiền mặt |
| Tháng 8/2014      | Lần 2    | 78.430.420.000        | 601.302.280.000   | - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức<br>- Phát hành cổ phiếu thưởng cho Cổ đông hiện hữu | - Số lượng Cổ đông được phân phối cổ phiếu: 250<br>- Hình thức góp vốn: bằng cổ phiếu                                        |
| Tháng 8/2015      | Lần 3    | 120.258.690.000       | 721.560.970.000   | - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức<br>- Phát hành cổ phiếu thưởng cho Cổ đông hiện hữu | - Số lượng Cổ đông được phân phối cổ phiếu: 212<br>- Hình thức góp vốn: bằng cổ phiếu                                        |
| Tháng 11/2015 (*) | Lần 4    | 23.342.420.000        | 744.903.390.000   | Phát hành cổ phiếu để hoán đổi                                                         | - Số lượng Cổ đông được phân phối cổ phiếu: 119<br>- Hình thức góp vốn: bằng cổ phiếu                                        |
| Tháng 6/2017      | Lần 5    | 148.979.850.000       | 893.883.240.000   | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức                                                       | - Số lượng Cổ đông được phân phối cổ phiếu: 302<br>- Hình thức góp vốn: bằng cổ phiếu                                        |
| Tháng 10/2017 (*) | Lần 6    | 77.029.510.000        | 970.912.750.000   | Phát hành cổ phiếu để hoán đổi                                                         | - Số lượng Cổ đông được phân phối cổ phiếu: 1.163<br>- Hình thức góp vốn: bằng cổ phiếu                                      |
| Tháng 10/2018     | Lần 7    | 970.912.750.000       | 1.941.825.500.000 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu                                                         | - Số lượng Cổ đông được phân phối cổ phiếu: 1.533<br>- Hình thức góp vốn: bằng tiền mặt                                      |

Đơn vị: Đồng

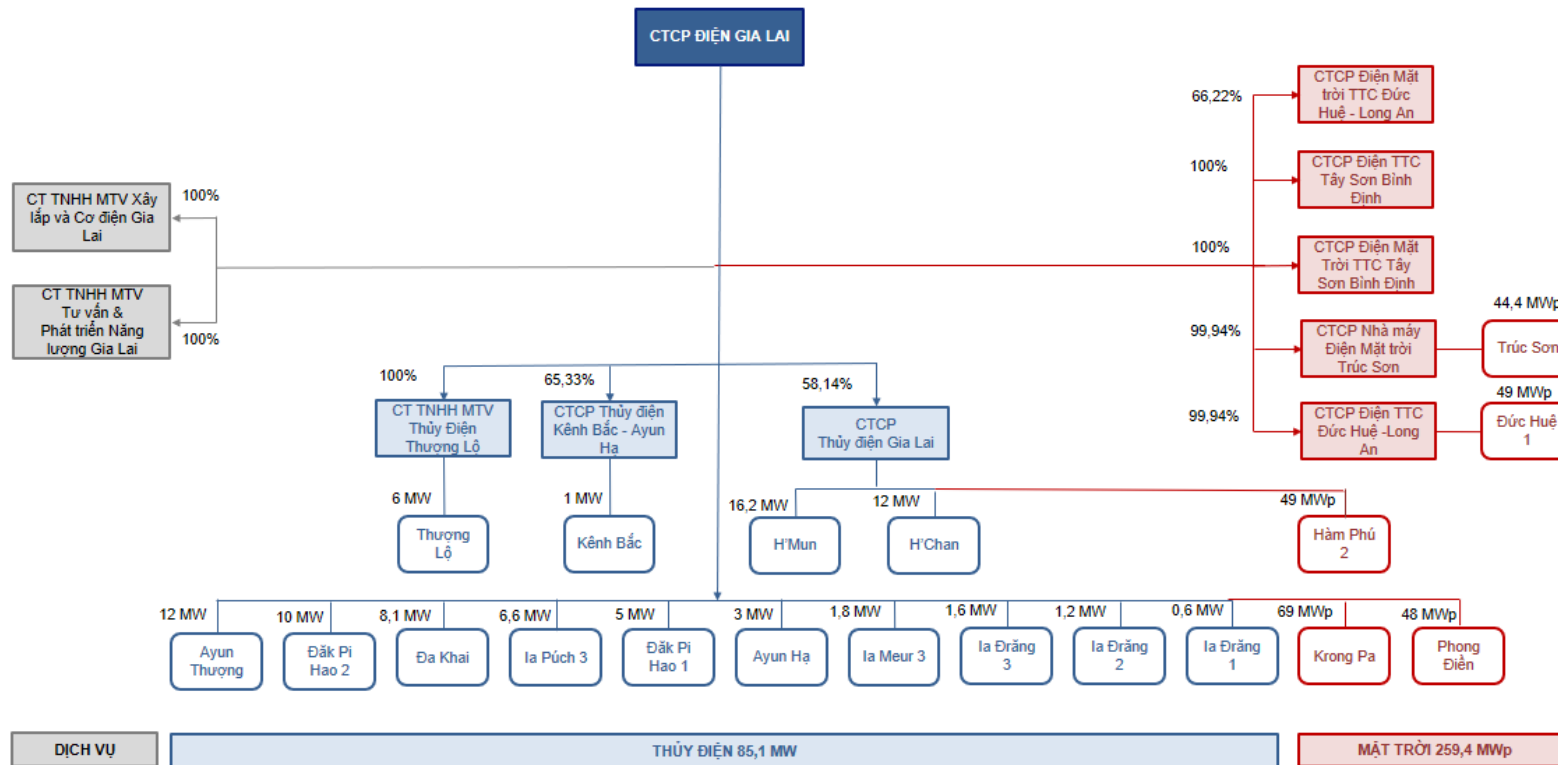
| Thời điểm    | Lần tăng | Giá trị vốn tăng thêm | VĐL sau khi tăng  | Hình thức tăng vốn             | Ghi chú                                                                              |
|--------------|----------|-----------------------|-------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Tháng 6/2019 | Lần 8    | 97.091.270            | 2.038.916.770.000 | Phát hành cho cán bộ nhân viên | - Số lượng Cổ đông được phân phối cổ phiếu: 63<br>- Hình thức góp vốn: bằng tiền mặt |

Nguồn: GEC

(\*) Các đợt phát hành tăng vốn để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai đều thực hiện sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký công ty đại chúng cho Công ty. Do đó, các đợt phát hành tăng vốn này đều được UBCKNN xem xét phê duyệt chấp thuận về chủ trương và kết quả phát hành. Đồng thời, sau mỗi đợt tăng vốn, Công ty đều được Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Gia Lai phê duyệt chấp thuận điều chỉnh tăng vốn đăng ký.

**2. Cơ cấu tổ chức Công ty**

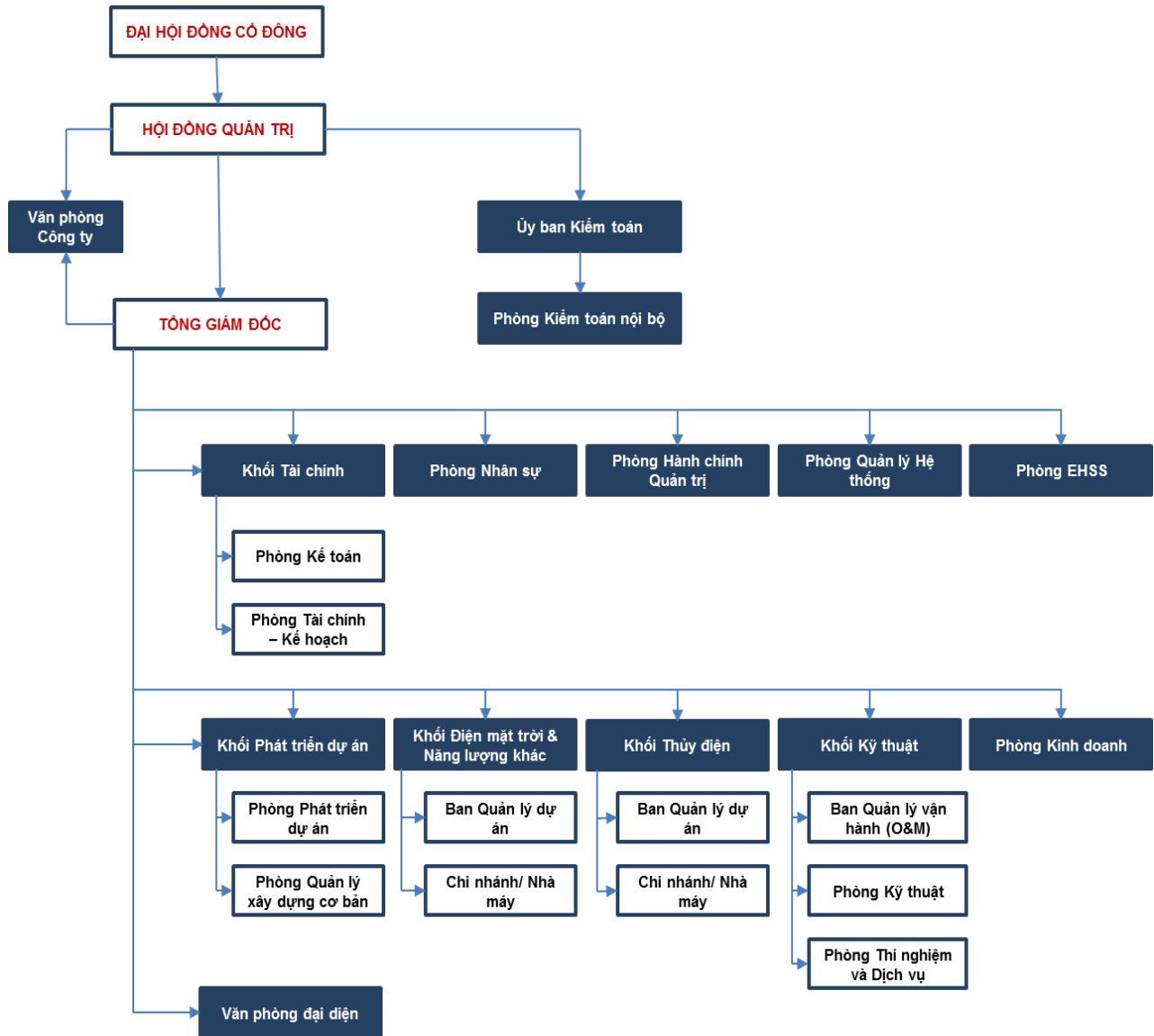
**Hình 5: Cơ cấu Tổ chức Công ty tại 30/6/2019**



Nguồn: GEC

### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hình 6: Cơ cấu Bộ máy Quản lý của Công ty tại 30/6/2019



Nguồn: GEC

GEC được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

#### Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung V&L của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ủy ban Kiểm toán; quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Hội đồng Quản trị**

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

#### **Danh sách Hội đồng Quản trị của Công ty**

|   |                                |                                 |
|---|--------------------------------|---------------------------------|
| 1 | <b>Ông Tân Xuân Hiến</b>       | Chủ tịch HĐQT                   |
| 2 | <b>Bà Đỗ Thu Ngân</b>          | Thành viên HĐQT                 |
| 3 | <b>Ông Andrew Mark Affleck</b> | Thành viên HĐQT                 |
| 4 | <b>Ông Jean Paul Pinard</b>    | Thành viên HĐQT                 |
| 5 | <b>Bà Nguyễn Thùy Vân</b>      | Thành viên HĐQT                 |
| 6 | <b>Bà Phạm Ngọc Thanh Mai</b>  | Thành viên HĐQT không điều hành |

### **Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng**

Công ty có 1 TGD, 5 PTGD, 1 GD Tài chính kiêm Kế toán trưởng và các chức danh khác do HĐQT quyết định và bổ nhiệm. TGD Công ty là người quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về trách nhiệm quản lý điều hành Công ty. Các PTGD và GD Tài chính kiêm Kế toán trưởng hỗ trợ TGD thực hiện các công việc theo sự phân công.

#### **Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng của Công ty**

|   |                              |                                  |
|---|------------------------------|----------------------------------|
| 1 | <b>Bà Nguyễn Thái Hà</b>     | TGD                              |
| 2 | <b>Ông Lê Thanh Vinh</b>     | PTGD thường trực                 |
| 3 | <b>Ông Phan Thanh Lạc</b>    | PTGD                             |
| 4 | <b>Ông Nguyễn Đình Tuấn</b>  | PTGD                             |
| 5 | <b>Ông Hà Nguyên Hoàng</b>   | PTGD                             |
| 6 | <b>Ông Nguyễn Lê Hùng</b>    | PTGD                             |
| 7 | <b>Bà Trần Thị Hồng Thắm</b> | GD Tài chính kiêm Kế toán trưởng |

**Chức năng và nhiệm vụ của các Đơn vị trực thuộc**

| TT | Tên đơn vị        | Lĩnh vực phụ trách                    | Chức năng, nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|----|-------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Ủy ban Kiểm toán  | Kiểm toán nội bộ                      | <p>Ủy ban Kiểm toán là đơn vị trực thuộc HĐQT, có vai trò tham mưu cho HĐQT các công việc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám sát việc quản lý điều hành Công ty;</li> <li>- Tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành Công ty.</li> </ul>                                                                                                                |
| 2  | Văn phòng Công ty | Trợ lý - thư ký HĐQT                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cầu nối giữa các cơ quan: HĐQT, Ủy ban Kiểm toán, BTGD, các Doanh nghiệp mà Công ty có vốn góp (nếu có), các Cơ quan bên ngoài;</li> <li>- Tham mưu cho HĐQT về các chức năng Quản trị;</li> <li>- Tổ chức thực hiện các nghiệp vụ hành chính và thư ký cho HĐQT;</li> </ul>                                                                         |
|    |                   | Trợ lý - thư ký BTGD                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu mối thông tin giữa BTGD với các Đơn vị trong Công ty;</li> <li>- Tham mưu các vấn đề thuộc thẩm quyền điều hành của BTGD;</li> <li>- Tổ chức, thực hiện nghiệp vụ thư ký/trợ lý cho BTGD.</li> </ul>                                                                                                                                             |
|    |                   | Chính sách                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập kế hoạch văn bản lập quy hàng năm;</li> <li>- Phối hợp với các Đơn vị xây dựng hoặc giám sát, hướng dẫn việc xây dựng văn bản lập quy;</li> <li>- Thẩm định tính hệ thống, hình thức các dự thảo văn bản pháp quy;</li> <li>- Quản lý, phân phối, lưu trữ văn bản lập quy;</li> <li>- Phối hợp phổ biến nội dung các văn bản lập quy.</li> </ul> |
|    |                   | Quản lý Cổ đông và Quan hệ Nhà đầu tư | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý Cổ đông, cổ phần, cổ phiếu;</li> <li>- Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                              |
|    |                   | Pháp chế                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn và phổ biến pháp luật;</li> <li>- Đại diện tố tụng và ngoài tố tụng cho Công ty;</li> <li>- Tham mưu xây dựng Hệ thống phân công - phân quyền/ủy quyền.</li> </ul>                                                                                                                                                                            |
| 3  | Khối Tài chính    | Tài chính                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý tài chính;</li> <li>- Đầu tư tài chính;</li> <li>- Hoạch định, quản lý và điều phối kế hoạch của toàn Công ty;</li> <li>- Tham mưu các vấn đề về hoạch định, theo dõi, đánh giá hoặc điều phối kế hoạch.</li> </ul>                                                                                                                          |
|    |                   | Kế toán                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý những công việc thuộc nghiệp vụ kế toán theo đúng quy định pháp luật;</li> <li>- Tham mưu cho Ban Lãnh đạo về công tác Kế toán Quản trị của Công ty;</li> <li>- Quản lý ngân quỹ, chứng từ có giá.</li> </ul>                                                                                                                                |
| 4  | Phòng Nhân sự     | Nhân sự                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạch định nguồn nhân lực;</li> <li>- Tuyển dụng nguồn nhân lực;</li> <li>- Quản lý nguồn nhân lực;</li> <li>- Tham mưu cho Ban Lãnh đạo về công tác thiết lập các chính sách liên quan đến nguồn nhân lực.</li> </ul>                                                                                                                               |

| TT | Tên đơn vị                | Lĩnh vực phụ trách                    | Chức năng, nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----|---------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                           | Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đào tạo;</li> <li>- Phát triển nguồn nhân lực.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 5  | Phòng Hành chính quản trị | Hành chính                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý văn thư, y tế, thương hiệu, chi phí và tài sản thuộc văn phòng, tòa nhà, bất động sản;</li> <li>- Công tác lễ tân;</li> <li>- Công tác hành chính phục vụ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|    |                           | Mua hàng                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý hoạt động mua sắm của Công ty.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|    |                           | Bảo vệ                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ mục tiêu an ninh;</li> <li>- Quản lý sử dụng xe.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 6  | Phòng quản lý hệ thống    | Kỹ thuật hạ tầng                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ định hướng phát triển của Công ty;</li> <li>- Tham mưu, tư vấn xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo hướng thống nhất và tập trung;</li> <li>- Triển khai các giải pháp kỹ thuật hạ tầng phù hợp với quy mô Công ty;</li> <li>- Giám sát, theo dõi các hoạt động triển khai theo định hướng chiến lược công nghệ thông tin;</li> <li>- Quản lý hệ thống hạ tầng và đảm bảo vận hành ổn định hệ thống mạng, hệ thống ứng dụng, đảm bảo cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin cho Đơn vị, Công ty con.</li> </ul> |
|    |                           | Phát triển ứng dụng                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu, đề xuất, tham mưu xây dựng và duy trì các quy định, quy chuẩn áp dụng cho ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng tập trung hóa;</li> <li>- Phát triển và triển khai các giải pháp, ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với Công ty;</li> <li>- Tổ chức thực hiện các khảo sát, chuyển giao công nghệ, thu thập thông tin của các ứng dụng công nghệ thông tin;</li> <li>- Giám sát, theo dõi các hoạt động triển khai ứng dụng theo định hướng chiến lược công nghệ thông tin.</li> </ul>                                                                      |
| 7  | Phòng EHSS                | Môi trường, Sức khỏe, An toàn, Xã hội | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều phối, thực hiện và giám sát các hoạt động liên quan đến Môi trường, Sức khỏe, An toàn, Xã hội (EHSS);</li> <li>- Đảm bảo các quy định liên quan đến EHSS của Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế mà Công ty đã cam kết.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 8  | Khối Phát triển dự án     | Phát triển dự án                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác M&amp;A các dự án;</li> <li>- Hợp tác phát triển dự án;</li> <li>- Khảo sát và xin chủ trương thực hiện dự án;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |



| TT | Tên đơn vị                                            | Lĩnh vực phụ trách      | Chức năng, nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----|-------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                       |                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn quản lý dự án;</li> <li>- Quản lý dự án CDM.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|    |                                                       | Quản lý xây dựng cơ bản | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng định mức nội bộ trong công tác xây dựng cơ bản của Công ty;</li> <li>- Thực hiện việc lập, thẩm tra dự toán, quyết toán;</li> <li>- Thực hiện công tác quản lý, triển khai dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty;</li> <li>- Thực hiện công tác quản lý, triển khai sửa chữa hạng mục công trình xây dựng cơ bản.</li> </ul> |
| 9  | Khối Kỹ thuật                                         | Quản lý vận hành (O&M)  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám sát hoạt động của các nhà máy thuộc Công ty;</li> <li>- Xây dựng và triển khai kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa;</li> <li>- Chủ trì công tác xử lý, khắc phục sự cố: tự thực hiện hoặc thuê ngoài;</li> <li>- Xây dựng cẩm nang quản lý vận hành cho các nhà máy/chi nhánh.</li> </ul>                                         |
|    |                                                       | Kỹ thuật                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu các giải pháp về thiết bị và công nghệ cho nhà máy điện.</li> <li>- Quản lý sản xuất điện;</li> <li>- Quản lý kỹ thuật điện.</li> </ul>                                                                                                                                                                                       |
|    |                                                       | Thí nghiệm và dịch vụ   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp dịch vụ thí nghiệm điện;</li> <li>- Giám sát kỹ thuật cơ - điện - xây dựng;</li> <li>- Dịch vụ kỹ thuật cơ điện.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                     |
| 10 | Phòng kinh doanh                                      | Quản lý kinh doanh      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý hoạt động bán điện cho EVN;</li> <li>- Quản lý kinh doanh điện toàn Công ty;</li> <li>- Quản lý kinh doanh dịch vụ kỹ thuật cơ điện, thí nghiệm điện.</li> </ul>                                                                                                                                                                 |
| 11 | Văn phòng đại diện                                    | Hành chính, tổng hợp    | Công tác hành chính.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 12 | Khối Thủy điện, Khối Điện Mặt trời và Năng lượng khác | Vận hành nhà máy điện   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất điện năng;</li> <li>- Bảo dưỡng, sửa chữa;</li> <li>- Quản lý nhân sự vận hành.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                      |
|    |                                                       | Hành chính, tổng hợp    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác hành chính, nhân sự;</li> <li>- Kế toán Đơn vị trực thuộc.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                           |
|    |                                                       | Kinh doanh bán điện     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh bán lẻ điện;</li> <li>- Điều độ, quản lý đường dây;</li> <li>- Quản lý vật tư phục vụ bán lẻ điện.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                 |

**4. Danh sách Cổ đông nắm giữ từ trên 5% Vốn Cổ phần của Công ty; Danh sách Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu Cổ đông**

**4.1 Danh sách Cổ đông nắm giữ từ trên 5% Vốn Cổ phần của Công ty tại 26/8/2019**

**Bảng 1: Danh sách Cổ đông nắm giữ từ trên 5% Vốn Cổ phần của GEC**

| TT | Tên Cổ đông                  | Số lượng cổ phần   | Tỷ lệ         |
|----|------------------------------|--------------------|---------------|
| 1  | CTCP Đầu tư Thành Thành Công | 36.947.296         | 18,12%        |
| 2  | CTCP Xuất nhập khẩu Bến Tre  | 39.280.580         | 19,27%        |
| 3  | IFC                          | 28.514.582         | 13,99%        |
| 4  | AVH Pte. Ltd                 | 39.057.174         | 19,16%        |
|    | <b>Tổng cộng</b>             | <b>143.799.632</b> | <b>70,54%</b> |

*Nguồn: Danh sách Cổ đông VSD 26/8/2019*

**4.2 Danh sách Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 119 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 có hiệu lực từ ngày 1/7/2015 thì: “*Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của Cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 3 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp. Các hạn chế của quy định này không áp dụng đối với cổ phần mà Cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp và cổ phần mà Cổ đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là Cổ đông sáng lập của công ty.*”

Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp năm 2010, do vậy đến thời điểm hiện nay, các hạn chế chuyển nhượng của Cổ đông sáng lập đều hết hiệu lực.

**4.3 Cơ cấu Cổ đông tại thời điểm 26/8/2019**

**Bảng 2: Cơ cấu Cổ đông tại thời điểm 26/8/2019**

| TT         | Danh mục                  | Số lượng (Người) | Số cổ phần nắm giữ | % Tỷ lệ sở hữu/Vốn Điều lệ |
|------------|---------------------------|------------------|--------------------|----------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Cổ đông trong nước</b> | <b>1,921</b>     | <b>130,519,965</b> | <b>64.01</b>               |
| 1          | Cá nhân                   | 1,892            | 38,233,193         | 18.75                      |
| 2          | Tổ chức                   | 29               | 92,286,772         | 45.26                      |
| <b>II</b>  | <b>Cổ đông nước ngoài</b> | <b>35</b>        | <b>73,371,712</b>  | <b>35.99</b>               |
| 1          | Cá nhân                   | 26               | 257,225            | 0.13                       |
| 2          | Tổ chức                   | 9                | 73,114,487         | 35.86                      |
| <b>III</b> | <b>Cổ phiếu quỹ</b>       | <b>-</b>         | <b>-</b>           | <b>-</b>                   |
| <b>IV</b>  | <b>TỔNG CỘNG</b>          | <b>1,956</b>     | <b>203,891,677</b> | <b>100</b>                 |

*Nguồn: Danh sách Cổ đông VSD cung cấp ngày 26/8/2019*

5. **Danh sách những Công ty Mẹ và Công ty Con của Tổ chức Đăng ký niêm yết, những Công ty mà Tổ chức Đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức Đăng ký niêm yết**

**5.1 Công ty Mẹ**

Không có.

## 5.2 Công ty Con

| STT | Tên Công ty                                                    | Địa chỉ                                                                   | Hoạt động kinh doanh chính                                                                                                                                                                                                                                                    | Vốn Điều lệ<br>(Triệu đồng) | Tỷ lệ sở<br>hữu thực<br>góp<br>(%) | Giá trị cổ phần<br>thực góp tại<br>30/6/2019<br>(Triệu đồng) | Kết quả kinh<br>doanh 2018<br>(Triệu đồng)    |
|-----|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 1   | Công ty TNHH MTV<br>Xây lắp và Cơ điện<br>Gia Lai (GCC)        | 114 Trường Chinh, Phường<br>Phù Đổng, Thành phố Pleiku,<br>Tỉnh Gia Lai   | Xây dựng công trình kỹ thuật công nghiệp;<br>Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng<br>công trình thủy điện; Xây dựng công trình<br>thủy lợi; Xây dựng công trình giao thông;<br>Xây dựng đường dây điện và trạm biến áp<br>từ 35KV trở xuống; Kinh doanh vận tải<br>hàng hóa | 17.000                      | 100                                | 17.000                                                       | DTT: 64.383<br>GVHB: 58.264<br>LNST: 2.948    |
| 2   | CTCP Thủy Điện Gia<br>Lai (GHC)                                | 114 Trường Chinh, Phường<br>Phù Đổng, Thành phố Pleiku,<br>Tỉnh Gia Lai   | Sản xuất và kinh doanh điện; Đầu tư xây<br>dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ;<br>Giám sát thi công xây dựng các công trình<br>xây dựng dân dụng - công nghiệp; Giám<br>sát thi công xây dựng công trình xây dựng<br>thủy lợi - thủy điện                               | 205.000                     | 58,14                              | 119.193                                                      | DTT: 156.091<br>GVHB: 49.142<br>LNST: 100.684 |
| 3   | CTCP Thủy Điện<br>Kênh Bắc - Ayun Hạ<br>(GBC)                  | 114 Trường Chinh, Phường<br>Phù Đổng, Thành phố Pleiku,<br>Tỉnh Gia Lai   | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;<br>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có<br>liên quan                                                                                                                                                                             | 9.000                       | 65,33                              | 5.880                                                        | DTT: 6.351<br>GVHB: 3.792<br>LNST: 1.571      |
| 4   | Công ty TNHH MTV<br>Tư vấn và Phát triển<br>Năng lượng Gia Lai | 114 Trường Chinh, Phường<br>Phù Đổng, Thành phố Pleiku,<br>Tỉnh Gia Lai   | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có<br>liên quan                                                                                                                                                                                                                        | 1.500                       | 100                                | 1.500                                                        | DTT: 9.189<br>GVHB: 5.651<br>LNST: 1.660      |
| 5   | Công ty TNHH MTV<br>Thủy Điện Thượng Lộ<br>(GTLC)              | 189 Phạm Văn Đồng, Phường<br>Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh<br>Thừa Thiên Huế | Sản xuất truyền tải và phân phối điện                                                                                                                                                                                                                                         | 70.000                      | 100                                | 70.000                                                       | DTT: 16.426<br>GVHB: 10.157<br>LNST: (3.734)  |



**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI**



|    |                                              |                                                                                   |                                                        |         |       |         |             |
|----|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------|-------|---------|-------------|
| 6  | CTCP Điện TTC Đức Huệ Long An                | Số nhà 90, Đường 838, Khu phố 2, Thị trấn Đông Thành, Huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An | Sản xuất truyền tải và phân phối điện                  | 324.000 | 99,94 | 323.800 | LNST: (38)  |
| 7  | CTCP Điện Mặt Trời TTC Đức Huệ Long An       | Số nhà 90, Đường 838, Khu phố 2, Thị trấn Đông Thành, Huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An | Sản xuất truyền tải và phân phối điện                  | 324.000 | 66,22 | 165.240 | LNST: (584) |
| 8  | CTCP Điện TTC Tây Sơn Bình Định              | Xóm 2, Thôn Kiên Ngãi, Xã Bình Thành, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định               | Sản xuất truyền tải và phân phối điện                  | 207.000 | 100   | 2.550   | LNST: (21)  |
| 9  | CTCP Điện Mặt trời TTC Tây Sơn Bình Định     | Xóm 2, Thôn Kiên Ngãi, Xã Bình Thành, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định               | Sản xuất truyền tải và phân phối điện                  | 207.000 | 100   | 2.550   | LNST: (45)  |
| 10 | CTCP Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn          | 6 Ngõ Quyền, Thị trấn Ea T-Ling, Huyện Cư Jut, Tỉnh Đắk Nông                      | Sản xuất và truyền tải điện năng                       | 221.580 | 99,94 | 221.444 | -           |
| 11 | CTCP Điện TTC Bắc Bình - Bình Thuận          | 1 Từ Văn Tư, P. Phú Trinh, TP. Phan Thiết, Bình Thuận                             | Sản xuất điện, phân phối điện, bán buôn và bán lẻ điện | 184.000 | 51    | -       | -           |
| 12 | CTCP Điện Mặt trời TTC Bắc Bình - Bình Thuận | 1 Từ Văn Tư, P. Phú Trinh, TP. Phan Thiết, Bình Thuận                             | Sản xuất điện, phân phối điện, bán buôn và bán lẻ điện | 184.000 | 51    | -       | -           |
| 13 | CTCP Năng Lượng TTC Bắc Bình - Bình Thuận    | 1 Từ Văn Tư, P. Phú Trinh, TP. Phan Thiết, Bình Thuận                             | Sản xuất điện, phân phối điện, bán buôn và bán lẻ điện | 184.000 | 51    | -       | -           |

*Nguồn: BCTC Kiểm toán hợp nhất 2018 và soát xét 6 tháng 2019*

**5.3 Công ty Liên kết**  
Không có.

## 6. Hoạt động kinh doanh

### 6.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

#### 6.1.1 Sản xuất và kinh doanh điện

##### Hệ thống Nhà máy Thủy điện

Qua hơn 30 năm đầu tư xây dựng và vận hành các dự án Thủy điện, hiện GEC sở hữu trực tiếp và gián tiếp 14 Nhà máy Thủy điện tiềm năng với quy mô vừa và nhỏ có tổng công suất vận hành 85,1 MW tại khu vực Miền Trung - Tây Nguyên. Với bề dày kinh nghiệm lâu năm trong đầu tư, quản lý và vận hành, GEC đang khai thác các Nhà máy Thủy điện hiệu quả.

**Bảng 3: Danh sách hệ thống Nhà máy Thủy điện**

| TT | Nhà máy    | Vị trí                                     | Năm vận hành | Diện tích Nhà máy (m <sup>2</sup> ) | Công suất (MW) | Nguồn nước sử dụng và lưu lượng nước                   | Dung tích hồ chứa (triệu m <sup>3</sup> ) | Hiệu suất sử dụng (giờ/năm) | Sản lượng trung bình (GWh/năm) | Đặc điểm nổi bật của Nhà máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----|------------|--------------------------------------------|--------------|-------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Ayun Hạ    | Xã Ayun Pa, Huyện Phú Thiện, Tỉnh Gia Lai  | 2001         | 6.069                               | 3              | Sông Ayun, lưu lượng qua tuabin 23,4 m <sup>3</sup> /s | 253                                       | 6.600                       | 20                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tận dụng nguồn nước từ đập Thủy Lợi Ayun Hạ để phát điện nên lượng nước có đều quanh năm</li> <li>- Thuộc 2 Nhà máy có hiệu suất sử dụng cao nhất hệ thống (số giờ vận hành lớn nhất)</li> <li>- Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo biểu giá Chi phí Tránh được (Biểu giá ưu đãi cho lĩnh vực Năng lượng tái tạo)</li> </ul> |
| 2  | la Đrăng 2 | Xã la Đrăng, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai | 2002         | 66.082                              | 1,2            | Suối la Đrăng                                          | 0,012                                     | 5.416                       | 6,5                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Được gắn lưới bán lẻ với giá điện tương đối cao bình quân khoảng 1,700 đồng/kWh và giá bán buôn 792 đồng/kWh</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                          |
| 3  | la Đrăng 1 | Xã Thăng Hưng, Huyện                       | 2003         | 41.929                              | 0,6            | Suối la Đrăng                                          | 0,05                                      | 5.500                       | 3,4                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

|   |               |                                              |      |         |     |                                                                                                                     |       |       |       |  |                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|---|---------------|----------------------------------------------|------|---------|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |               | Chư Prông,<br>Tỉnh Gia Lai                   |      |         |     |                                                                                                                     |       |       |       |  | - Đây là cụm nhà máy duy nhất ở Việt Nam thuộc doanh nghiệp tư nhân được phép bán lẻ trực tiếp đến các đối tượng tiêu dùng                                                                                                                                          |
| 4 | la Đrăng<br>3 | Xã la Bông,<br>Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai | 2005 | 24.690  | 1,6 | Suối la Đrăng                                                                                                       | 0,4   | 5.800 | 8,8   |  |                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 5 | la Meur<br>3  | Xã la Bông,<br>Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai | 2005 | 63.888  | 1,8 | Suối la Mơ                                                                                                          | 0,021 | 4.333 | 7,8   |  |                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 6 | H'Chan        | Xã Đê Ar,<br>Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai   | 2006 | 14.184  | 12  | Thuộc lưu vực Sông Auyr                                                                                             | 0,768 | 4.700 | 56,4  |  | - Thuộc nhóm Nhà máy có công suất lớn nhất hệ thống, được xây dựng tại khu vực có lưu lượng nước tốt, số giờ vận hành lớn<br>- Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo Biểu giá Chi phí tránh được (Biểu giá ưu đãi cho lĩnh vực Năng lượng tái tạo) |
| 7 | Đăk Pi Hao 2  | Xã Chợ Long,<br>Huyện Ia Pa, Tỉnh Gia Lai    | 2008 | 106.183 | 10  | Nguồn nước sử dụng là Suối Đăk Pi Hao (nhánh cấp I của Sông Ba) với lưu lượng trung bình năm 4,45 m <sup>3</sup> /s | 0,195 | 4.161 | 36,96 |  | - Nhà máy có lưu lượng nước vào mùa khô ổn định<br>- Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo Biểu giá Chi phí tránh được (Biểu giá ưu đãi cho lĩnh vực Năng lượng tái tạo)                                                                           |



|    |           |                                                   |      |         |      |                                                                                        |       |       |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|----|-----------|---------------------------------------------------|------|---------|------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8  | la Púch 3 | Xã Ia O,<br>Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai         | 2009 | 147.148 | 6,6  | Suối Púch                                                                              | 0,117 | 4.638 | 30,61 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Được gắn lưới bán lẻ với giá điện tương đối cao bình quân khoảng 1,700 đồng/kWh và giá bán buôn 792 đồng/kWh</li> <li>- Đây là cụm nhà máy duy nhất ở Việt Nam thuộc doanh nghiệp tư nhân được phép bán lẻ trực tiếp đến các đối tượng tiêu dùng</li> </ul>                                                                                                                                                           |
| 9  | Đa Khai   | Xã Đar Sa-Đa Nhim, Huyện Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng | 2010 | 32.000  | 8,1  | Nguồn nước thuộc lưu vực Sông Đa Nhim, lưu lượng trung bình năm 2,77 m <sup>3</sup> /s | 9,95  | 4.568 | 37    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Là Nhà máy duy nhất trong hệ thống có hồ chứa với dung tích hữu ích lớn, thuận lợi trong việc khai thác tối đa hiệu quả vận hành theo Biểu giá Chi phí tránh được và là Nhà máy Thủy điện có hiệu quả vận hành cao nhất hệ thống (tính theo mỗi MW đầu tư)</li> <li>- Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo Biểu giá Chi phí tránh được (Biểu giá ưu đãi cho lĩnh vực Năng lượng tái tạo)</li> </ul> |
| 10 | H'Mun     | Xã Bar Măih, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai           | 2010 | 19.493  | 16,2 | Thuộc lưu vực Sông Ayun                                                                | 0,868 | 4.100 | 66,42 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà máy có công suất lớn nhất hệ thống, được xây dựng tại khu vực có lưu lượng nước tốt, số giờ vận hành lớn</li> <li>- Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo Biểu giá Chi phí tránh được (Biểu giá ưu đãi cho lĩnh vực Năng lượng tái tạo)</li> </ul>                                                                                                                                               |
| 11 | Kênh Bắc  | Huyện Phú Thiện, Tỉnh Gia Lai                     | 2010 | 3.481   | 1    | Kênh thủy lợi Ayun Hạ, lưu lượng qua tuabin 10,8m <sup>3</sup> /s                      | -     | 6.000 | 6     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tận dụng nguồn nước từ đập Thủy Lợi Ayun Hạ để phát điện nên lượng nước có đều quanh năm</li> <li>- Thuộc 2 Nhà máy có hiệu suất sử dụng cao nhất hệ thống (số giờ vận hành lớn nhất)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                      |

|                  |              |                                                   |      |                  |             |                                                                |                |           |              |                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|------------------|--------------|---------------------------------------------------|------|------------------|-------------|----------------------------------------------------------------|----------------|-----------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                  |              |                                                   |      |                  |             |                                                                |                |           |              | - Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo Biểu giá Chi phí tránh được (Biểu giá ưu đãi cho lĩnh vực Năng lượng tái tạo)                                                                                                                               |
| 12               | Ayun Thượng  | Xã Lơ Pang, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai         | 2011 | 642.696          | 12          | Thuộc lưu vực Sông Auyun                                       | 4,54           | 4.200     | 50,4         | - Thuộc nhóm Nhà máy có công suất lớn nhất hệ thống, được xây dựng tại khu vực có lưu lượng nước tốt, số giờ vận hành lớn<br>- Nhà máy đều quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo Biểu giá Chi phí tránh được (Biểu giá ưu đãi cho lĩnh vực Năng lượng tái tạo) |
| 13               | Đăk Pi Hao 1 | Xã Kon Chiêng, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai      | 2014 | 66.082           | 5           | Suối ĐăkPiHao, lưu lượng trung bình năm 3,16 m <sup>3</sup> /s | -              | 4.200     | 21           | - Nhà máy có lưu lượng nước vào mùa khô ổn định<br>- Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo Biểu giá Chi phí tránh được (Biểu giá ưu đãi cho lĩnh vực Năng lượng tái tạo)                                                                            |
| 14               | Thượng Lộ    | Xã Thượng Lộ, Huyện Nam Đông, Tỉnh Thừa Thiên Huế | 2015 | 44.284           | 6           | Sông Ba Ran, lưu lượng trung bình năm 12,9 m <sup>3</sup> /s   | 4,03           | 3.000     | 18           | - Tận dụng được tối đa lưu lượng nguồn nước vào công tác phát điện giờ cao điểm tăng hiệu quả Doanh thu<br>- Nhà máy có quy mô vừa và nhỏ nên được ký hợp đồng theo Biểu giá Chi phí tránh được (Biểu giá ưu đãi cho lĩnh vực Năng lượng tái tạo)                    |
| <b>Tổng cộng</b> |              | <b>NA</b>                                         |      | <b>1.278.209</b> | <b>85,1</b> | <b>NA</b>                                                      | <b>273,951</b> | <b>NA</b> | <b>369,3</b> | <b>NA</b>                                                                                                                                                                                                                                                            |

*Nguồn: GEC*

Các Nhà máy đã tập trung công tác điều tiết nước tối ưu, đảm bảo công tác vận hành liên tục, giảm thiểu tối đa thời gian xử lý các sự cố nên hiệu quả kinh doanh năm 2018 vượt kế hoạch đặt ra. Đồng thời, công tác sửa chữa định kỳ được hoàn thành đúng kế hoạch, trong quá trình thực hiện luôn bám sát thực tế vận hành nhằm tối ưu hóa chi phí sửa chữa.

**Hệ thống Nhà máy Điện Mặt trời**

Nhu cầu về Năng lượng điện luôn xu hướng tăng cao khi nền kinh tế không ngừng phát triển mạnh, để đáp ứng nhu cầu cho tất cả thành phần kinh tế và góp phần đảm bảo an ninh Năng lượng. Hiểu rõ Năng lượng là nhu cầu, GEC đang từng bước trở thành một trong những đơn vị tư nhân dẫn đầu trong việc phát triển Năng lượng tái tạo đa dạng, xanh, sạch và thân thiện với môi trường tại Việt Nam.

Cuối năm 2018, GEC đã đưa vào vận hành thương mại Nhà máy Điện Mặt trời Phong Điền 48 MWp - Tỉnh Thừa Thiên Huế và Nhà máy Điện Mặt trời Krông Pa 69 MWp - Tỉnh Gia Lai. Giá bán điện được hưởng mức ưu đãi tại thời điểm giao nhận điện là 9,35 cents/kWh, được áp dụng trong vòng 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại. Năm 2019, 3 Công ty Thành viên trực thuộc đã triển khai thi công 3 Nhà máy Điện Mặt trời với tổng công suất 142,4 MWp và lần lượt đưa vào vận hành vào tháng 4 và tháng 6 năm 2019 để được hưởng cơ chế ưu đãi của Chính phủ đối với các dự án Điện Mặt trời. Các Nhà máy Điện Mặt trời đang triển khai của GEC và các Công ty Con hầu hết được thi công theo hình thức EPC và tổng thầu thực hiện là các nhà thầu đến từ Nhật Bản với công nghệ hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn Nhật Bản và Châu Âu. Đáng chú ý là Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn - 44,4 MWp tại Tỉnh Đắk Nông là dự án đầu tiên mà GEC tự thực hiện công tác tổng thầu với kinh nghiệm đúc kết được khi thực hiện vai trò người tiên phong trong lĩnh vực Điện Mặt trời tại Việt Nam năm 2018. Trúc Sơn thi công với thời gian kỷ lục là 3 tháng, phát điện tháng 6/2019 và nhận được mức giá bán điện ưu đãi 9,35 cents/kWh.

**Bảng 4: Danh sách hệ thống Nhà máy Điện Mặt trời**

| T | Nhà máy    | Vị trí                                               | Năm vận hành | Diện tích nhà máy (Ha) | Công suất (MWp) | Số giờ nắng (Giờ/năm) | Tiềm năng năng lượng/ bức xạ mặt trời | Sản lượng trung bình (GWh/năm) | Công nghệ                                                        | Đặc điểm của Nhà máy                                                                                                                              |
|---|------------|------------------------------------------------------|--------------|------------------------|-----------------|-----------------------|---------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Phong Điền | Thôn Mỹ Hòa, Xã Điền Lộc, Phong Điền, Thừa Thiên Huế | 10/2018      | 44,8                   | 48              | 1.700 - 2.000         | 4,6 kWh/m <sup>2</sup> /ngày          | 59,7                           | Công nghệ đa tinh thể có công suất 330Wp của hãng sản xuất SHARP | - Có điều kiện thi công thuận lợi nhất trong số các dự án đang thực hiện và có suất đầu tư thấp nhất<br>- Được miễn tiền thuê đất 15 năm đầu tiên |

|    |           |                                                        |         |      |      |               |                                       |      |                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                |                                                                                              |
|----|-----------|--------------------------------------------------------|---------|------|------|---------------|---------------------------------------|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2. | Krông Pa  | Xã Chư Gu,<br>Huyện Krông Pa,<br>Tỉnh Gia Lai          | 12/2018 | 70,2 | 69   | 1.900 - 2.200 | 4,8 - 5,2<br>kWh/m <sup>2</sup> /ngày | 103  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Pin Polycrystalline đa tinh thể thuộc hãng Astronergy</li> <li>- Inverter thuộc hãng Tmeic có chức năng điều chỉnh công suất cực đại (MPPT), điều chỉnh P,Q (cos φ từ - 0,85 đến 0,85)</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có vị trí thuộc các khu vực có bức xạ tốt nhất tại Việt Nam</li> <li>- Được miễn toàn bộ tiền thuê đất suốt vòng đời Dự án</li> </ul> | tại thời điểm hòa lưới và được hưởng đầy đủ chính sách ưu đãi đối với lĩnh vực Điện Mặt trời |
| 3. | Hàm Phú 2 | Xã Hàm Phú,<br>Huyện Hàm Thuận Bắc,<br>Tỉnh Bình Thuận | 4/2019  | 54,2 | 49   | 2.520         | 5,3<br>kWh/m <sup>2</sup> /ngày       | 77   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nghệ đa tinh thể có công suất 330Wp của hãng sản xuất SHARP - Nhật Bản</li> <li>- Inverter trung tâm TMEIC công suất 2x2550kW của Toshiba and Mitsubishi Electric - Nhật Bản</li> </ul>      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có vị trí thuộc các khu vực có bức xạ tốt nhất tại Việt Nam</li> <li>- Được miễn tiền thuê đất 15 năm đầu tiên</li> </ul>             |                                                                                              |
| 4. | Đức Huệ 1 | Xã Mỹ Thạnh Bắc,<br>Huyện Đức Huệ,<br>Tỉnh Long An     | 4/2019  | 58,0 | 49   | 2.445         | 4,93<br>kWh/m <sup>2</sup> /ngày      | 73   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Photovoltaic Polycrystal line silicon (Tám pin mặt trời đa tinh thể) - 72 cells 330Wp (PV module)</li> <li>- Cung cấp bởi Solargiga theo công nghệ của Sharp</li> </ul>                           | Được miễn toàn bộ tiền thuê đất suốt vòng đời Dự án                                                                                                                            |                                                                                              |
| 5  | Trúc Sơn  | Thôn 1, Xã Tâm Thắng,                                  | 6/2019  | 49,5 | 44,4 | 2.500         | 5,09<br>kWh/m <sup>2</sup> /ngày      | 67,8 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Photovoltaic Monocrystal line silicon:</li> </ul>                                                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có vị trí thuộc các khu vực có bức xạ tốt nhất tại Việt Nam</li> </ul>                                                                |                                                                                              |



**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI**



|                  |           |                                   |              |              |           |           |              |           |                                                                |                                                       |
|------------------|-----------|-----------------------------------|--------------|--------------|-----------|-----------|--------------|-----------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|                  |           | Huyện Cư<br>Jút, Tỉnh Đắk<br>Nông |              |              |           |           |              |           | Tấm pin mặt trời đơn<br>tinh thể - 72 cells<br>345Wp của SHARP | - Được miễn tiền thuê đất trong suốt thời<br>hạn thuê |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>NA</b> | <b>NA</b>                         | <b>276,7</b> | <b>259,4</b> | <b>NA</b> | <b>NA</b> | <b>380,5</b> | <b>NA</b> | <b>NA</b>                                                      |                                                       |

Nguồn: GEC

Thời tiết nắng nóng kéo dài trong những tháng đầu năm 2019 đã ảnh hưởng không tốt đến tình hình sản xuất của các nhà máy Thủy điện. Theo dự báo của EVN, các nhà máy này sẽ không tích đủ nước trong năm 2019, cùng với sản lượng điện khí giảm, khiến khả năng thiếu điện trong mùa khô 2019 là rất cao và kéo dài. Tuy nhiên, các nhà máy Điện Mặt trời sẽ được hưởng lợi lớn vì tại các tỉnh Bình Thuận, Đắk Nông, Gia Lai, Long An mà GEC đang hoạt động lại là những nơi có bức xạ nắng tốt nhất Việt Nam. Các dự án Điện Mặt trời mang lại nguồn thu ổn định suốt 20 năm, do đó đây được xem là bước đi phù hợp của Công ty trong chiến lược đa dạng hóa các loại hình Năng lượng phù hợp với các điều kiện thời tiết. Thêm vào đó, nhờ vào việc sử dụng các thiết bị theo tiêu chuẩn Nhật Bản như tấm pin mặt trời, inverter cùng với công tác bảo dưỡng hiệu quả, hầu hết các nhà máy Điện Mặt trời khi đi vào hoạt động đều đạt được hiệu suất tốt.



Một số hình ảnh thực tế của các dự án Điện Mặt trời được triển khai gần đây:

**Hình 7: Dự án Phong Điền 48 MWp - Huế**



**Hình 8: Dự án Krông Pa 69 MWp - Gia Lai**





**Hình 9: Dự án Hàm Phú 2 49 MWp - Bình Thuận**



**Hình 10: Dự án Đức Huệ 1 49 MWp - Long An**



**Hình 11: Dự án Trúc Sơn 44,4 MWp - Đắk Nông**



**Cơ cấu sản lượng điện của các Nhà máy qua các năm**

**Bảng 5: Cơ cấu sản lượng điện thương phẩm của các Nhà máy**

| TT          | NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN    | SẢN LƯỢNG (kWh)    |                    |                    |                   |
|-------------|----------------------|--------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
|             |                      | Năm 2016           | Năm 2017           | Năm 2018           | 6T 2019           |
| 1           | Nhà máy Ayun Hạ      | 14.520.951         | 22.367.342         | 21.085.935         | 5.967.552         |
| 2           | Nhà máy Ia Đrăng 2   | 4.891.904          | 5.571.063          | 6.185.351          | 896.010           |
| 3           | Nhà máy Ia Đrăng 1   | 2.392.786          | 2.729.591          | 3.169.908          | 426.109           |
| 4           | Nhà máy Ia Đrăng 3   | 6.529.673          | 7.215.496          | 8.040.753          | 1.061.627         |
| 5           | Nhà máy Ia Meur 3    | 6.303.539          | 6.726.483          | 7.491.810          | 302.053           |
| 6           | Nhà máy H'Chan       | 46.726.021         | 65.340.238         | 56.936.843         | 9.293.530         |
| 7           | Nhà máy Đăk Pi Hao 2 | 29.970.846         | 39.871.404         | 34.878.176         | 3.537.791         |
| 8           | Nhà máy Ia Púch 3    | 24.401.077         | 27.080.374         | 28.799.921         | 1.059.982         |
| 9           | Nhà máy Đa Khai      | 31.633.988         | 49.635.216         | 30.599.740         | 20.711.226        |
| 10          | Nhà máy H'Mun        | 57.280.045         | 79.550.866         | 70.409.813         | 10.915.930        |
| 11          | Nhà máy Kênh Bắc     | 4.498.980          | 6.452.014          | 6.342.588          | 1.971.282         |
| 12          | Nhà máy Ayun Thượng  | 43.992.578         | 61.386.534         | 52.347.185         | 7.636.394         |
| 13          | Nhà máy Đăk Pi Hao 1 | 19.422.851         | 26.418.460         | 20.783.785         | 2.166.988         |
| 14          | Nhà máy Thượng Lộ    | 15.071.098         | 20.246.343         | 8.795.446          | 3.630.022         |
| 15          | Điện mua từ EVN      | 9.880.681          | 5.810.285          | 6.696.559          | 7.589.954         |
| 16          | Nhà máy Ia Lốp       | 568.545            | -                  | -                  | -                 |
| <b>Tổng</b> |                      | <b>318.085.563</b> | <b>426.401.709</b> | <b>362.563.813</b> | <b>77.166.450</b> |



| TT | NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI | SẢN LƯỢNG (kWh) |          |                   | 6T 2019            |
|----|-----------------------|-----------------|----------|-------------------|--------------------|
|    |                       | Năm 2016        | Năm 2017 | Năm 2018          |                    |
| 1  | Nhà máy Phong Điền    | -               | -        | 11.928.251        | 35.574.396         |
| 2  | Nhà máy Krông Pa      | -               | -        | 5.786.109         | 57.536.236         |
| 3  | Nhà máy Hàm Phú 2     | -               | -        | -                 | 14.561.632         |
| 4  | Nhà máy Đức Huệ 1     | -               | -        | -                 | 14.290.035         |
| 5  | Nhà máy Trúc Sơn      | -               | -        | -                 | 2.979.782          |
| 6  | Điện mái nhà trụ sở   | -               | -        | -                 | 17.429             |
|    | <b>Tổng</b>           | -               | -        | <b>17.714.360</b> | <b>124.959.510</b> |

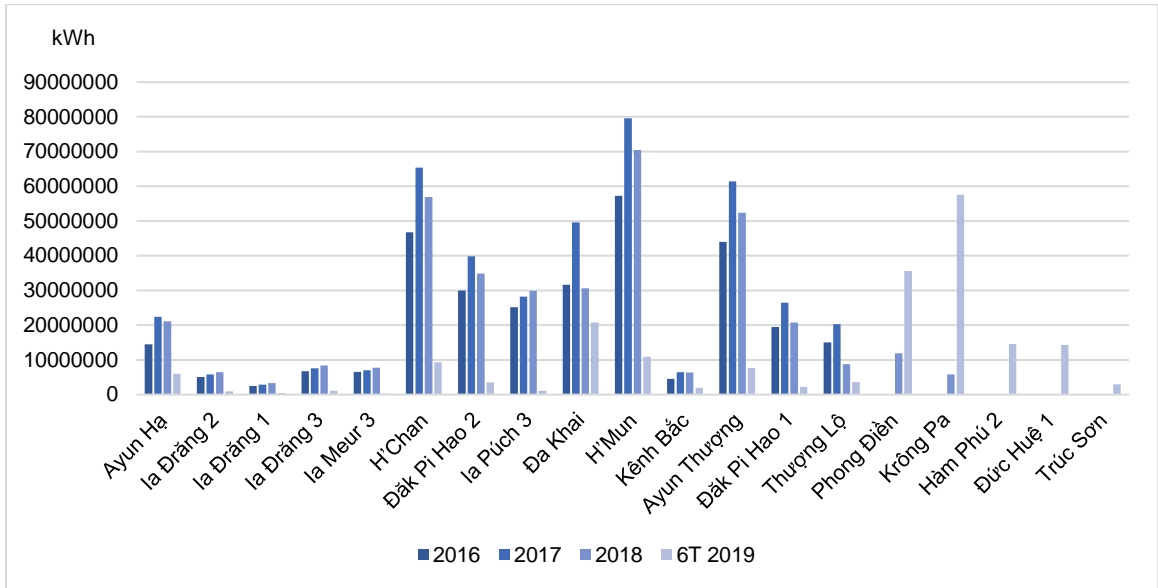
*Nguồn: GEC*

Trong năm 2018, thời tiết thuận lợi vào cuối Quý II với lượng mưa khá lớn, nên nước đổ về 14 Nhà máy Thủy điện của GEC luôn được duy trì ở mức cao, tuy nhiên, các tháng đầu năm và 2 tháng cuối năm gặp đôi chút thách thức do lượng nước đổ về giảm do hạn hán. Với kinh nghiệm trên 30 năm làm Thủy điện, GEC đã dự báo được xu hướng thời tiết, vì thế, kế hoạch sản lượng và DT năm 2018 được đặt ra thấp hơn so với thực hiện của năm 2017. Bên cạnh đó, GEC đã điều tiết nguồn nước tối ưu, đảm bảo công tác vận hành liên tục, giảm thiểu tối đa thời gian xử lý các sự cố nên hiệu quả kinh doanh của mảng Thủy điện trong năm 2018 đã vượt kế hoạch đặt ra.

Trước sự biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, GEC chủ động đa dạng hóa nguồn thu bằng cách mở rộng sang các loại hình Năng lượng mới. Đó là việc đẩy mạnh nghiên cứu, chuẩn bị cho quá trình phát triển Điện Mặt trời từ rất nhiều năm trước. Cuối năm 2018, GEC đã gặt hái những trái ngọt khi lần lượt đưa vào vận hành 2 Nhà máy đầu tiên tại Việt Nam là Phong Điền - Huế với công suất 48 MWp và Krông Pa - Gia Lai với công suất 69 MWp. Tổng sản lượng điện trung bình của 2 nhà máy ước tính khoảng 163 triệu kWh/năm. Với thời gian vận hành thực tế không nhiều nên 2 Nhà máy chỉ mới sản xuất được xấp xỉ 18 triệu kWh trong năm 2018.

Sáu tháng đầu năm 2019, do tình hình hạn hán khiến sản lượng thương phẩm của các Nhà máy Thủy điện chỉ ở mức hơn 77 triệu kWh, đạt khoảng gần 78% so với kế hoạch song sản lượng của các Nhà máy Điện Mặt trời lên tới gần 125 triệu kWh, vượt hơn 40% so với kế hoạch. Nhờ đó mà Công ty vẫn đạt được 108% kế hoạch sản lượng điện. Tuy nhiên, trong các tháng cuối năm, khi bước vào mùa mưa tại các khu vực miền Trung Tây Nguyên, lượng nước đổ về các nhà máy tăng mạnh sẽ giúp cải thiện tình hình sản xuất của các nhà máy, tạo cơ sở để đạt được kế hoạch dự kiến.

**Hình 12: Cơ cấu sản lượng điện thương phẩm của các Nhà máy**



Nguồn: GEC

### 6.1.2 Doanh thu của Công ty qua các năm

GEC có 2 nguồn thu chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh điện và hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật và xây dựng xây lắp. Trong giai đoạn 2015-2018, giá trị và tỷ trọng của DT và LN từ hoạt động kinh doanh cốt lõi theo xu hướng tăng dần và trội hơn so với DT và LN từ hoạt động tài chính. Điều này cho thấy hoạt động kinh doanh chính của GEC có sự ổn định và tăng trưởng tốt qua từng năm.

Đem lại nguồn thu trong hoạt động kinh doanh chính của GEC là từ Thủy điện. Năm 2017, sau khi sáp nhập Công ty con TIC vào GEC, DT hoạt động tài chính của GEC có sự thay đổi, chủ yếu nhờ cổ tức hàng năm đến từ GHC do GEC sở hữu 11.919.364 cổ phiếu, tương ứng 58,14% VĐL của GHC. GHC hiện đang vận hành 2 Nhà máy Thủy điện H'Mun và H'Chan với tổng công suất 28,2 MW, đem về DT và LN ổn định hàng năm cho GEC để đảm bảo việc chia cổ tức cho Cổ đông. Hiện 14 Nhà máy Thủy điện do GEC trực tiếp quản lý đã đi vào vận hành ổn định.

**Bảng 6: Cơ cấu Doanh thu của Công ty mẹ**

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT               | Chỉ tiêu                   | Năm 2017       |             | Năm 2018       |             | 6 tháng 2019   |             |
|------------------|----------------------------|----------------|-------------|----------------|-------------|----------------|-------------|
|                  |                            | Giá trị        | Tỷ trọng    | Giá trị        | Tỷ trọng    | Giá trị        | Tỷ trọng    |
| 1                | Doanh thu bán điện         | 260.420        | 91,6%       | 304.589        | 96,8%       | 299.205        | 73,5%       |
| 2                | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 23.992         | 8,4%        | 10.225         | 3,2%        | 5.887          | 1,4%        |
| 3                | Doanh thu bán hàng hóa     | -              | -           | -              | -           | 102.126        | 25,1%       |
| <b>Tổng cộng</b> |                            | <b>284.412</b> | <b>100%</b> | <b>314.814</b> | <b>100%</b> | <b>407.218</b> | <b>100%</b> |

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2017, 2018 và Soát xét 6 tháng 2019

**Bảng 7: Cơ cấu Doanh thu hợp nhất của Công ty**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT               | Chỉ tiêu                   | Năm 2017       |             | Năm 2018       |             | 6 tháng 2019   |             |
|------------------|----------------------------|----------------|-------------|----------------|-------------|----------------|-------------|
|                  |                            | Giá trị        | Tỷ trọng    | Giá trị        | Tỷ trọng    | Giá trị        | Tỷ trọng    |
| 1                | Doanh thu bán điện         | 484.473        | 89,9%       | 483.456        | 86,4%       | 435.791        | 84,8%       |
| 2                | Doanh thu xây lắp          | 32.823         | 6,1%        | 56.675         | 10,1%       | 20.406         | 4,0%        |
| 3                | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 21.804         | 4,0%        | 19.357         | 3,5%        | 10.711         | 2,1%        |
| 4                | Doanh thu bán hàng hóa     | -              | -           | -              | -           | 46.652         | 9,1%        |
| <b>Tổng cộng</b> |                            | <b>539.100</b> | <b>100%</b> | <b>559.488</b> | <b>100%</b> | <b>513.560</b> | <b>100%</b> |

*Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán 2017, 2018 và Soát xét 6 tháng 2019*

Chứng minh hiệu quả hoạt động ổn định qua nhiều năm liền khi cuối năm 2018, DTT của Công ty đạt hơn 560 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2017, đến từ các hoạt động cốt lõi bao gồm bán điện, cung cấp dịch vụ và xây lắp. DT năm 2018 đóng góp chủ yếu từ mảng kinh doanh chủ lực là sản xuất và cung ứng điện của 14 Nhà máy Thủy điện tại Gia Lai, Lâm Đồng và Huế với tổng công suất vận hành đạt 85,1 MW là 446 tỷ đồng, chiếm 80% trong cơ cấu DT. Ngoài ra, 2 Nhà máy Điện Mặt trời Phong Điền - Huế và Krông Pa - Gia Lai với tổng công suất thiết kế đạt 117 MWp mặc dù chỉ hoạt động trong tháng 10 và tháng 12/2018 nhưng đã đóng góp hơn 37 tỷ đồng, chiếm khoảng 7% trong cơ cấu.

DT 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty đạt hơn 513 tỷ đồng, gần bằng cả năm 2018 và đạt 51% kế hoạch năm 2019 đã được ĐHCĐ thông qua. Ngoài doanh số từ các Nhà máy Thủy điện đã vận hành trước đây, việc đưa vào vận hành thêm 3 Nhà máy Điện Mặt trời là Đức Huệ 1, Hàm Phú 2, Trúc Sơn nên đã đóng góp thêm gần 70 tỷ đồng DT. Tỷ trọng DT từ bán điện vẫn là chủ yếu, chiếm tới gần 85% DTT.

#### **Hoạt động sản xuất kinh doanh điện**

Các dự án Điện Mặt trời của GEC sẽ đem lại nguồn DT ổn định trong suốt 20 năm vòng đời của Dự án. Từ khi Quyết định 11/2017 của Thủ tướng về tăng giá Điện Mặt trời lên 9,35 cents tương đương 2.086 đồng/kWh có hiệu lực từ 1/6/2017 đến 30/6/2019 đã mở ra nhiều cơ chế khuyến khích cho các doanh nghiệp. Trong khi đó, giá bán điện đang áp dụng theo Biểu giá Chi phí tránh được cho các Thủy điện vừa và nhỏ, nếu cao điểm mùa khô có thể đạt gần 7 cents/kWh, còn lại đàm phán thì ở mức giá nào vẫn xấp xỉ 5 cents/kWh. Mảng hoạt động này cũng từng ngày được cải tiến chất lượng khi phải đáp ứng các quy định ngày càng cao của Cơ quan quản lý Ngành về việc vận hành Thủy điện như các quy định quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

**Bảng 8: Cơ cấu Doanh thu mảng sản xuất kinh doanh điện theo từng Nhà máy**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

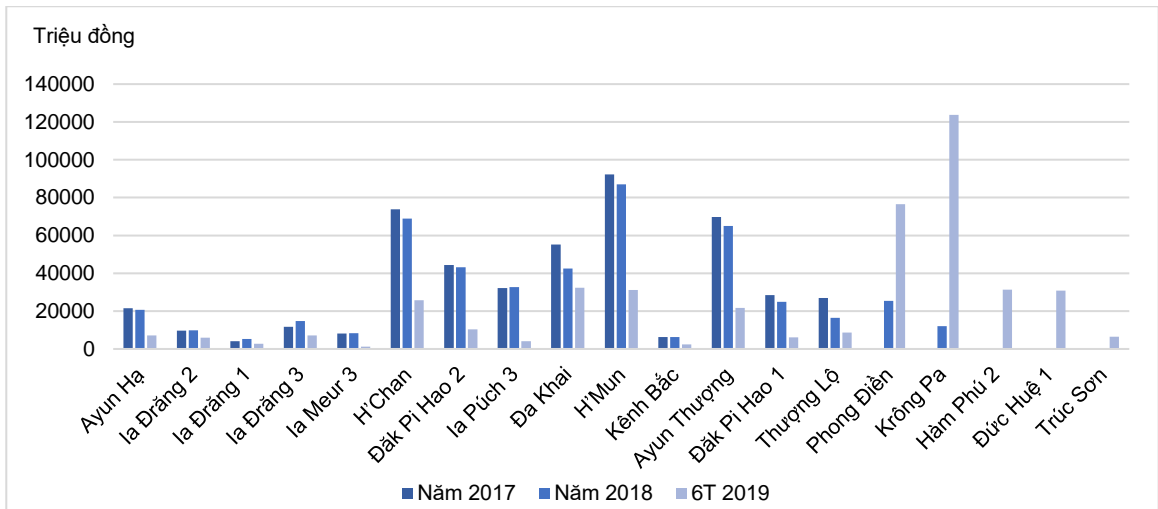
| TT                        | Chỉ tiêu             | Năm 2017       | Năm 2018       | 6 tháng 2019   |
|---------------------------|----------------------|----------------|----------------|----------------|
| <b>THỦY ĐIỆN</b>          |                      |                |                |                |
| 1                         | Nhà máy Ayun Hạ      | 21.531         | 20.708         | 7.198          |
| 2                         | Nhà máy Ia Đrăng 2   | 9.674          | 9.928          | 5.924          |
| 3                         | Nhà máy Ia Đrăng 1   | 4.030          | 5.251          | 2.682          |
| 4                         | Nhà máy Ia Đrăng 3   | 11.780         | 14.712         | 7.111          |
| 5                         | Nhà máy Ia Meur 3    | 8.081          | 8.352          | 1.202          |
| 6                         | Nhà máy H'Chan       | 73.860         | 68.997         | 25.767         |
| 7                         | Nhà máy Đăk Pi Hao 2 | 44.425         | 43.224         | 10.333         |
| 8                         | Nhà máy Ia Púch 3    | 32.140         | 32.627         | 4.051          |
| 9                         | Nhà máy Đa Khai      | 55.240         | 42.433         | 32.369         |
| 10                        | Nhà máy H'Mun        | 92.233         | 87.094         | 31.171         |
| 11                        | Nhà máy Kênh Bắc     | 6.300          | 6.351          | 2.384          |
| 12                        | Nhà máy Ayun Thượng  | 69.724         | 65.043         | 21.709         |
| 13                        | Nhà máy Đăk Pi Hao 1 | 28.390         | 24.922         | 6.213          |
| 14                        | Nhà máy Thượng Lộ    | 26.979         | 16.426         | 8.615          |
| 15                        | Nhà máy Ia Lốp       | 86             | -              | -              |
| <b>Tổng Thủy điện</b>     |                      | <b>484.473</b> | <b>446.068</b> | <b>166.729</b> |
| <b>ĐIỆN MẶT TRỜI</b>      |                      |                |                |                |
| 1                         | Nhà máy Phong Điền   | -              | 25.416         | 76.566         |
| 2                         | Nhà máy Krông Pa     | -              | 11.972         | 123.810        |
| 3                         | Nhà máy Hàm Phú 2    | -              | -              | 31.405         |
| 4                         | Nhà máy Đức Huệ 1    | -              | -              | 30.818         |
| 5                         | Nhà máy Trúc Sơn     | -              | -              | 6.426          |
| 6                         | Điện mái nhà trụ sở  | -              | -              | 37             |
| <b>Tổng Điện Mặt trời</b> |                      | <b>-</b>       | <b>37.388</b>  | <b>269.052</b> |
| <b>Tổng cộng</b>          |                      | <b>484.473</b> | <b>483.456</b> | <b>435.791</b> |

*Nguồn: GEC*

Trong năm 2017, do Công ty chỉ thuần vận hành 14 Nhà máy Thủy điện, do đó toàn bộ DT đến từ điện đạt 484 tỷ đồng, chiếm tới gần 90% DTT. Năm 2018, tuy DT từ Thủy điện có giảm nhẹ, đạt hơn 446 tỷ đồng chiếm 80% DTT, song đã kịp thời được bù đắp bởi 2 Nhà máy Điện Mặt trời được đưa vào vận hành vào tháng 10 và tháng 12, tạo ra doanh thu hơn 37 tỷ đồng, chiếm 7% DTT, phần còn lại tới từ các hoạt động dịch vụ và xây lắp khác.

Tuy chỉ được đưa vào vận hành vào những tháng cuối của Quý 2 2019, nhưng 3 nhà máy Điện Mặt trời mới đã hoạt động tương đối ổn định, đóng góp tới 25% DT từ Điện Mặt trời. Có thể thấy, 6 tháng đầu năm 2019, tỷ trọng DT đã có sự dịch chuyển rõ rệt khi DT từ Điện Mặt trời đã tăng mạnh, chiếm tới 62% tỷ trọng, trong khi Thủy điện chỉ đóng góp 38% với gần 167 tỷ đồng.

**Hình 13: Cơ cấu Doanh thu mảng sản xuất kinh doanh điện theo từng Nhà máy**



Nguồn: GEC

Trong 14 Nhà máy Thủy điện, cụm Chi nhánh Chư Prông bao gồm các Nhà máy la Puch 3, la Meur 3, la Đrăng 3, la Đrăng 2 và la Đrăng 1, hiện là cụm Nhà máy duy nhất ở Việt Nam thuộc doanh nghiệp tư nhân được phép bán lẻ điện trực tiếp đến các đối tượng tiêu dùng. Giá bán lẻ điện cho khách hàng được Bộ Công Thương ban hành với giá bán bình quân tương đối cao khoảng 1.700 đồng/kWh. Cụm Nhà máy này bán điện thông qua 2 hình thức là ưu tiên bán lẻ điện cho khách hàng và sản lượng điện còn lại bán cho EVN với giá thỏa thuận.

### Hoạt động cung cấp dịch vụ

Các nguồn thu khác đến từ DT hoạt động tài chính và hoạt động cung cấp dịch vụ. Năm 2018, DT hoạt động tài chính thực hiện đạt 19 tỷ đồng, cao hơn 8% so với năm 2017. Nguồn thu từ hoạt động tài chính chủ yếu đến từ tiền gửi tiết kiệm, cho vay ngắn hạn đối với các khoản tiền mặt đang trong giai đoạn chờ giải ngân đầu tư cho các dự án mới. Bên cạnh nguồn thu chủ yếu từ kinh doanh điện, DT đến từ các mảng dịch vụ đã tăng 39% so với cùng kỳ, đạt 76 tỷ đồng và chiếm 14% trong cơ cấu DTT năm 2018. DT dịch vụ tăng trưởng do nguồn thu chủ yếu từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho các dự án Thủy điện bên ngoài như tổng thầu EPC, tư vấn quản lý dự án, thí nghiệm, cung cấp tủ bảng điện...

### 6.1.3 Lợi nhuận gộp của Công ty qua các năm

**Bảng 9: Cơ cấu Lợi nhuận gộp của Công ty mẹ**

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu                       | Năm 2017 |          | Năm 2018 |          | 6 tháng 2019 |          |
|----|--------------------------------|----------|----------|----------|----------|--------------|----------|
|    |                                | Giá trị  | Tỷ trọng | Giá trị  | Tỷ trọng | Giá trị      | Tỷ trọng |
| 1  | Lợi nhuận gộp bán điện         | 148.434  | 97,4%    | 172.761  | 98,2%    | 180.052      | 96,5%    |
| 2  | Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ | 4.008    | 2,6%     | 3.144    | 1,8%     | 2.652        | 2,1%     |

|                  |                            |                |             |                |             |                |             |
|------------------|----------------------------|----------------|-------------|----------------|-------------|----------------|-------------|
| 3                | Lợi nhuận gộp bán hàng hóa | -              | -           | -              | -           | 3.961          | 1,4%        |
| <b>Tổng cộng</b> |                            | <b>152.442</b> | <b>100%</b> | <b>175.905</b> | <b>100%</b> | <b>186.665</b> | <b>100%</b> |

*Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2017, 2018 và Soát xét 6 tháng 2019*

**Bảng 10: Cơ cấu Lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT               | Chỉ tiêu                       | Năm 2017       |             | Năm 2018       |             | 6 tháng 2019   |             |
|------------------|--------------------------------|----------------|-------------|----------------|-------------|----------------|-------------|
|                  |                                | Giá trị        | Tỷ trọng    | Giá trị        | Tỷ trọng    | Giá trị        | Tỷ trọng    |
| 1                | Lợi nhuận gộp bán điện         | 300.887        | 96,5%       | 288.538        | 94,3%       | 249.868        | 88,8%       |
| 2                | Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ | 7.093          | 2,3%        | 11.876         | 3,9%        | 1.828          | 0,6%        |
| 3                | Lợi nhuận gộp xây lắp          | 3.824          | 1,2%        | 5.587          | 1,8%        | 3.739          | 1,3%        |
| 4                | Lợi nhuận gộp bán hàng hóa     | -              | -           | -              | -           | 26.050         | 9,3%        |
| <b>Tổng cộng</b> |                                | <b>311.804</b> | <b>100%</b> | <b>306.001</b> | <b>100%</b> | <b>281.485</b> | <b>100%</b> |

*Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán 2017, 2018 và Soát xét 6 tháng 2019*

Một trong những yếu tố khiến cho mảng Năng lượng tái tạo thu hút sự quan tâm của nhiều Nhà đầu tư trong nước và quốc tế bên cạnh xu hướng phát triển xanh, sạch, bền vững đó là khả năng sinh lời tương đối cao. Trong 4 năm trở lại đây, Biên LN gộp và ròng của GEC luôn được duy trì ở mức tốt, lần lượt trên 50% và 30%. Biên LN gộp và ròng của năm 2018 đạt 55% và 33%, đều cao hơn trung bình Ngành đang ở mức 48% và 29%.

Năm 2018, LN gộp hợp nhất của GEC là 306 tỷ đồng, giảm 2% so với năm 2017 chủ yếu do giảm 12 tỷ đồng LN gộp bán điện, đây cũng là hoạt động có tỷ suất LN gộp cao nhất trong hoạt động của Công ty. Năm 2018 tình hình thời tiết không thuận lợi, làm ảnh hưởng đến DT mảng Thủy điện trong khi mảng DT từ Điện Mặt trời mới đi vào hoạt động vào cuối năm 2018 chưa đủ bù đắp kịp cho sự sụt giảm DT này. Tuy nhiên, với chiến lược đa dạng hóa các loại hình Năng lượng từ Thủy Điện, Nhiệt Điện, Điện Gió và đặc biệt là Điện Mặt trời, Công ty sẽ tận dụng được sự biến động bất thường của thời tiết để đảm bảo được kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty luôn ổn định.

Biên LN của mảng điện 6 tháng đầu năm 2019 giảm nhẹ do thời tiết tiếp tục nắng nóng, làm giảm hiệu quả hoạt động của các nhà máy Thủy điện trong khi ba nhà máy Điện mặt trời mới vận hành chỉ vừa được đưa vào hoạt động, chưa khai thác được tối đa hiệu quả.

## 6.2 Nguyên vật liệu

GEC đang sở hữu 14 Nhà máy Thủy điện và 5 Nhà máy Điện Mặt trời sử dụng nguồn nguyên liệu có thể tái tạo là nước trên các lưu vực sông và ánh sáng mặt trời tại mọi địa điểm có thể để sản xuất điện năng. Đây được xem là 2 nguồn tài nguyên thiên nhiên vô giá, nếu như tận dụng đúng cách, hợp lý thì sẽ mang đến nhiều lợi ích không chỉ cho Công ty mà còn cho toàn xã hội; và từ đó xây dựng sự bền vững của cộng đồng. Nước, ánh nắng mặt trời và gió đã, đang và sẽ là 3 nguồn vật liệu đầu vào trọng yếu có thể tái tạo được sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của GEC.

### **Lưu lượng nước**

GEC duy trì ổn định sản lượng điện sản xuất hàng năm thông qua việc kiểm soát, điều phối ổn định lưu lượng nước qua các Nhà máy trong cả mùa khô và mùa mưa. Nước chạy máy của các Nhà máy Thủy điện đều được trả về hạ lưu sau Nhà máy, không gây ảnh hưởng đến dòng chảy tự nhiên của lưu vực. Các Nhà máy Thủy điện của GEC nằm trên lưu vực của các sông và suối lớn như Sông Ba Ran (Huế); Sông Aunyn, Suối Đăk Pi Hao, Suối Púch, Suối la Meur và Suối la Đrăng (Gia Lai); Sông Đa Nhim (Lâm Đồng). Từng Nhà máy Thủy điện đều có hồ chứa hoặc tận dụng nguồn nước từ đập thủy lợi để phát điện với tổng dung tích khoảng 274 triệu m<sup>3</sup>, các hồ chứa đóng góp vai trò quan trọng trong việc điều tiết nước cho các Nhà máy.

Sản lượng điện của các Nhà máy Thủy điện có liên hệ mật thiết với lưu lượng nước, lưu lượng nước càng nhiều thì sản lượng càng tăng. Trong năm 2018, điều kiện thời tiết không thuận lợi trong các tháng đầu năm và hạn hán 2 tháng cuối năm đã làm giảm lưu lượng nước đổ về các Nhà máy. Lưu lượng nước từ đó giảm 15% so với 2017 đã làm giảm sản lượng điện của các Nhà máy Thủy điện tương ứng.

Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, trong năm 2019 do tác động của hiện tượng El Nino nên tình hình thời tiết tiếp tục có diễn biến phức tạp. Dự báo tình trạng hạn hán, thiếu nước cục bộ khả năng cao xuất hiện ở Khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Ở các Tỉnh thuộc Tây Nguyên, Trung và Nam Trung Bộ được cảnh báo có mưa ít ngay từ những tháng đầu năm 2019 và thực tế lượng mưa thấp hơn từ 20-40% so với trung bình nhiều năm. Tình trạng này đã làm giảm lưu lượng nước, ảnh hưởng tiêu cực đến sản lượng điện của các Nhà máy Thủy điện. Trước thực trạng đó, GEC đã chủ động chuyển dần sang việc phát triển Điện Mặt trời để tận dụng nguồn Năng lượng Mặt trời ổn định từ thiên nhiên và cân bằng được những tác động tiêu cực do hạn hán trong các năm sắp đến.

### **Ánh nắng mặt trời**

Ngoài nguồn vật liệu nước phục vụ cho các Nhà máy Thủy điện thì nguồn Năng lượng Mặt trời lại là một nguồn vật liệu vô tận khác mà GEC đang sử dụng cho các dự án Nhà máy Điện Mặt trời. Trong Quý 4/2018, GEC đưa vào vận hành 2 Nhà máy Điện Mặt trời đầu tiên tại Việt Nam với tổng công suất là 117 MWp. Tổng sản lượng điện trung bình của 2 Nhà máy vào khoảng 163 triệu kWh/năm. Sáu tháng đầu năm 2019, GEC đưa vào vận hành thêm 3 Nhà máy nữa và tổng 5 Nhà máy Điện Mặt trời với công suất gần 260 MWp đã đóng góp 125 triệu kWh, gần gấp đôi sản lượng của các Nhà máy Thủy điện, vượt 42% kế hoạch 6 tháng đầu năm.

Nhà máy Điện Mặt trời Phong Điền có công suất 48 MWp, tọa lạc tại Tỉnh Thừa Thiên Huế, nơi có số giờ nắng 1.700-2.000 giờ/năm, tỷ lệ bức xạ 4,6 kWh/m<sup>2</sup>/ngày đã sản xuất được ~ 12 triệu kWh trong vòng 97 ngày hoạt động trên dự kiến sản lượng trung bình khoảng 60 triệu kWh/năm. Nhà máy



Điện Mặt trời Krông Pa có quy mô lớn hơn với tổng công suất 69 MWp tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, vị trí có tỷ lệ bức xạ mặt trời cao hơn nhiều đạt 4,8-5,2 kWh/m<sup>2</sup>/ngày và số giờ nắng 1.900-2.200 giờ/năm. Mặc dù chỉ hoạt động 57 ngày của năm 2018 nhưng sản lượng điện sản xuất của Nhà máy đã đạt xấp xỉ 6 triệu kWh trên tổng số 103 triệu kWh/năm dự kiến hàng năm. Sáu tháng đầu năm 2019, 2 Nhà máy này đã đóng góp hơn 93 triệu kWh, chiếm gần 75% sản lượng Điện Mặt trời, lần lượt đạt 113% và 102% kế hoạch sáu tháng và 58% và 55% kế hoạch cả năm. Trong Quý II năm 2019, GEC liên tục đưa vào hoạt động 3 Nhà máy Điện Mặt trời Đức Huệ - Long An 49 MWp, Hàm Phú 1 - Bình Thuận 49 MWp và Trúc Sơn - Đắk Nông 44,4 MWp, nâng tổng công suất các Nhà máy Điện Mặt trời lên 260 MWp. Tuy mới đưa vào hoạt động hơn một tháng, 3 Nhà máy đã đóng góp gần 32 triệu kWh vào sản lượng chung, đạt hơn 40% kế hoạch đề ra.

Nguồn nguyên liệu phục vụ cho công tác sản xuất của các nhà máy điện là tài nguyên Nước và Năng lượng Mặt trời. Vì vậy, DT và LN hoạt động của Công ty không chịu tác động từ giá cả nguồn nguyên liệu đầu vào hay nguồn cung của nhà cung cấp. Tuy nhiên, do nguồn cung duy nhất là nước và ánh nắng mặt trời nên điều kiện thời tiết, sự ổn định của nguồn nước hay mức độ bức xạ của mặt trời là những yếu tố tiềm ẩn nhiều rủi ro có thể tác động hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### 6.3 Chi phí sản xuất

**Bảng 11: Cơ cấu chi phí của Công ty mẹ qua các năm**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT                        | Chỉ tiêu          | Năm 2017       |               |              | Năm 2018       |               |              | 6 tháng 2019   |               |              |
|---------------------------|-------------------|----------------|---------------|--------------|----------------|---------------|--------------|----------------|---------------|--------------|
|                           |                   | Giá trị        | %/TCP         | %/TDT        | Giá trị        | %/TCP         | %/TDT        | Giá trị        | %/TCP         | %/TDT        |
| 1                         | Giá vốn hàng bán  | 131.970        | 62,2%         | 37,7%        | 138.908        | 57,0%         | 35,4%        | 220.553        | 67,8%         | 52,2%        |
| 2                         | Chi phí tài chính | 17.226         | 8,1%          | 4,9%         | 35.758         | 14,7%         | 9,1%         | 72.114         | 22,2%         | 17,1%        |
| 3                         | Chi phí bán hàng  | 960            | 0,5%          | 0,3%         | 588            | 0,2%          | 0,1%         | -              | -             | -            |
| 4                         | Chi phí quản lý   | 51.439         | 24,3%         | 14,7%        | 65.322         | 26,8%         | 16,6%        | 32.661         | 10,0%         | 7,8%         |
| 5                         | Chi phí khác      | 10.451         | 4,9%          | 2,9%         | 3.102          | 1,3%          | 0,8%         | 114            | 0,0%          | 0,0%         |
| <b>Tổng Chi phí</b>       |                   | <b>212.046</b> | <b>100,0%</b> | <b>60,5%</b> | <b>243.678</b> | <b>100,0%</b> | <b>62,0%</b> | <b>325.442</b> | <b>100,0%</b> | <b>77,1%</b> |
| <b>Tổng Doanh thu (*)</b> |                   | <b>350.422</b> | <b>NA</b>     | <b>NA</b>    | <b>392.766</b> | <b>NA</b>     | <b>NA</b>    | <b>422.284</b> | <b>NA</b>     | <b>NA</b>    |

(\*) TDT bao gồm DTT, Thu nhập Tài chính, Thu nhập khác

*Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2017, 2018 và BCTC Soát xét 6 tháng 2019*

**Bảng 12: Cơ cấu chi phí hợp nhất của Công ty qua các năm**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT | Chỉ tiêu          | Năm 2017 |       |       | Năm 2018 |       |       | 6 tháng năm 2019 |       |       |
|----|-------------------|----------|-------|-------|----------|-------|-------|------------------|-------|-------|
|    |                   | Giá trị  | %/TCP | %/TDT | Giá trị  | %/TCP | %/TDT | Giá trị          | %/TCP | %/TDT |
| 1  | Giá vốn hàng bán  | 227.296  | 69,1% | 40,6% | 253.488  | 67,7% | 43,6% | 232.075          | 63,7% | 44,0% |
| 2  | Chi phí tài chính | 24.627   | 7,5%  | 4,4%  | 41.138   | 10,9% | 7,1%  | 90.516           | 24,9% | 17,1% |
| 3  | Chi phí bán hàng  | 960      | 0,3%  | 0,2%  | 588      | 0,2%  | 0,1%  | -                | -     | -     |
| 4  | Chi phí quản lý   | 65.054   | 19,8% | 11,6% | 76.636   | 20,5% | 13,2% | 39.890           | 10,9% | 7,6%  |
| 5  | Chi phí khác      | 10.905   | 3,3%  | 1,9%  | 2.577    | 0,7%  | 0,4%  | 1.641            | 0,5%  | 0,3%  |



| TT | Chỉ tiêu                  | Năm 2017       |               |              | Năm 2018       |               |              | 6 tháng năm 2019 |               |              |
|----|---------------------------|----------------|---------------|--------------|----------------|---------------|--------------|------------------|---------------|--------------|
|    |                           | Giá trị        | %/TCP         | %/TDT        | Giá trị        | %/TCP         | %/TDT        | Giá trị          | %/TCP         | %/TDT        |
|    | <b>Tổng chi phí</b>       | <b>328.842</b> | <b>100,0%</b> | <b>58,7%</b> | <b>374.427</b> | <b>100,0%</b> | <b>64,4%</b> | <b>364.122</b>   | <b>100,0%</b> | <b>69,0%</b> |
|    | <b>Tổng Doanh thu (*)</b> | <b>559.279</b> | <b>NA</b>     | <b>NA</b>    | <b>581.366</b> | <b>NA</b>     | <b>NA</b>    | <b>527.915</b>   | <b>NA</b>     | <b>NA</b>    |

(\*) TDT bao gồm DTT, Thu nhập Tài chính, Thu nhập khác

Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán 2017, 2018 và Soát xét 6 tháng 2019

Chi phí giá vốn hàng bán trong năm 2018 đã được kiểm soát tốt hơn so với kế hoạch đặt ra và cùng kỳ, nhờ đó Biên LN gộp năm 2018 đạt 55%, đạt 106% kế hoạch. Với lợi thế đầu ra của sản phẩm được đảm bảo, GEC không tốn nhiều chi phí cho hoạt động bán hàng. Năm 2018, chi phí bán hàng thậm chí giảm gần 40%, chỉ còn 588 triệu đồng. Quản lý chi phí hợp lý và ổn định trong một khoảng thời gian dài cũng là những lợi thế của GEC, mặc dù trong năm Công ty lần đầu tiên triển khai 2 dự án Điện Mặt trời đầu tiên ở Việt Nam nhưng tỷ lệ Chi phí QLDN so với DTT chỉ tăng nhẹ từ 11,6% lên 13,2%. Tỷ lệ TCP/TDT của Công ty trong năm 2018 đạt mức 64,4%, tăng so với mức 58,7% của năm 2017 chủ yếu là do trong năm 2018 GEC thực hiện đầu tư các dự án Điện Mặt trời nên chi phí giá vốn, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng tương ứng.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, chi phí giá vốn được kiểm soát tốt, do đó chỉ chiếm gần 64% tổng chi phí, giảm nhẹ so với mức 69% và 68% của các năm 2017, 2018. Cùng với đó, chi phí QLDN cũng giảm nhẹ tỷ trọng khi chỉ còn chiếm gần 11% tổng chi phí so với mức 21% của năm 2018, nhờ vào việc tiết giảm chi phí cùng với đội ngũ kỹ sư vận hành với chuyên môn cao và tay nghề thuần thục, tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quá trình vận hành bảo trì 5 Nhà máy Điện Mặt trời, giúp giảm thiểu tối đa các hao hụt. Tuy nhiên, chi phí tài chính lại tăng hơn gấp đôi về cả giá trị và tỷ trọng do nợ vay tăng để tài trợ cho các dự án mới, đặc biệt là các dự án Điện Mặt trời mới được đưa vào vận hành.

#### 6.4 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Kể từ khi thành lập đến nay, GEC đã đầu tư hàng chục tỷ đồng cho việc nâng cấp các nhà máy, cụ thể như thay thế bánh xe công tác để nâng hiệu suất phát điện, cải tạo hệ thống tự động hóa SCADA/HMI để giám sát hoạt động các nhà máy ngay Trung tâm điều độ tại Công ty... Các nghiên cứu cải tiến hợp lý hóa sản xuất như hệ thống kích từ, điều tốc; hệ thống nguồn tự dùng DC; thiết bị giám sát sự cố lưới 35kV... đã được đưa vào ứng dụng. Việc làm chủ các công nghệ trọng yếu này giúp giảm thiểu tối đa việc ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh và tiết kiệm thời gian khắc phục khi có các sự cố xảy ra. Với sự nghiêm túc trong hoạt động nghiên cứu hợp lý hóa sản xuất, trong giai đoạn 2011-2018, nhiều dự án đã được đưa vào ứng dụng và hoạt động ổn định, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật:

| Năm  | Dự án                                                | Đầu tư | Hiệu quả Dự án                                                                   |
|------|------------------------------------------------------|--------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 2011 | Xây dựng Hệ thống giám sát và thu thập dữ liệu từ xa |        | - Thu thập, giám sát và điều khiển dữ liệu từ xa<br>- Ghi và tạo báo cáo dữ liệu |

|      |                                                                                                                   |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      | SCADA/HMI cho các nhà máy điện                                                                                    | 5 tỷ đồng                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự báo và phân tích các nguy cơ rủi ro sự cố có thể xảy ra</li> <li>- Đa nhiệm, kiểm soát quá trình tại Trung tâm điều khiển</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 2012 | Chế tạo và đưa vào sử dụng Hệ thống cung cấp nguồn 1 chiều 220V DC cho Nhà máy Thủy điện Ayun Hạ                  |                                                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm chủ công nghệ</li> <li>- Thay thế các thiết bị có xuất xứ từ Trung Quốc đã lạc hậu và thường xuyên hỏng hóc</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 2013 | Chế tạo Tủ điều khiển kích từ tự động cho Nhà máy Thủy điện Ayun Hạ                                               |                                                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rút ngắn thời gian xử lý khi có sự cố xảy ra</li> <li>- Đảm bảo nhà máy hoạt động sản xuất điện liên tục</li> <li>- Tiết kiệm chi phí đầu tư mới</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 2014 | Chế tạo và ứng dụng Bộ điều tốc tự động cho Nhà máy Thủy điện Ayun Hạ                                             |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 2015 | Chế tạo Thiết bị đo lường nhiệt độ, đo mức dầu, đồng hồ dòng, áp 1 chiều, công suất 3 pha lắp đặt cho các nhà máy |                                                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay thế các chủng loại tương đương đã không còn sản xuất</li> <li>- Chủ động trong việc thay thế vật tư dự phòng, đáp ứng việc theo dõi các tín hiệu liên tục tại các nhà máy</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 2016 | Chế tạo thành công Hợp bộ đo lường công suất 3 pha                                                                |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 2017 | Nâng cấp Hệ thống điều khiển phân tán DCS cho Nhà máy H'Chan                                                      |                                                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự động hóa trong quá trình vận hành</li> <li>- Số liệu hóa để quản lý và điều khiển toàn bộ quá trình tại máy tính</li> <li>- Đa nhiệm, kiểm soát quá trình bằng các cảm biến, phần mềm điều khiển, hạn chế rủi ro sự cố gây ngừng hoạt động của các tổ máy</li> <li>- Số hóa dữ liệu dưới dạng biểu đồ, tệp... giúp truy vấn, phân tích dữ liệu quá khứ phục vụ lưu trữ và xử lý sự cố nhanh nhất</li> <li>- Quy trình vận hành tinh gọn, tối ưu hóa sản xuất bằng các công nghệ hiện đại</li> </ul>                                    |
| 2018 | Chế tạo và ứng dụng các sản phẩm Robot lau PIN mặt trời cho các trại năng, mái nhà                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 70 triệu đồng/ Robot</li> <li>- Dự kiến sản xuất 4 Robot cho một Nhà máy Điện Mặt trời</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Sử dụng Robot:</b></li> <li>+ Thời gian làm sạch: 3 giây/tấm pin</li> <li>+ Lượng nước sử dụng: 0,12 lít/tấm pin</li> <li>- <b>Sử dụng con người:</b></li> <li>+ Thời gian làm sạch: 21 giây/tấm pin</li> <li>+ Lượng nước sử dụng: 1,2 lít/tấm pin</li> <li>- <b>Hiệu quả:</b> Ước tính trong cùng thời gian hoạt động, việc sử dụng Robot lau 1 block pin (20.790 tấm pin) sẽ tiết kiệm 104 giờ, 24 nhân công và 22,4 lít nước trong một lần lau pin so với việc sử dụng phương pháp thủ công</li> <li>- <b>Năm 2019:</b></li> </ul> |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sản phẩm sẽ được đăng ký thương quyền, đánh giá chất lượng TUV để đảm bảo tính pháp lý và năng lực cạnh tranh của sản phẩm đối với đối tác bên ngoài</li> <li>+ Sản xuất đại trà và vận hành chính thức tại Nhà máy Điện Mặt trời Krông Pa</li> <li>+ Hoàn thiện thêm các tính năng để đa dạng hóa về mặt địa hình</li> </ul> |
|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Đến thời điểm hiện tại, GEC đã làm chủ công nghệ trong lĩnh vực Thủy điện, đảm bảo trong công tác tự quản lý và kiểm soát mọi hoạt động trong công tác vận hành các Nhà máy Thủy điện và Điện Mặt trời. Bên cạnh các sản phẩm dịch vụ hiện tại, GEC đang từng bước phát triển các sản phẩm mới về dịch vụ kỹ thuật nhằm mở rộng thị trường hoạt động, gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa nguồn DT.

### 6.5 Hoạt động marketing

Là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh loại hàng hóa đặc biệt là điện năng nên hoạt động Marketing của Công ty tập trung và các mục tiêu chủ yếu sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền động viên tập thể cán bộ, nhân viên Công ty chung sức, chung lòng, củng cố niềm tin cùng nỗ lực hoàn thành các mục tiêu mà Công ty đã đề ra;
- Tập trung sử dụng mọi thế mạnh sẵn có của Công ty, của các Đơn vị Thành viên để chú trọng phát triển lĩnh vực mũi nhọn là sản xuất kinh doanh điện năng, đồng thời mở rộng phát triển các lĩnh vực khác như tư vấn quản lý dự án, đầu tư xây dựng điện, cơ khí điện lực, kinh doanh dịch vụ và một số lĩnh vực liên quan khác;
- Hướng về cộng đồng dân cư nơi có hoạt động của các công trình, nhà máy:
  - o Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về giải phóng mặt bằng, hỗ trợ di dời và tái định cư cho người dân khu vực ảnh hưởng của công trình nhà máy điện;
  - o Góp phần tích cực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng tại địa phương nơi các nhà máy hoạt động;
- Tăng cường quảng bá hình ảnh doanh nghiệp, xây dựng hình ảnh thân thiện của GEC đối với xã hội, môi trường...
- Bên cạnh hoạt động phát triển kinh doanh, GEC song hành chú trọng quan tâm và phát triển cộng đồng địa phương nơi những dự án mang thương hiệu GEC được triển khai, góp phần chung tay cải thiện đời sống người dân tại đây;
- Đặc thù ngành nghề hoạt động các dự án của GEC thường phát triển tại các khu vực vùng sâu vùng xa, kinh tế kém phát triển. Với mong muốn thúc đẩy kinh tế địa phương, GEC luôn quan tâm tạo điều kiện tối đa để người dân nơi đây có cơ hội tham gia vào dự án như: ưu tiên tuyển dụng lao động bản địa cho giai đoạn xây dựng; công bố thông tin tuyển dụng tại trụ sở UBND để tạo cơ hội cho lao động bản địa có chuyên môn vận hành dự án;

- Bảo vệ môi trường hướng đến mục tiêu Phát triển bền vững đang nhận được sự quan tâm lớn của toàn xã hội và đặc biệt là sự quản lý chặt chẽ về mặt pháp luật. Nhận thức được trách nhiệm và tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, GEC luôn chú trọng các hoạt động tuân thủ, không chỉ những tiêu chuẩn trong nước mà còn chuẩn mực quốc tế, đóng góp xây dựng một cuộc sống tươi đẹp cho cộng đồng và xã hội.

#### 6.6 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Đầu năm 2019, GEC đã hoàn thành dây chuyền sản xuất Robot lau pin Năng lượng Mặt trời nhằm mục tiêu hướng đến sản xuất đại trà cung cấp cho các đối tác trong và ngoài nước. Các dòng sản phẩm GECBots R1, R2, R3, R4 đang được đẩy nhanh việc nộp hồ sơ, đăng ký thương hiệu bản quyền với Cục Sở hữu trí tuệ.

#### 6.7 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

**Bảng 13: Danh sách các hợp đồng lớn**

| TT                       | Tên khách hàng                                                                                       | Nội dung hợp đồng                                                                         | Hiệu lực hợp đồng                     | Giá trị (Tỷ đồng)                         |
|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------|
| <b>HỢP ĐỒNG MUA HÀNG</b> |                                                                                                      |                                                                                           |                                       |                                           |
| 1                        | Liên danh Tập đoàn Sharp, Công ty TNHH Sharp Solar Solution Asia và CTCP Xây dựng và Công nghiệp NSN | Gói thầu số 01/ĐMT-XL (EPC) Thiết kế, cung cấp và xây lắp Dự án Phong Điền                | Tháng 10/2018                         | 789                                       |
| 2                        | JGC Việt Nam                                                                                         | Hợp đồng EPC (Krong Pa)                                                                   | Tháng 11/2018                         | 1.245                                     |
| 3                        | Sharp Solar Solution Asia Co., LTD                                                                   | Cung cấp tấm quang điện (PV) cho Dự án Đức Huệ 2                                          | Tháng 6/2019                          | 380                                       |
| 4                        | Liên doanh SESJ - SSSA - NSN                                                                         | Thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình cho Dự án Hàm Phú 2 | Tháng 6/2019                          | 876                                       |
| 5                        | Liên danh Sharp - SSSA                                                                               | Hợp đồng Thiết kế, Cung cấp thiết bị công nghệ và xây dựng cho Dự án Đức Huệ 1            | Tháng 6/2019                          | 787                                       |
| <b>HỢP ĐỒNG BÁN HÀNG</b> |                                                                                                      |                                                                                           |                                       |                                           |
| 1                        | Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung                                                                     | Hợp đồng mua bán điện Nhà máy la Đrăng 2 và la Meur 3                                     | 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại | DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng |
| 2                        | Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung                                                                     | Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Đăk Pi Hao 1                                                | 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại | DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng |

| TT | Tên khách hàng                   | Nội dung hợp đồng                                      | Hiệu lực hợp đồng                     | Giá trị (Tỷ đồng)                         |
|----|----------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------|
| 3  | Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung | Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Đăk Pi Hao 2             | 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại | DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng |
| 4  | Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung | Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Ia Puch 3                | 30 năm kể từ ngày vận hành thương mại | DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng |
| 5  | Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung | Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Ayun Hạ                  | 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại | DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng |
| 6  | Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung | Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Ayun Thượng              | 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại | DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng |
| 7  | Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung | Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Ia Đrăng 1 và Ia Đrăng 2 | 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại | DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng |
| 8  | Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam   | Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Đa Khai                  | 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại | DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng |
| 9  | Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung | Hợp đồng mua bán điện Nhà máy H'Chan                   | 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại | DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng |
| 10 | Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung | Hợp đồng mua bán điện Nhà máy H'Mun                    | 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại | DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng |
| 11 | Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung | Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Kênh Bắc                 | 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại | DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng |
| 12 | Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung | Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Thượng lộ                | 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại | DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng |
| 13 | Tập đoàn Điện lực Việt Nam       | Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Điện Mặt trời Phong Điền | 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại | DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng |
| 14 | Tập đoàn Điện lực Việt Nam       | Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Điện Mặt trời Krông Pa   | 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại | DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng |
| 15 | Tập đoàn Điện lực Việt Nam       | Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Điện Mặt trời Đức Huệ 1  | 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại | DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng |
| 16 | Tập đoàn Điện lực Việt Nam       | Hợp đồng mua bán điện nhà máy Điện Mặt trời Hàm Phú 2  | 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại | DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng |
| 17 | Tập đoàn Điện lực Việt Nam       | Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn   | 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại | DT bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng |

Nguồn: GEC

## 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### 7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

#### 7.1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

**Bảng 14: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT | Chỉ tiêu                                | Năm 2017  | Năm 2018  | Tăng/Giảm | 6 tháng năm 2019 |
|----|-----------------------------------------|-----------|-----------|-----------|------------------|
| 1  | Tổng giá trị tài sản                    | 1.367.098 | 3.909.383 | 186%      | 4.298.037        |
| 2  | Vốn chủ sở hữu                          | 1.166.074 | 2.167.807 | 86%       | 2.229.331        |
| 3  | Doanh thu thuần                         | 284.412   | 314.814   | 11%       | 407.219          |
| 4  | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh       | 144.258   | 137.178   | -5%       | 96.716           |
| 5  | Lợi nhuận khác                          | (5.881)   | 11.909    | NA        | 126              |
| 6  | Lợi nhuận trước thuế                    | 138.377   | 149.087   | 8%        | 96.842           |
| 7  | Lợi nhuận sau thuế                      | 130.707   | 138.292   | 6%        | 95.423           |
| 8  | Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 11,2%     | 6,4%      | -43%      | 4,3%             |

*Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2017, 2018 và Soát xét 6 tháng 2019*

**Bảng 15: Kết quả hợp nhất hoạt động kinh doanh của Công ty**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT | Chỉ tiêu                                | Năm 2017  | Năm 2018  | Tăng/Giảm | 6 tháng năm 2019 |
|----|-----------------------------------------|-----------|-----------|-----------|------------------|
| 1  | Tổng giá trị tài sản                    | 1.658.609 | 4.360.559 | 163%      | 6.625.208        |
| 2  | Vốn chủ sở hữu                          | 1.318.017 | 2.407.935 | 83%       | 2.477.528        |
| 3  | Doanh thu thuần                         | 539.100   | 559.488   | 4%        | 513.560          |
| 4  | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh       | 239.156   | 207.093   | -13%      | 164.753          |
| 5  | Lợi nhuận khác                          | (8.719)   | (154)     | -98%      | (959)            |
| 6  | Lợi nhuận trước thuế                    | 230.437   | 206.939   | -10%      | 163.794          |
| 7  | Lợi nhuận sau thuế                      | 209.301   | 187.267   | -11%      | 157.196          |
| 8  | Tỷ lệ Lợi nhuận trả cổ tức              | 46%       | 73%       | 59%       | NA               |
| 9  | Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 15,9%     | 7,8%      | -51%      | 6,3%             |

*Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán 2017, 2018 và Soát xét 6 tháng 2019*

Chứng minh hiệu quả hoạt động ổn định qua nhiều năm liền khi cuối năm 2018, DTT đạt hơn 560 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2017. DT năm 2018 đóng góp chủ yếu từ mảng kinh doanh chủ lực là sản xuất và cung ứng điện của 14 Nhà máy Thủy điện tại Gia Lai, Lâm Đồng và Huế với tổng công suất vận hành đạt 85,1 MW là 446 tỷ đồng, chiếm 80% trong cơ cấu DT. Ngoài ra, 2 Nhà máy ĐMT Phong Điền - Huế và Krông Pa - Gia Lai với tổng công suất thiết kế đạt 117 MWp chỉ mới đóng góp hơn 37 tỷ đồng, chiếm khoảng 7%, do mới đi vào hoạt động vào tháng 10 và tháng 12/2018. DT hoạt động tài chính thực hiện đạt 19 tỷ đồng, cao hơn 8% so với 2017. Nguồn thu từ hoạt động tài chính chủ yếu đến từ tiền gửi tiết kiệm, cho vay ngắn hạn đối với các khoản tiền mặt đang trong giai đoạn chờ

giải ngân đầu tư cho các dự án mới. Bên cạnh nguồn thu chủ yếu từ kinh doanh điện, DT đến từ các mảng dịch vụ đã tăng 38% so với cùng kỳ, đạt 76 tỷ đồng và chiếm 13% trong cơ cấu DTT năm 2018.

Trong năm 2018, với việc hoàn tất đầu tư 2 dự án Điện Mặt trời và phát điện, đồng thời triển khai đầu tư thêm 2 dự án Điện Mặt trời tại Bình Thuận và Long An để kịp hòa lưới trước 30/6/2019 đã nâng TTS của GEC gia tăng đáng kể lên 4.361 tỷ đồng, gấp 2,6 lần so với năm 2017; trong đó TS cố định đạt 2.878 tỷ đồng, cũng tăng 2,6 lần. Tỷ lệ tăng trưởng kép cho giai đoạn 2015-2018 của TTS và TS cố định đều đạt tỷ lệ khoảng 33%.

Một trong những yếu tố khiến cho mảng Năng lượng tái tạo thu hút sự quan tâm của nhiều Nhà đầu tư trong nước và quốc tế bên cạnh xu hướng phát triển xanh, sạch, bền vững đó là khả năng sinh lời tương đối cao. Trong 4 năm trở lại đây, Biên LN gộp và ròng của GEG luôn được duy trì ở mức tốt, lần lượt trên 50% và 30%. Biên LN gộp và ròng của năm 2017 đạt 55% và 33%, đều cao hơn trung bình Ngành đang ở mức 48% và 29%. DT bán điện chiếm phần lớn trong cơ cấu DT với Biên LN gộp rất khả quan 60% so với hoạt động cung cấp dịch vụ và xây lắp là nhân tố chính hỗ trợ Biên LN gộp của GEC.

Một điều đáng chú ý là tất cả 14 Nhà máy Thủy điện của GEG đã đi vào hoạt động ổn định và trong đó nhiều Nhà máy đã khấu hao gần hết nguyên giá sẽ góp phần cải thiện hơn nữa các chỉ số này trong tương lai. Đối với các Chỉ số ROAA, ROAE tuy có sự điều chỉnh giảm nhẹ trong năm 2018 do độ trễ từ việc sinh lời của các khoản nợ vay, khoản góp vốn mới được huy động gần đây nhưng vẫn được duy trì ở mức khả quan tỷ lệ tương ứng là 6% và 10%. Ngoài ra là việc tăng vốn gấp đôi đồng thời các dự án Điện Mặt trời mới được đưa vào vận hành, chưa đóng góp đáng kể vào DT và LN trong năm 2018. Dự kiến sau khi các nhà máy đang đầu tư được đưa vào vận hành, các tỷ số này sẽ được cải thiện đáng kể trong năm 2019.

Tại 30/6/2019, TTS hợp nhất của Công ty tiếp tục tăng mạnh lên tới 6.600 tỷ đồng nhờ vào việc đưa vào vận hành các nhà máy Điện Mặt trời Đức Huệ 1, Hàm Phú 2 và Trúc Sơn. Ngoài ra, Công ty cũng hoàn thành việc phát hành 9,7 triệu cổ phiếu cho người lao động đã đưa VCSH và TS của Công ty tăng nhẹ. DT 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty đạt 513 tỷ đồng, tăng 126% so với cùng kỳ năm 2018 và đạt 51% kế hoạch DT năm 2019 đã được ĐHCĐ thông qua. LNST 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty đạt 157 tỷ đồng, tăng 76% so với cùng kỳ năm 2018, nhờ vào sự bù đắp kịp thời của 2 Nhà máy Điện Mặt trời hiện hữu Krong Pa và Phong Điền cho các Nhà máy Thủy điện, trong điều kiện thời tiết nắng hạn trong nửa đầu năm 2019. Bên cạnh đó, 3 Nhà máy Điện Mặt trời mới vượt tiến độ xây dựng, kịp thời vận hành trước 30/6/2019 để được hưởng mức giá ưu đãi 9,35 cents/kWh cũng là một nhân tố quan trọng giúp tăng trưởng DT và LNST.



**7.1.2 Các chỉ tiêu khác: Không có**

**7.1.3 Ý kiến kiểm toán, hướng xử lý, khắc phục đến thời điểm đăng ký niêm yết: Không có**

**7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo**

Năm 2018, nguồn thu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn tập trung chủ yếu từ kinh doanh mảng Thủy điện bên cạnh mảng Điện Mặt trời mới bổ sung vào cuối năm. Trong năm, thời tiết thuận lợi vào cuối Quý 2 với lượng mưa khá lớn, nên nước đổ về 14 Nhà máy Thủy điện của GEC luôn được duy trì ở mức cao. Tuy nhiên các tháng đầu năm và 2 tháng cuối năm gặp đôi chút thách thức do lượng nước đổ về giảm do hạn hán. Với kinh nghiệm trên 30 năm làm Thủy điện, GEC đã dự báo được xu hướng thời tiết vì thế kế hoạch sản lượng và DT 2018 đều thấp hơn thực hiện 2017.

Bên cạnh đó, GEC đã điều tiết nguồn nước tối ưu, đảm bảo công tác vận hành liên tục, giảm thiểu tối đa thời gian xử lý các sự cố nên hiệu quả kinh doanh của 14 Nhà máy Thủy điện trong năm 2018 không những đạt kế hoạch mà còn vượt ngoài mong đợi. Với số giờ vận hành bình quân các Nhà máy Thủy điện năm 2018 đạt 4.310 giờ phát điện/nhà máy. Tổng sản lượng điện đạt 380 triệu kWh, bằng 103% kế hoạch, trong đó sản lượng Thủy điện đạt 362 triệu kWh, cũng ghi nhận cao hơn kế hoạch 3%. DT Thủy điện theo đó đạt 447 tỷ đồng, bằng 106% kế hoạch được giao là 421 tỷ đồng.

Ngoài ra, một số nhân tố khác tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty, chi tiết như sau:

- Cho đến thời điểm này, biểu giá bán điện cho EVN được Nhà nước ban hành từng năm và phụ thuộc nhiều vào chính sách điều hành vĩ mô của Nhà nước;
- Chính sách và khung điều tiết để khuyến khích sử dụng Năng lượng tái tạo hiện nay chưa cụ thể và đủ để tạo ra động lực cần thiết thúc đẩy ngành Năng lượng tái tạo tại Việt Nam làm cho tính kinh tế của nguồn Năng lượng tái tạo chưa thực sự hấp dẫn các nhà đầu tư;
- Chưa có giá bán điện cụ thể dành cho các nhà máy Điện mặt trời đóng điện sau ngày 30/6/2019.

Mặc dù đối mặt với những thử thách nêu trên, nhưng GEC vẫn có sự tăng trưởng ổn định do Công ty chủ động đưa ra các giải pháp trọng tâm.

| Mục tiêu chính               | Định hướng hoạt động 2019                                                                                                                                                                                                                                                               |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Chiến lược kinh doanh</b> | - Tiếp cận, tham gia thị trường điện cạnh tranh theo định hướng phát triển chung của Ngành Điện Việt Nam nhằm phát huy hiệu quả các nhà máy điện thuộc GEC:<br>+ Tận dụng ưu thế hợp đồng mua bán điện theo Biểu giá Chi phí tránh được đối với các Nhà máy Thủy điện có quy dưới 30 MW |



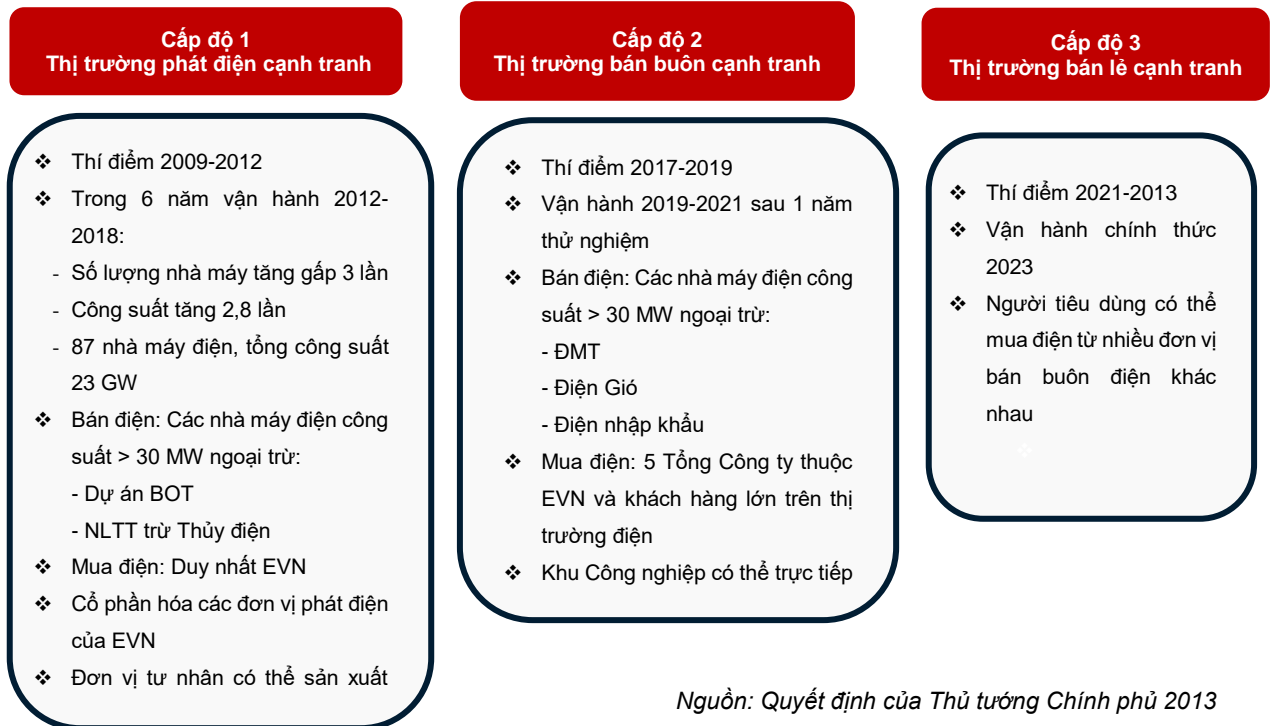
|                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tận dụng ưu thế hợp đồng mua bán điện theo giá cố định 9,35 cents/kWh của các nhà máy Điện Mặt trời theo cơ chế hỗ trợ của Chính phủ</li> <li>- Kết quả kinh doanh năm 2019 dự kiến:</li> <li>+ DT kinh doanh điện đạt 937 tỷ đồng, chiếm 94% DTT; trong đó Thủy điện đạt 430 tỷ đồng chiếm 46%, ĐMT đạt 507 tỷ đồng chiếm 54%</li> <li>+ DT dịch vụ: 62 tỷ đồng, chiếm 6% DTT</li> <li>+ LNTT: 240 tỷ đồng</li> <li>+ Điện thương phẩm: 590 triệu kWh, tăng 55% so với 2018; trong đó Thủy điện 352 triệu kWh chiếm 60%, ĐMT 238 triệu kWh chiếm 40%</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>Chiến lược tài chính</b>         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên nghiệp hóa hoạt động Thị trường vốn và Quan hệ đầu tư:</li> <li>+ Nâng cao vị thế cổ phiếu GEG trên thị trường tài chính, thu hút vốn đầu tư nước ngoài</li> <li>+ Xây dựng cấu trúc vốn tối ưu theo định hướng đa dạng hóa các kênh huy động vốn: Cấp tín dụng dài hạn thông qua hình thức cho vay trực tiếp dự án, phát hành gói trái phiếu quốc tế vào khoảng 50-100 triệu USD đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư đến năm 2020</li> <li>+ Kêu gọi hợp tác đầu tư với các Nhà đầu tư nước ngoài trên góc độ từng dự án</li> <li>- Đảm bảo thanh khoản với tỷ lệ đòn bẩy phù hợp cho từng thời kỳ với mục tiêu:</li> <li>+ Tỷ lệ tài trợ ban đầu cho các dự án tối thiểu ở mức 70% tổng chi phí đầu tư</li> <li>+ Nguồn vốn còn lại sử dụng VCSH thông qua việc giữ lại LN tái đầu tư hoặc huy động vốn từ Cổ đông ở những thời điểm phù hợp đáp ứng nhu cầu phát triển</li> <li>+ Điều phối nguồn vốn hiệu quả cho các dự án</li> </ul>                                                                                                                                                                  |
| <b>Chiến lược quản lý vận hành</b>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng bộ cẩm nang hoàn chỉnh gồm các quy trình, quy định vận hành chuyên nghiệp, hiện đại trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm từ các đơn vị, đối tác quốc tế trong lĩnh vực Năng lượng nhằm đảm bảo công tác vận hành an toàn và hiệu quả</li> <li>- Xây dựng đội ngũ công nhân kỹ thuật chuyên nghiệp, chủ động trong mọi hoạt động quản lý và vận hành tại các nhà máy Năng lượng tái tạo</li> <li>- Hiện đại hóa công tác quản lý vận hành thông qua các giải pháp tự động hóa, các phần mềm chuyên dụng nhằm nâng cao tính chủ động, giảm dần lao động phổ thông và sai sót do yếu tố chủ quan trọng hoạt động vận hành tại các nhà máy</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>Chiến lược đầu tư và M&amp;A</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Với phương châm sử dụng tối ưu hoá nguồn Năng lượng tái tạo của tự nhiên, GEC tích cực tìm kiếm các dự án tiềm năng, đánh giá hiệu quả để thực hiện kế hoạch M&amp;A đặc biệt là cơ hội phát triển Thủy điện tại Lào, Điện Gió tại các Khu vực tiềm năng của Tây Nam Bộ và Tây Nguyên</li> <li>- Định hướng đến 2025, GEC và các Công ty Thành viên sẽ trở thành đơn vị tư nhân lớn nhất trong lĩnh vực Năng lượng tái tạo với danh mục đầu tư đa dạng từ Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió đến Điện rác</li> <li>- Hình thức đầu tư sẽ là tự chủ từ khâu tìm kiếm, khảo sát, phát triển dự án đến khi hoàn tất công tác xây dựng và đưa vào hoạt động các nhà máy Năng lượng tái tạo của GEC cũng như thuộc Công ty Thành viên</li> <li>- Trên cơ sở những kết quả đạt được trong hoạt động đầu tư các Nhà máy Điện Mặt trời năm 2018, GEC phấn đấu tự chủ hoàn toàn trong việc triển khai đầu tư các Nhà máy Điện Mặt trời</li> <li>- Dự kiến trong năm 2019, GEC sẽ khởi công và tự triển khai xây dựng ít nhất 2 Nhà máy Điện Mặt trời mới ngoài 4 Dự án thực hiện thông qua nhà thầu EPC</li> </ul> |

|                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Chiến lược R&amp;D</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục làm chủ công nghệ, nghiên cứu các giải pháp tối ưu và các giải pháp tự động hoá tại các nhà máy Năng lượng</li> <li>- Tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực Năng lượng tái tạo với mục tiêu tối ưu hoá hoạt động tại các nhà máy mới đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động các nhà máy hiện hữu</li> </ul> |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## 8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng Ngành

### 8.1 Thị trường điện năng

Trong những năm tới, Ngành Điện tiếp tục xây dựng kế hoạch đầu tư, sản xuất và phát triển với mức tăng trưởng từ 9-11% mỗi năm. Ngày 8/10/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg quy định về lộ trình, các điều kiện và cơ cấu Ngành Điện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường Điện lực tại Việt Nam. Theo đó, thị trường Điện lực tại Việt Nam được hình thành và phát triển qua 3 cấp độ:



*Nguồn: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ 2013*

Ngày 8/10/2018, tại Hội nghị tổng kết công tác vận hành Thị trường phát điện cạnh tranh và Thị trường bán buôn điện cạnh tranh thí điểm giai đoạn 1/7/2017-30/6/2018 được tổ chức bởi Bộ Công Thương đã tổng kết đánh giá về các kết quả vận hành của 2 thị trường này. Số lượng các nhà máy điện tham gia giao dịch trên thị trường là 87 nhà máy với tổng công suất lắp đặt 22.946 MW, tăng 2,8 lần so với thời điểm mới vận hành thị trường vào tháng 7/2012 chỉ có 31 nhà máy điện. Tính đến hết năm 2018, dự kiến sẽ có 90 nhà máy điện với tổng công suất 23.054 MW, chiếm 53% tổng công suất toàn hệ thống trực tiếp tham gia thị trường Điện phát điện cạnh tranh.

Song song với công tác củng cố và phát triển Thị trường phát điện cạnh tranh, Bộ Công Thương đã và đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai các công tác chuẩn bị cho Thị trường bán buôn điện cạnh tranh. Công tác vận hành thử nghiệm Thị trường bán buôn điện đã tiếp tục được thực hiện trong năm 2017 và các tháng đầu năm 2018. Đặc biệt, từ ngày 1/1/2018, thị trường bán buôn điện thí điểm đã chuyển sang giai đoạn thực hiện thanh toán thật thay vì tính toán mô phỏng như các giai đoạn trước đây. Sự phát triển thị trường phát điện cạnh tranh đã giúp tăng tính minh bạch, công bằng trong việc lập lịch, huy động các nhà máy điện, góp phần tối ưu toàn hệ thống, tạo động lực và sự tin tưởng để thu hút các Nhà đầu tư.

Hiện nay chỉ có duy nhất EVN là đơn vị độc quyền trung gian mua bán điện. EVN cũng đang chiếm gần 60% tổng công suất nguồn phát toàn hệ thống và nắm giữ toàn bộ hệ thống truyền tải và là Công ty mua bán điện duy nhất. Đối với nguồn phát trong vài năm trở lại đây đã có sự tham gia của 2 đơn vị lớn là PVN chiếm khoảng 10% và TKV chiếm khoảng 8%. Tình trạng thiếu điện vẫn thường xuyên xảy ra, đặc biệt vào mùa khô. Đồng thời hàng năm, Việt Nam phải tiếp tục nhập khẩu điện để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tại một số khu vực.

## **8.2 Vị thế của Công ty trong Ngành**

GEC nằm trong nhóm các CTCP và Nhà đầu tư khác trong hệ thống cung cấp nguồn phát điện hiện nay (các nhóm Nhà đầu tư lớn là EVN, PVN, TKV). Theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đến năm 2018 cả nước có 818 dự án Thủy điện với tổng công suất lắp đặt 23.182 MW, trong đó (1) đã đưa vào khai thác sử dụng 385 nhà máy với tổng công suất lắp đặt 18.564 MW (80%), (2) đang xây dựng 143 nhà máy với tổng công suất lắp đặt 1.848 MW (8%) và (3) đang nghiên cứu đầu tư 290 dự án với tổng công suất lắp đặt 2.770 MW (12%). Theo tính toán lý thuyết của Tạp chí năng lượng Việt Nam, tổng công suất thủy điện của nước ta vào khoảng 35.000 MW, trong đó 60% tập trung tại miền Bắc, 27% phân bố ở miền Trung và 13% thuộc khu vực miền Nam. Hiện nay, GEC đang chiếm khoảng 0,45% tổng công suất lắp đặt của các dự án đã vận hành trên cả nước.

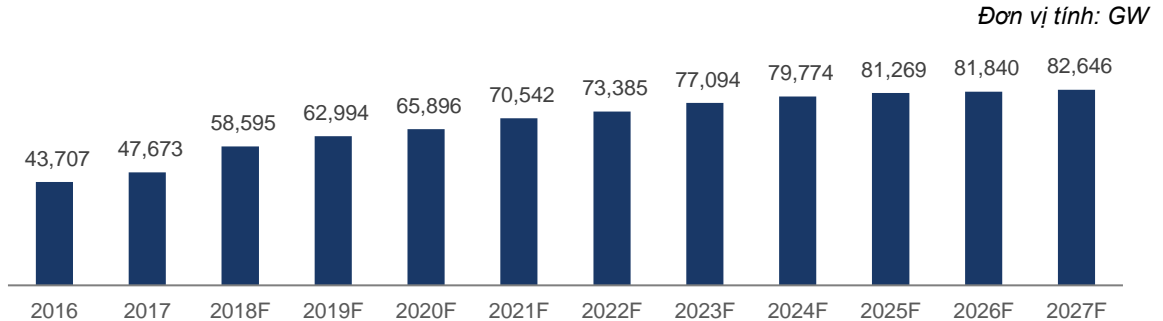
Trong khi đó, tính tới 30/6/2019 đã có 82 nhà máy Điện Mặt trời, với tổng công suất khoảng 4.464 MW đã được Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia kiểm tra điều kiện và đóng điện thành công, nguồn Điện Mặt trời đã chiếm tỷ lệ 8,3% công suất đặt của hệ thống điện Việt Nam. Các dự án Điện Mặt trời hoạt động của GEC đa phần đều là những dự án đầu tiên đóng điện tại địa bàn có tỷ lệ bức xạ mặt trời tương đối tốt từ 4,6-5,3 kWh/m<sup>2</sup>/ngày với số giờ nắng từ 1.700-2.544 giờ/năm. Ước tính, thị phần Điện Mặt trời của GEC tại 5 Tỉnh đang lần lượt là 100% tại Huế, 80% Gia Lai, 50% Long An, 40% Đắk Nông và 20% Bình Thuận và chiếm 6% thị phần Điện Mặt trời của cả nước.

## **8.3 Triển vọng phát triển của Ngành**

Việt Nam sẽ là một trong những thị trường điện phát triển nhanh nhất ở Châu Á trong thập kỷ tới, về nhu cầu, công suất và sản xuất. Nền tảng kinh tế vĩ mô mạnh mẽ, được thúc đẩy bởi lĩnh vực sản xuất mở rộng, sẽ đảm bảo tăng trưởng cho Ngành Năng lượng. Theo báo cáo của BMI, Ngành Điện

sẽ có tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm là 5,8% từ năm 2018 đến năm 2027, đạt tổng công suất là 82,6 GW vào năm 2027.

**Hình 14: Dự báo tổng công suất Ngành Điện của Việt Nam**

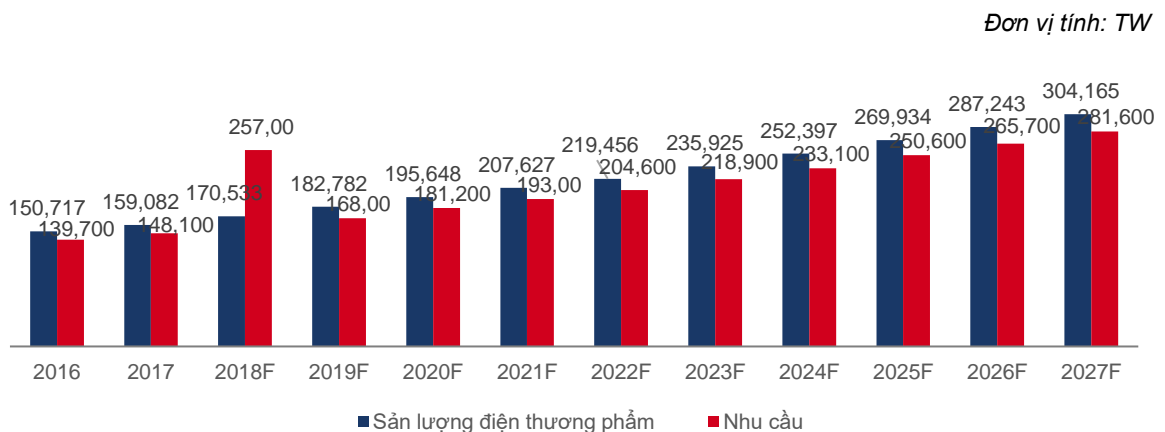


*Nguồn: BMI*

Giá bán điện hiện nay của Việt Nam được đánh giá thấp hơn so với một số nước trong khu vực do được sự hỗ trợ từ các chính sách của Chính Phủ nhằm khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế khác. Tuy nhiên trong những năm tới, bảng giá điện sẽ được phê duyệt tăng thêm sẽ tạo ra thuận lợi lớn cho hoạt động sản xuất kinh doanh cho các công ty trong Ngành Năng lượng sạch.

Tiêu thụ điện năng tại Việt Nam dự báo sẽ tăng nhanh trong giai đoạn dự báo 10 năm đến năm 2027, tăng trung bình hàng năm là 6,6% từ năm 2018 đến năm 2027. Đây sẽ là một trong những mức tăng trưởng tiêu thụ điện năng nhanh nhất ở Khu vực châu Á. Tăng trưởng nhu cầu điện sẽ được dẫn dắt bởi tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI mạnh mẽ, hoạt động sản xuất định hướng xuất khẩu tăng, ngành dịch vụ được hỗ trợ bởi ngành du lịch đang phát triển nhanh và mức thu nhập tăng sẽ là động lực chính của nền kinh tế. Đặc biệt, các ngành công nghiệp và sản xuất sử dụng nhiều Năng lượng đã phát triển nhanh chóng, góp phần tăng nhu cầu điện năng trong nước.

**Hình 15: Dự báo nhu cầu và sản lượng điện thương phẩm của Việt Nam**



*Nguồn: BMI*

Ngày 18/3/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 428/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030 (gọi

tất là Quy hoạch Điện VII điều chỉnh), theo đó đến năm 2020 nguồn điện sẽ được quy hoạch như sau:

**Bảng 16: Quy hoạch phát triển điện Quốc gia**

| Mục tiêu                        | ĐVT    | 2020           | 2025           | 2030           |
|---------------------------------|--------|----------------|----------------|----------------|
| <b>Điện thương phẩm</b>         | Tỷ kWh | <b>235-245</b> | <b>352-379</b> | <b>506-559</b> |
| <b>Tỷ lệ năng lượng tái tạo</b> | %      | <b>7%</b>      |                | <b>10%</b>     |
| <b>Công suất các nguồn điện</b> |        | <b>58.850</b>  | <b>94.358</b>  | <b>127.420</b> |
| Nhiệt điện than                 | MW     | 26.000         | 47.600         | 55.300         |
| Thủy điện                       | MW     | 21.600         | 24.600         | 27.800         |
| Nhiệt điện khí                  | MW     | 9.000          | 15.000         | 19.000         |
| Năng lượng Mặt trời             | MW     | 850            | 4.000          | 12.000         |
| Điện gió                        | MW     | 800            | 2.000          | 6.000          |
| Điện sinh khối                  | MW     | 600            | 1.158          | 2.720          |
| Điện hạt nhân                   | MW     | -              | -              | 4.600          |
| <b>Cơ cấu nguồn điện</b>        |        | <b>100%</b>    | <b>100%</b>    | <b>100%</b>    |
| Nhiệt điện than                 | %      | 42,7           | 49,3           | 42,6           |
| Thủy điện                       | %      | 30,1           | 21,1           | 16,9           |
| Nhiệt điện khí                  | %      | 14,9           | 15,6           | 14,7           |
| Năng lượng tái tạo              | %      | 9,9            | 12,5           | 21,0           |
| Nhập khẩu                       | %      | 2,4            | 1,5            | 1,2            |
| Điện hạt nhân                   | %      | -              | -              | 3,6            |

*Nguồn: Quyết định 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 điều chỉnh Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030*

Theo đó đến năm 2020, công suất phát và sản lượng điện thương phẩm tăng cao so với thời điểm cuối 2015, trong đó Nhiệt điện than vẫn có tốc độ phát triển nhanh và chiếm thị phần lớn trong cơ cấu sở hữu nguồn điện. Song song đó tỷ trọng nguồn phát Thủy điện sẽ giảm dần và bổ sung nguồn phát từ Năng lượng tái tạo và Điện hạt nhân.

#### **8.4 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cùng Ngành**

Hoạt động chính của GEC là sản xuất và kinh doanh điện năng, do đó các Công ty được lựa chọn để so sánh là những doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất điện, đã niêm yết và có quy mô tương đồng về VĐL để so sánh về hiệu quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính với GEC trong năm 2018.

So với các doanh nghiệp Thủy điện vừa và nhỏ cùng quy mô đang niêm yết, GEC hiện tại là doanh nghiệp có giá trị vốn hóa cao nhất cũng như tính thanh khoản tốt nhất tại thời điểm 28/12/2018. Mặt khác, ngoài thế mạnh là Thủy điện, GEC đang đầu tư xây dựng và vận hành các Nhà máy Điện Mặt trời và đặt mục tiêu hướng đến Điện gió. GEC bước đầu thành công trong chiến lược phát triển đầy tham vọng của mình khi trở thành nhà tiên phong trên thị trường Năng lượng Mặt trời tại Việt Nam.

Điều này sẽ góp phần tạo ra giá trị gia tăng cho các Cổ đông, Nhà đầu tư đặc biệt khi giá và thanh khoản GEG tăng trưởng qua từng năm hoạt động.

**Bảng 17: So sánh với các Công ty cùng Ngành theo số liệu**  
**Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2018**

*ĐVT: Tỷ đồng*

| Mã CK      | Tên Công ty                       | VĐL          | VCSH         | TTS          | TDT        | LNG        | LNST       | LNG/DTT    | LNST/VCSH (%) |
|------------|-----------------------------------|--------------|--------------|--------------|------------|------------|------------|------------|---------------|
| <b>GEG</b> | <b>CTCP Điện Gia Lai</b>          | <b>1.942</b> | <b>2.408</b> | <b>4.361</b> | <b>559</b> | <b>306</b> | <b>187</b> | <b>55%</b> | <b>8%</b>     |
| HNA        | CTCP Thủy điện Hủa Na             | 2.257        | 2.466        | 4.708        | 875        | 455        | 217        | 52%        | 9%            |
| VSH        | CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh | 2.062        | 2.995        | 7.960        | 564        | 349        | 306        | 62%        | 10%           |
| CHP        | CTCP Thủy Điện Miền Trung         | 1.386        | 1.761        | 2.849        | 470        | 205        | 96         | 44%        | 6%            |
| SBH        | CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ         | 1.242        | 2.025        | 2.473        | 893        | 560        | 491        | 63%        | 24%           |

*Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán 2018 của các Công ty*

#### **8.5 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới**

Với chiến lược phát triển nói chung và kế hoạch sản xuất kinh doanh nói riêng, nếu Công ty chủ động bám sát các chỉ tiêu kế hoạch từng năm đặt ra, điều hành quyết liệt linh hoạt, có trọng điểm, chủ động ứng phó trước những biến động, hạn chế thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực và khai thác tốt cơ hội từ thị trường, phát huy tối đa năng lực hiện có thì kế hoạch kinh doanh là khả thi. Phương án đầu tư và chiến lược của Công ty phù hợp với định hướng của Ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

Thời gian gần đây, nhiều nước trong khu vực, đặc biệt là Thái Lan và Philippines đã có nhiều hoạt động tìm kiếm nguồn Năng lượng tái tạo trong khi các quốc gia khác như Việt Nam, Lào hay Campuchia chưa thực sự có bước tiến đáng kể. Theo The Asean Post, từ năm 2000 đến 2016, tăng trưởng kinh tế khu vực đã thúc đẩy nhu cầu Năng lượng sơ cấp tăng 70%. Chính phủ ở các nước Đông Nam Á, vì vậy, thực hiện một loạt chính sách để đảm bảo đáp ứng nhu cầu Năng lượng ngày càng tăng. Giai đoạn 2006-2016, Khu vực Đông Nam Á đầu tư vào lĩnh vực Năng lượng tái tạo khoảng 27 tỷ USD. Trong đó, năm 2007 tăng 63% cùng kỳ nhờ phát triển các dự án Năng lượng sinh học ở Thái Lan; năm 2011 tăng 83% so với năm 2010 với dự án Địa nhiệt lớn ở Indonesia và các dự án Năng lượng sinh học tiếp tục phát triển ở Thái Lan; năm 2013 tăng 43% so với năm 2012 do các dự án Năng lượng Mặt trời và Gió được triển khai ở Thái Lan và Philippines.

Quốc gia đầu tư mạnh vào Năng lượng tái tạo trong giai đoạn 2006-2016 là Thái Lan với hơn 10 tỷ USD, chiếm gần 40% tổng mức đầu tư của Khu vực, kế đến là Indonesia và Philippines, mỗi nước chiếm khoảng 20%. Philippines gia tăng đầu tư vào các dự án Điện Mặt trời và Điện Gió nhưng Malaysia và Việt Nam lại sụt giảm đầu tư vào Năng lượng tái tạo trong thập kỷ qua. Malaysia dù có gia tăng đầu tư vào Điện Mặt trời nhưng lại giảm đầu tư vào Điện Sinh khối trong khi Việt Nam giảm

đầu tư vào Thủy điện nhỏ và Điện sinh khối. Riêng năm 2016, đầu tư vào Năng lượng tái tạo ở các nước trong Khu vực là 2,6 tỷ USD (không tính các nhà máy Thủy điện lớn), chiếm 1% đầu tư vào Năng lượng tái tạo trên toàn cầu. Nước đầu tư mạnh vào khai thác Năng lượng tái tạo là Thái Lan, đạt 1,3 tỷ USD, chiếm 50%; kế đến là Indonesia và Singapore, 2 nước này đầu tư chủ yếu vào Năng lượng Mặt trời, mức đầu tư lần lượt là 577 triệu USD và 575 triệu USD. Giai đoạn 2000-2016, công suất Thủy điện trong Khu vực tăng từ 16 GW lên 44 GW, tập trung ở các nước Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar; Địa nhiệt tập trung ở Indonesia và Philippines.

Với mục tiêu chiến lược trở thành Tổng Công ty thuộc khối Tư nhân hoạt động trong lĩnh vực Năng lượng tái tạo sở hữu danh mục dự án lớn nhất tại Việt Nam đến 2022, GEC hiện không ngừng mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh điện năng trên cơ sở khai thác tối đa chuỗi giá trị của Ngành Điện bao gồm Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió, Điện Rác... Gắn liền hiệu quả kinh tế với lợi ích chung của cộng đồng xã hội, bảo vệ môi trường sống được xem là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của GEC đặc biệt với sự cam kết đồng hành từ 2 Cổ đông chiến lược là những tổ chức uy tín quốc tế IFC và Armstrong.

GEC cũng thực hiện chiến lược M&A xuyên suốt bằng việc tiếp tục tìm kiếm các dự án Năng lượng tái tạo tiềm năng. Cụ thể là các dự án Điện Mặt trời với mức đầu tư 16-18 tỷ đồng/MWp, Thủy điện 30 tỷ đồng/MW, Điện Gió không vượt quá 35 tỷ đồng/MW đối với trên bờ và 45 tỷ đồng/MW đối với xa bờ. GEC cũng tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các dự án Thủy điện tại Lào đón đầu chính sách sẽ nhập khẩu điện từ Nam Lào thông qua các đường dây 220 KV hiện hữu với công suất đến 1.000 MW; Điện Gió tại các khu vực tiềm năng của Tây Nam Bộ và Tây Nguyên và Điện Mặt trời tại các khu vực có giá bán điện cao. Định hướng đến 2025, GEC hoàn thiện tối đa chuỗi giá trị Ngành Điện trong lĩnh vực Năng lượng tái tạo với danh mục đầu tư đa dạng từ Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió và Điện Rác, Điện Khí - vốn là những loại hình mới, không dễ triển khai tại Việt Nam vì đòi hỏi rất cao về chuyên môn, kỹ thuật, kinh nghiệm cho đến tài chính.

## 9. Chính sách đối với người lao động

### 9.1 Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 30/6/2019 là 376 người với cơ cấu trình độ lao động:

| TT        | Tính chất phân loại                         | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%)   |
|-----------|---------------------------------------------|------------------|-------------|
| <b>I</b>  | <b>Theo giới tính</b>                       | <b>376</b>       | <b>100%</b> |
| 1         | Nam                                         | 324              | 86%         |
| 2         | Nữ                                          | 52               | 14%         |
| <b>II</b> | <b>Theo trình độ</b>                        | <b>376</b>       | <b>100%</b> |
| 1         | Số lao động có trình độ trên Đại học        | 13               | 3%          |
| 2         | Số lao động có trình độ Đại học             | 161              | 43%         |
| 3         | Số lao động có trình độ Cao đẳng, Trung cấp | 156              | 42%         |
| 4         | Số lao động có trình độ khác                | 46               | 12%         |



| TT         | Tính chất phân loại                            | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%)   |
|------------|------------------------------------------------|------------------|-------------|
| <b>III</b> | <b>Phân theo loại hợp đồng</b>                 | <b>376</b>       | <b>100%</b> |
| 1          | Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động | -                | -           |
| 2          | Hợp đồng không thời hạn                        | 213              | 57%         |
| 3          | Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm                   | 132              | 35%         |
| 4          | Hợp đồng thời vụ                               | 31               | 8%          |

*Nguồn: GEC*

## 9.2 Chính sách nhân sự

### Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Cơ sở cho hoạt động tuyển dụng của Công ty chính là quy trình tuyển dụng công khai, công bằng đối với tất cả các ứng viên. Để tận dụng tối đa thế mạnh về nguồn nhân lực, Công ty luôn chú trọng xây dựng chế độ, chính sách đối với người lao động cũng như môi trường làm việc phù hợp nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động phát huy khả năng và yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty. Công ty áp dụng các chế độ đãi ngộ đối với những nhân sự làm việc xa xứ nhằm động viên, khích lệ tinh thần làm việc của Cán bộ nhân viên. Đặc biệt, Công ty chú ý phát triển nguồn nhân lực địa phương với ưu điểm ổn định cũng như đạt được mục đích tạo thêm việc làm cho con em địa phương. Bên cạnh công tác tuyển dụng nhân sự truyền thống, hiện nay, Công ty thực hiện chính sách thu hút nhân tài thông qua các hoạt động tuyển sinh, phối hợp với các đơn vị đào tạo vận hành nhà máy, nhằm phục vụ cho đội ngũ nhân sự làm việc tại các Ban Quản lý dự án.

Thế mạnh của GEC là thu hút được một đội ngũ nhân sự trung thành và gắn bó, thế mạnh này sẽ tiếp tục phát huy để đảm bảo tính hoạt động liên tục cũng như hiệu suất công việc của từng nhân sự. Lương, thưởng, đãi ngộ của Cán bộ nhân viên được xác định dựa trên những công việc thực hiện, năng lực, trách nhiệm, vị trí, thâm niên công tác, bằng cấp chuyên môn, kết quả, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chính sách hỗ trợ của Công ty trong từng thời kỳ.

### Chính sách lương thưởng và phúc lợi

Công ty đã xây dựng chính sách đãi ngộ công bằng, xét năng lương định kỳ, trả lương theo năng lực, thưởng theo thành tích, hiệu quả công việc và mức độ đóng góp vào sự phát triển của Công ty, xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, tạo động lực phấn đấu cho tất cả Cán bộ nhân viên Công ty. Ngoài tiền lương hàng tháng, Công ty còn thực hiện chi trả lương tháng 13, thưởng hiệu quả cuối năm, tặng quà vào các ngày lễ trong năm cho Cán bộ nhân viên. Đồng thời, thường xuyên soát xét và cải tiến chính sách lương, thưởng cho phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo tính cạnh tranh trong thị trường lao động.

Ngoài việc nỗ lực duy trì chế độ phúc lợi cho Cán bộ nhân viên theo đúng quy định của Công ty và Pháp luật hiện hành, trong năm 2018, GEC đã xây dựng một số chính sách về lương, thưởng nhằm khuyến khích, động viên và thúc đẩy tinh thần cống hiến của Cán bộ nhân viên:



- Ban hành Quy định chế độ làm việc cho Cán bộ nhân viên làm việc tại các dự án Năng lượng. Chính sách này là một sự hỗ trợ kịp thời bằng vật chất cho các nhân sự tham gia các dự án, góp phần nâng cao hiệu quả làm việc, đẩy nhanh tiến độ công việc tại các Dự án;
- Chính sách thưởng hiệu quả công việc đối với các gói thầu của Phòng thí nghiệm, khuyến khích Cán bộ nhân viên trong việc tạo nên và gia tăng DT;
- Ban hành Quy định khen thưởng cho công tác phát triển Dự án Điện Mặt trời, Điện Gió; khuyến khích Cán bộ nhân viên hoàn thành tiến độ dự án, tiết kiệm chi phí và tăng chất lượng công việc;
- Nghiên cứu phát triển các chính sách phúc lợi nhằm nâng cao đời sống về vật chất, tinh thần cho Cán bộ nhân viên, theo đó cấu trúc đãi ngộ được chia làm 2 hướng: Trực tiếp như Lương, thưởng, phúc lợi bằng hiện kim như tháng lương thứ 13 và chia lợi nhuận; Gián tiếp như Chế độ nghỉ phép/bù, bảo hiểm (bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn), an toàn lao động (khám sức khỏe định kỳ), phúc lợi người thân, dịch vụ khác (com trưa, quà tặng sinh nhật, quà Tết, nghỉ mát) ...

#### **Hoạt động đào tạo người lao động**

Chất lượng nguồn nhân lực luôn được đánh giá là lợi thế hàng đầu của doanh nghiệp, góp phần quan trọng trong việc duy trì và thúc đẩy phát triển bền vững thông qua năng suất lao động ngày một cải thiện. Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác đào tạo đội ngũ Cán bộ nhân viên, Công ty đã xây dựng kế hoạch tổng thể đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng đối với cán bộ, chuyên viên và đào tạo phát triển công nhân kỹ thuật lành nghề, công nhân chuyên ngành phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty. Chú trọng công tác đào tạo nội bộ, đồng thời thường xuyên cử Cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo bên ngoài nhằm đảm bảo Cán bộ nhân viên có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh đó, Ban Lãnh đạo Công ty chú trọng đến công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực đặc biệt công tác xây dựng lực lượng kế thừa có đủ năng lực và trình độ chuyên môn để phát huy hiệu quả hoạt động của Công ty, để chuẩn bị kịp thời nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu hội nhập phát triển trong thời đại mới.

GEC còn tổ chức các lớp Kỹ năng mềm nhằm phát triển mối quan hệ trong công việc, đảm bảo quản lý có kỹ năng, điều hành công việc hiệu quả, phân công đúng người, đúng việc. GEC luôn khuyến khích các cấp quản lý chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với nhân viên, tạo sự gắn gũi cao nhất trong mối quan hệ giữa cấp trên và nhân viên. Các khóa đào tạo nội bộ về chuyên môn được chia sẻ bởi các nhân sự trong nội bộ Phòng ban như đào tạo kiến thức chuyên môn về lĩnh vực điện, nghiệp vụ quản lý Cổ đông, công bố thông tin, nghiệp vụ thư ký, trợ lý, các buổi sinh hoạt chuyên môn về nghiệp vụ kế toán...

### **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động**

Công ty có những chính sách đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của Pháp luật lao động như trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn.

Công ty phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban Nữ công tổ chức Hội thao truyền thống, Giao lưu văn nghệ và tạo điều kiện cho người lao động tham gia, vừa góp phần nâng cao sự gắn kết giữa các Cán bộ nhân viên, vừa phục vụ đời sống tinh thần. Đối với các trường hợp phải làm ca đêm, Công ty còn có các chế độ bồi dưỡng thực tế nhằm bồi dưỡng sức khỏe, tinh thần cũng như tạo tâm lý tốt nhất cho người lao động trong quá trình làm việc. Định kỳ hàng năm, Công ty mời các cơ quan chức năng kiểm tra độ ồn, rung, bụi... để có căn cứ nghiên cứu và trang bị bổ sung thêm phương tiện bảo vệ cá nhân như đồng phục, thiết bị bảo hộ cho nhân viên nhằm hạn chế ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe người lao động, giảm trừ những yếu tố nguy hiểm, có hại...; từ đó cải thiện môi trường làm việc và đưa ra chế độ phụ cấp độc hại

Công ty luôn nỗ lực xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, đảm bảo tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp; trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, tập huấn công tác an toàn, vệ sinh lao động cho toàn thể cán bộ nhân viên. Ngoài ra, hàng năm Công ty đều tạo điều kiện cho Cán bộ nhân viên được tham gia khám sức khỏe, tham quan nghỉ mát, khuyến khích Cán bộ nhân viên nghỉ phép để phục hồi sức lao động.

### **10. Chính sách cổ tức**

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Kết thúc năm tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng Phương án phân phối LN và trích lập các Quỹ để trình ĐHCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở LNST mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính từ 2011 đến nay sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các Quỹ theo quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý. Do tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước đã được cổ phần hóa từ năm 2010 nên Công ty trước đây không thực hiện chế độ chi trả cổ tức. Trong những năm tiếp theo, việc chi trả cổ tức được thực hiện căn cứ tình hình thực tế về hoạt động sản xuất kinh doanh và quyết định của HĐQT sau khi đã được ĐHCĐ thông qua.

**Bảng 18: Tỷ lệ cổ tức thực chi trả qua các năm**

| Chỉ tiêu                             | Năm 2014 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019<br>(*) |
|--------------------------------------|----------|----------|----------|----------|-----------------|
| Tỷ lệ chi trả cổ tức (%/Vốn Điều lệ) | 11%      | 20%      | 10%      | 7%       | 10%             |

*Nguồn: GEC*

(\*) Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến

Với dòng tiền ổn định từ lĩnh vực kinh doanh Thủy điện, trong nhiều năm vừa qua, GEC luôn nỗ lực trong việc đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và Nhà đầu tư thông qua việc chi trả cổ tức dưới nhiều hình thức, bằng tiền hoặc cổ phiếu với là mức cổ tức hấp dẫn so với mặt bằng chung các công ty niêm yết trên thị trường. Từ năm 2014 đến nay, GEC chủ yếu chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ trung bình là 10%, duy nhất một lần năm 2016 là chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ là 20%. Năm 2018, Công ty triển khai mạnh mẽ các dự án Điện Mặt trời mới, do đó cần nguồn lực tài chính lớn để hỗ trợ cho chiến lược này. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi chính đáng của Nhà đầu tư, Công ty vẫn nỗ lực duy trì mức cổ tức 7% và được chi trả vào thời điểm giữa năm 2019.

## **11. Tình hình hoạt động tài chính**

### **11.1 Các chỉ tiêu cơ bản**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong BCTC bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### **11.2 Trích khấu hao tài sản cố định**

TS cố định hữu hình, TS cố định vô hình được ghi nhận theo Nguyên giá TS cố định. Trong quá trình sử dụng, TS cố định hữu hình, TS cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại TS cố định. Khi TS bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị động lực: 6 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị công tác: 3 - 20 năm
- Dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm: 2 - 10 năm
- Thiết bị và phương tiện vận tải: 6 - 30 năm
- Dụng cụ quản lý: 3 - 10 năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc: 5 - 50 năm
- Súc vật, vườn cây lâu năm: 2 - 40 năm
- TS cố định hữu hình khác: 4 - 25 năm
- TS cố định vô hình khác: 2 - 20 năm

TS cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

### 11.2.1 Mức lương bình quân

**Bảng 19: Mức lương bình quân**

| Năm  | Thu nhập bình quân (Đồng/tháng) |
|------|---------------------------------|
| 2014 | 9.600.000                       |
| 2015 | 10.000.000                      |
| 2016 | 10.500.000                      |
| 2017 | 13.000.000                      |
| 2018 | 14.000.000                      |

*Nguồn: GEC*

Lương trung bình của người lao động tại GEC cũng ghi nhận sự tăng trưởng ổn định, từ 9,6 triệu/tháng năm 2014 lên đến 14 triệu/tháng năm 2018, tăng trưởng 46%. Đây là mức thu nhập khá so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng Ngành trên cùng địa bàn.

### 11.2.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khế ước tiền vay. Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào tính đến thời điểm lập Bản Cáo bạch này.

### 11.2.3 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản Thuế VAT, Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Thuế Thu nhập cá nhân và các khoản Thuế khác theo các quy định của Nhà nước.

**Bảng 20: Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước của Công ty mẹ**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT        | Chỉ tiêu                   | 31/12/2017   | 31/12/2018   | 30/6/2019    |
|-----------|----------------------------|--------------|--------------|--------------|
| <b>I</b>  | <b>Các khoản phải thu</b>  | <b>59</b>    | <b>-</b>     | <b>980</b>   |
| 1         | Thuê Đất nộp thừa          | 59           | -            |              |
| 2         | Thuế Thu nhập doanh nghiệp |              |              | 980          |
| <b>II</b> | <b>Các khoản phải trả</b>  | <b>9.823</b> | <b>8.459</b> | <b>8.265</b> |
| 1         | Thuế Giá trị gia tăng      | 2.986        | 3.320        | 6.106        |
| 2         | Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 3.313        | 2.517        | -            |

| TT | Chỉ tiêu              | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/6/2019 |
|----|-----------------------|------------|------------|-----------|
| 3  | Thuế Thu nhập cá nhân | 551        | 739        | 1.175     |
| 4  | Thuế Tài nguyên       | 2.225      | 1.176      | 827       |
| 5  | Các loại Thuế khác    | 748        | 707        | 157       |

*Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2017, 2018 và Soát xét 6 tháng 2019*

So với các lĩnh vực khác, Ngành năng lượng nhận được sự hỗ trợ đáng kể từ Chính phủ, đặc biệt là ở khía cạnh tài chính. Cụ thể các ưu đãi về tiền thuê đất, thuế của nhà máy Thủy điện, Điện Mặt trời như: ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định, nguyên liệu, vật tư và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được, ưu đãi miễn/giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất tùy thuộc vào vị trí dự án; ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định chung hiện nay đối với thuế thu nhập của các dự án năng lượng thuộc danh mục ưu đãi đầu tư của Chính phủ khi áp dụng thuế suất 10% cho 15 năm đầu, miễn thuế 4 năm đầu tiên và giảm 50% thuế trong 9 năm kế tiếp.

**Bảng 21: Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước của Công ty**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT        | Chỉ tiêu                   | 31/12/2017    | 31/12/2018    | 30/6/2019     |
|-----------|----------------------------|---------------|---------------|---------------|
| <b>I</b>  | <b>Các khoản phải thu</b>  | <b>298</b>    | <b>17</b>     | <b>1.058</b>  |
| 1         | Thuế Đất nộp thừa          | 298           | 17            | -             |
| 2         | Thuế Thu nhập doanh nghiệp | -             | -             | 1.019         |
| 3         | Khác                       | -             | -             | 39            |
| <b>II</b> | <b>Các khoản phải trả</b>  | <b>21.775</b> | <b>15.714</b> | <b>15.048</b> |
| 1         | Thuế Giá trị gia tăng      | 5.184         | 4.512         | 8.248         |
| 2         | Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 10.931        | 5.762         | 3.998         |
| 3         | Thuế Thu nhập cá nhân      | 611           | 1.680         | 1.355         |
| 4         | Thuế Tài nguyên            | 3.836         | 2.157         | 1.236         |
| 5         | Các loại Thuế khác         | 1.213         | 1.603         | 211           |

*Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán 2017, 2018 và Soát xét 6 tháng 2019*

Góp phần đáp ứng nhu cầu Năng lượng từ giải pháp năng lượng sạch, ngoài việc tối ưu hóa lợi nhuận cho Công ty, tạo công ăn việc làm và cải thiện thu nhập cho cộng đồng địa phương, bảo đảm lợi ích cho Cổ đông và các Bên liên quan; việc làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước cũng được BLĐ GEC xem là một trong những sứ mệnh quan trọng của tăng trưởng bền vững. Hoàn thành các nghĩa vụ về Thuế không đơn thuần là tuân thủ pháp luật mà còn là một trong những đóng góp có ý nghĩa to lớn cho sự phát triển của đất nước nói chung và những địa phương nơi GEC đang hoạt động sản xuất cũng như cung cấp dịch vụ nói riêng.

#### 11.2.4 Trích lập các Quỹ theo Luật định

Công ty trích lập và sử dụng các Quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là CTCP, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT.

**Bảng 22: Mức trích lập các Quỹ của Công ty mẹ**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT | Chỉ tiêu                          | 31/12/2017    | 31/12/2018    | 30/6/2019     |
|----|-----------------------------------|---------------|---------------|---------------|
| 1  | Quỹ Khen thưởng, phúc lợi         | 5.599         | 8.586         | 7.440         |
| 2  | Quỹ Phát triển khoa học công nghệ | 911           | 573           | 642           |
| 3  | Quỹ Đầu tư phát triển             | 24.928        | 24.927        | 29.077        |
|    | <b>Tổng cộng</b>                  | <b>31.438</b> | <b>34.086</b> | <b>37.159</b> |

*Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2017, 2018 và Soát xét 6 tháng 2019*

**Bảng 23: Mức trích lập hợp nhất các Quỹ của Công ty**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT | Chỉ tiêu                          | 31/12/2017    | 31/12/2018    | 30/6/2019     |
|----|-----------------------------------|---------------|---------------|---------------|
| 1  | Quỹ khen thưởng, phúc lợi         | 17.259        | 20.790        | 20.245        |
| 2  | Quỹ phát triển khoa học công nghệ | 911           | 573           | 642           |
| 3  | Quỹ đầu tư phát triển             | 56.348        | 60.968        | 65.283        |
|    | <b>Tổng cộng</b>                  | <b>74.518</b> | <b>82.331</b> | <b>86.170</b> |

*Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán 2017, 2018 và Soát xét 6 tháng 2019*

#### 11.2.5 Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 30/6/2019, tổng dư nợ vay của Công ty là 3.231 tỷ đồng.

**Bảng 24: Tổng dư nợ vay của Công ty mẹ**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT       | Chỉ tiêu                | 31/12/2017     | 31/12/2018       | 30/6/2019        |
|----------|-------------------------|----------------|------------------|------------------|
| <b>1</b> | <b>Vay ngắn hạn</b>     | <b>3.825</b>   | <b>40.661</b>    | <b>195.634</b>   |
|          | Vay ngân hàng           | -              | 1                | 86.983           |
|          | Vay Bên liên quan       | -              |                  |                  |
|          | Vay dài hạn đến hạn trả | 3.825          | 40.660           | 108.651          |
| <b>2</b> | <b>Vay dài hạn</b>      | <b>154.512</b> | <b>1.356.889</b> | <b>1.817.795</b> |
|          | Vay ngân hàng           | 154.288        | 1.356.889        | 1.817.795        |
|          | Vay Bên liên quan       | 224            |                  |                  |
|          | <b>Tổng nợ vay</b>      | <b>158.337</b> | <b>1.397.550</b> | <b>2.013.429</b> |

*Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2017, 2018 và BCTC Soát xét 6 tháng 2019*

**Bảng 25: Tổng dư nợ vay hợp nhất của Công ty**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT       | Chỉ tiêu            | 31/12/2017   | 31/12/2018     | 30/6/2019      |
|----------|---------------------|--------------|----------------|----------------|
| <b>1</b> | <b>Vay ngắn hạn</b> | <b>5.918</b> | <b>106.374</b> | <b>212.626</b> |

|          |                         |                |                  |                  |
|----------|-------------------------|----------------|------------------|------------------|
|          | Vay ngân hàng           | -              | 55.943           | 93.617           |
|          | Vay Bên liên quan       | -              |                  | 3.500            |
|          | Vay dài hạn đến hạn trả | 5.918          | 50.431           | 115.509          |
| <b>2</b> | <b>Vay dài hạn</b>      | <b>232.384</b> | <b>1.420.255</b> | <b>3.018.472</b> |
|          | Vay ngân hàng           | 232.160        | 1.420.255        | 3.018.472        |
|          | Vay Bên liên quan       | 224            | -                | -                |
|          | <b>Tổng nợ vay</b>      | <b>238.302</b> | <b>1.526.629</b> | <b>3.231.098</b> |

*Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán 2017, 2018 và Soát xét 6 tháng 2019*

So với thời điểm cuối năm 2017, tổng dư nợ hợp nhất của Công ty tại 30/6/2019 tăng gần 14 lần, chủ yếu tăng mạnh từ dư nợ của Công ty mẹ. Nguyên nhân chủ yếu là do trong giai đoạn từ năm 2017 trở về trước, Công ty chủ yếu chỉ vận hành ổn định 14 Nhà máy Thủy điện, do đó dư nợ có xu hướng giảm dần. Tuy nhiên, trong năm 2018, để triển khai các dự án Điện Mặt trời, GEC đã tiếp cận với các Tổ chức tín dụng trong nước nhằm đàm phán và lựa chọn các nguồn vốn ưu đãi dành cho việc đầu tư các dự án Năng lượng sạch. Với uy tín của mình, GEC nhận được sự tin nhiệm cao từ các tổ chức tài chính thông qua việc chấp thuận tài trợ vốn đầu tư các dự án Điện Mặt trời bởi Ngân hàng Vietcombank và Agribank. Khoản vay và gói trái phiếu hơn 1.200 tỷ đồng là nguyên nhân chính làm tăng dư nợ tại ngân hàng.

Hai dự án Điện Mặt trời đầu tiên được triển khai trực tiếp dưới Công ty mẹ, do đó dư nợ trên báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất gần như tăng tương ứng với nhau. Tương tự như năm 2018, trong 6 tháng đầu năm 2019, tổng nợ vay tăng hơn 2 lần so với năm 2018, chủ yếu là vay dài hạn từ Ngân hàng để tài trợ 3 dự án Điện mặt trời. Các khoản vay này đều từ các Ngân hàng quốc doanh lớn như Vietinbank và Vietcombank.

**Bảng 26: Chi tiết các khoản vay Ngân hàng tại thời điểm 30/6/2019**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Đơn vị cho vay                                      | Số tiền tối đa được vay | Ngày đáo hạn | Lãi suất (%/năm) | Hình thức đảm bảo | Số cuối kỳ 30/6/2019 |
|-----------------------------------------------------|-------------------------|--------------|------------------|-------------------|----------------------|
| NHTMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai    | 870.000                 | 09/11/2030   | 7,8%             | Tài sản thế chấp  | 810.581              |
| NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Gia Lai | 490.000                 | 27/9/2029    | 9,3%             | Tài sản thế chấp  | 476.000              |
| NHTMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai    | 300.000                 | 29/6/2028    | 7,8%             | Tài sản thế chấp  | 285.000              |
| Vay Trái phiếu                                      | 300.000                 | 14/6/2021    | 11,5-12%         | Tín chấp          | 219.000              |
| NHTMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai    | 112.000                 | 18/10/2026   | 9,4%             | Tài sản thế chấp  | 94.107               |



|                                                  |         |                           |      |                  |                  |
|--------------------------------------------------|---------|---------------------------|------|------------------|------------------|
| NHTMCP Công thương Việt Nam                      | 240.000 | 4 tháng từ ngày giải ngân | 7,8% | Tín chấp         | 86.984           |
| NHTMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai | 161.000 | 30/12/2021                | 9,8% | Tài sản thế chấp | 47.495           |
| <b>Tổng</b>                                      |         |                           |      |                  | <b>2.019.167</b> |

*Nguồn: BCTC Hợp nhất Soát xét 6 tháng 2019*

### 11.2.6 Tình hình công nợ

Các khoản phải thu:

**Bảng 27: Các khoản phải thu của Công ty mẹ**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT        | Các chỉ tiêu                       | 31/12/2017     | 31/12/2018     | 30/6/2019      |
|-----------|------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| <b>I</b>  | <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b> | <b>198.692</b> | <b>100.873</b> | <b>381.891</b> |
| 1         | Phải thu ngắn hạn khách hàng       | 51.894         | 72.023         | 185.772        |
| 2         | Trả trước người bán ngắn hạn       | 3.486          | 3.965          | 11.573         |
| 3         | Phải thu về cho vay ngắn hạn       | 102.728        | 1.291          | 158.891        |
| 4         | Phải thu ngắn hạn khác             | 41.284         | 23.591         | 25.655         |
| 5         | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (700)          | -              |                |
| 6         | Tài sản thiếu chờ xử lý            | -              | 3              |                |
| <b>II</b> | <b>Khoản phải thu dài hạn</b>      | <b>27.662</b>  | <b>780</b>     | <b>780</b>     |
| 1         | Phải thu về cho vay dài hạn        | 16.704         | 1.271          | 1.271          |
| 2         | Phải thu dài hạn khác              | 10.958         | (491)          | (491)          |
|           | <b>Tổng cộng</b>                   | <b>226.354</b> | <b>101.653</b> | <b>382.671</b> |

*Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2017, 2018 và Soát xét 6 tháng 2019*

**Bảng 28: Các khoản phải thu hợp nhất của Công ty**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT        | Các chỉ tiêu                       | 31/12/2017     | 31/12/2018     | 30/6/2019      |
|-----------|------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| <b>I</b>  | <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b> | <b>227.394</b> | <b>245.522</b> | <b>381.872</b> |
| 1         | Phải thu ngắn hạn khách hàng       | 74.686         | 109.562        | 222.814        |
| 2         | Trả trước người bán ngắn hạn       | 50.091         | 103.336        | 45.779         |
| 3         | Phải thu về cho vay ngắn hạn       | 93.844         | -              | 77.900         |
| 4         | Phải thu ngắn hạn khác             | 9.562          | 32.850         | 35.608         |
| 5         | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (789)          | (229)          | (229)          |
| 6         | Tài sản thiếu chờ xử lý            | -              | 3              | -              |
| <b>II</b> | <b>Khoản phải thu dài hạn</b>      | <b>10.963</b>  | <b>785</b>     | <b>785</b>     |
| 1         | Phải thu khách hàng dài hạn        | 10.963         | 1.276          | 1.276          |
| 2         | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | -              | (491)          | (491)          |
|           | <b>Tổng cộng</b>                   | <b>238.357</b> | <b>246.307</b> | <b>382.657</b> |

*Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán 2017, 2018 và Soát xét 6 tháng 2019*

Các khoản phải trả:

**Bảng 29: Các khoản phải trả của Công ty mẹ**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT               | Chỉ tiêu                             | 31/12/2017     | 31/12/2018       | 30/6/2019        |
|------------------|--------------------------------------|----------------|------------------|------------------|
| <b>I.</b>        | <b>Nợ ngắn hạn</b>                   | <b>42.605</b>  | <b>381.119</b>   | <b>247.273</b>   |
| 1                | Phải trả người bán ngắn hạn          | 9.346          | 315.198          | 20.157           |
| 2                | Người mua trả tiền trước ngắn hạn    | 594            | 594              | 1.823            |
| 3                | Thuế và các khoản phải trả Nhà nước  | 9.822          | 8.460            | 8.265            |
| 4                | Phải trả người lao động              | 37             | 2                | 3                |
| 5                | Chi phí phải trả ngắn hạn            | 1.938          | 3.133            | 7.210            |
| 6                | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn    | 621            | -                |                  |
| 7                | Phải trả ngắn hạn khác               | 10.823         | 4.485            | 6.741            |
| 8                | Vay và nợ thuê tài chính             | 3.826          | 40.661           | 195.634          |
| 9                | Quỹ khen thưởng, phúc lợi            | 5.598          | 8.586            | 7.440            |
| <b>II.</b>       | <b>Nợ dài hạn</b>                    | <b>158.418</b> | <b>1.360.456</b> | <b>1.821.432</b> |
| 1                | Phải trả người bán dài hạn           | -              | -                |                  |
| 2                | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn     | -              | -                |                  |
| 3                | Phải trả dài hạn khác                | -              | -                |                  |
| 4                | Vay dài hạn                          | 154.512        | 1.356.889        | 1.817.796        |
| 5                | Dự phòng phải trả dài hạn            | 2.994          | 2.994            | 2.994            |
| 6                | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 912            | 573              | 642              |
| <b>Tổng cộng</b> |                                      | <b>201.023</b> | <b>1.741.575</b> | <b>2.068.705</b> |

*Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2017, 2018 và Soát xét 6 tháng 2019*

**Bảng 30: Các khoản phải trả hợp nhất của Công ty**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT         | Chỉ tiêu                            | 31/12/2017     | 31/12/2018       | 30/6/2019        |
|------------|-------------------------------------|----------------|------------------|------------------|
| <b>I.</b>  | <b>Nợ ngắn hạn</b>                  | <b>103.424</b> | <b>528.243</b>   | <b>1.125.014</b> |
| 1          | Phải trả người bán ngắn hạn         | 15.864         | 368.214          | 663.771          |
| 2          | Người mua trả tiền trước ngắn hạn   | 3.389          | 1.341            | 2.032            |
| 3          | Thuế và các khoản phải trả Nhà nước | 21.775         | 15.714           | 15.048           |
| 4          | Phải trả người lao động             | 1.527          | 1.617            | 436              |
| 5          | Chi phí phải trả ngắn hạn           | 2.264          | 4.327            | 197.109          |
| 6          | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn   | 3              | 3                | 3                |
| 7          | Phải trả ngắn hạn khác              | 35.425         | 9.863            | 13.744           |
| 8          | Vay và nợ thuê tài chính            | 5.918          | 106.374          | 212.626          |
| 9          | Quỹ khen thưởng, phúc lợi           | 17.259         | 20.790           | 20.245           |
| <b>II.</b> | <b>Nợ dài hạn</b>                   | <b>237.167</b> | <b>1.424.380</b> | <b>3.022.666</b> |
| 1          | Phải trả người bán dài hạn          | 96             | 96               | 96               |
| 2          | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn    | 305            | -                |                  |
| 3          | Vay dài hạn                         | 232.384        | 1.420.255        | 3.018.472        |

|                  |                                      |                |                  |                  |
|------------------|--------------------------------------|----------------|------------------|------------------|
| 4                | Dự phòng phải trả dài hạn            | 3.471          | 3.456            | 3.456            |
| 5                | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 911            | 573              | 642              |
| <b>Tổng cộng</b> |                                      | <b>340.591</b> | <b>1.952.623</b> | <b>4.147.680</b> |

*Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán năm 2018 và Soát xét 6 tháng năm 2019*

### 11.3 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 31: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ**

| TT       | Các chỉ tiêu                                                                   | Năm 2017 | Năm 2018 | 6 tháng 2019 |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|--------------|
| <b>1</b> | <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                                         |          |          |              |
|          | Hệ số thanh toán ngắn hạn<br><i>(Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn)</i>             | 6,9      | 2,5      | 2,4          |
|          | Hệ số thanh toán nhanh<br><i>(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)</i> | 6,7      | 2,5      | 2,3          |
| <b>2</b> | <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                                  |          |          |              |
|          | Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                                          | 0,15     | 0,45     | 0,48         |
|          | Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                                        | 0,17     | 0,80     | 0,93         |
| <b>3</b> | <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                                          |          |          |              |
|          | Vòng quay hàng tồn kho<br><i>(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)</i>     | 14,4     | 16,5     | 21,3         |
|          | Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân                                         | 0,2      | 0,1      | 0,1          |
| <b>4</b> | <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                                           |          |          |              |
|          | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                                       | 46%      | 44%      | 23%          |
|          | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân                              | 12%      | 8%       | 4%           |
|          | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân                                | 9%       | 5%       | 2%           |
|          | Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần                       | 51%      | 44%      | 24%          |

*Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2017, 2018 và BCTC Soát xét 6 tháng 2019*

**Bảng 32: Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty**

| TT       | Các chỉ tiêu                                                                   | Năm 2017 | Năm 2018 | 6 tháng 2019 |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|--------------|
| <b>1</b> | <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                                         |          |          |              |
|          | Hệ số thanh toán ngắn hạn<br><i>(Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn)</i>             | 4,7      | 2,3      | 0,9          |
|          | Hệ số thanh toán nhanh<br><i>(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)</i> | 4,4      | 2,3      | 0,7          |
| <b>2</b> | <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                                  |          |          |              |

|          |                                                                     |       |       |      |
|----------|---------------------------------------------------------------------|-------|-------|------|
|          | Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                               | 0,21  | 0,45  | 0,63 |
|          | Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                             | 0,26  | 0,81  | 1,67 |
| <b>3</b> | <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                               |       |       |      |
|          | Vòng quay hàng tồn kho<br>(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) | 10,7  | 9,9   | 2,6  |
|          | Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân                              | 0,3   | 0,2   | 0,1  |
| <b>4</b> | <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                                |       |       |      |
|          | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                            | 39%   | 34%   | 31%  |
|          | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân                   | 17%   | 10%   | 7%   |
|          | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân                     | 13%   | 6%    | 3%   |
|          | Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần             | 44%   | 37%   | 32%  |
|          | Thu nhập trên cổ phần (EPS)                                         | 1.726 | 1.078 | 662  |

*Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất 2018 và Soát xét 6 tháng 2019*

Trong năm 2017, để chuẩn bị nguồn lực tài chính cho các dự án Điện Mặt trời mới, GEC đã thực hiện tái cấu trúc toàn bộ các dự án Thủy điện. Kết quả của việc tái cấu trúc này đã giảm dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn đáng kể do đó các tỷ số thanh khoản của Công ty đều tăng cao so với các giai đoạn 2015 - 2016. Sang năm 2018, với nhu cầu triển khai các dự án Điện Mặt trời, ngoài các khoản vay từ các Tổ chức tín dụng được đảm bảo bởi các dự án mới, GEC đã phát hành 300 tỷ đồng trái phiếu để bổ sung vốn thực hiện dự án. Vì thế các chỉ số về Khả năng thanh toán trong năm 2018 tuy có giảm so với năm 2017 nhưng vẫn được duy trì ở mức rất cao. Chỉ số Thanh toán ngắn hạn và Thanh toán nhanh đều lớn hơn 2, đạt 2,3 lần.

Khoản vay và gói trái phiếu hơn 1.200 tỷ đồng là nguyên nhân chính làm tăng hệ số cơ cấu vốn, tuy nhiên vẫn khá an toàn so với Ngành và nằm trong vòng kiểm soát của GEC. Mặc dù việc sử dụng đòn bẩy tài chính trong quá trình mở rộng kinh doanh là một thực tế mà hầu hết các công ty đều áp dụng; tuy nhiên, sẽ gây áp lực trả nợ, lãi vay và thanh khoản đặc biệt trong quá trình khoản đầu tư hay dự án chưa bước vào giai đoạn hoàn vốn. Chính vì vậy, để đảm bảo cho mục tiêu phát triển bền vững, GEC không lạm dụng việc sử dụng đòn bẩy mà cân đối một cách hợp lý giữa nợ vay và VCSH, duy trì một tỷ lệ phù hợp trong suốt quá trình phát triển. Ngoài ra, việc gia tăng tỷ số nợ trong phạm vi kiểm soát thanh khoản đã giúp Công ty tận dụng tối đa đòn bẩy tài chính để tạo động lực tăng trưởng lợi nhuận trong tương lai. Tại GEC, cùng sự tham gia của 2 Cổ đông chiến lược là IFC và Armstrong, BLĐ GEC đặt tiêu chí về phát triển bền vững lên hàng đầu, tránh phát triển nóng, triển khai ồ ạt nhưng kém hiệu quả. Trong nhiều năm vừa qua, Nợ vay đều có xu hướng giảm và chỉ tăng khi thực sự triển khai dự án, cùng với đó là sự tăng trưởng mạnh của VDL.

Một trong những yếu tố khiến cho mảng Năng lượng tái tạo thu hút sự quan tâm của nhiều Nhà đầu tư trong nước và quốc tế bên cạnh xu hướng phát triển xanh, sạch, bền vững đó là khả năng sinh



lời tương đối cao. Có thể thấy, trong nhiều năm trở lại đây, Biên LN ròng của GEC luôn được duy trì ở mức tốt, luôn cao hơn 30%. Các chỉ số về khả năng sinh lời trên TTS và VCSH tuy có sự điều chỉnh giảm nhẹ trong năm 2018 do độ trễ từ việc sinh lời của các khoản nợ vay, khoản góp vốn mới được huy động gần đây nhưng vẫn được duy trì ở mức khả quan tương ứng hơn 6% và 10%. Ngoài ra là việc tăng vốn gấp đôi đồng thời các dự án Điện Mặt trời mới được đưa vào vận hành, chưa đóng góp đáng kể vào DT và LN trong năm 2018.

**12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy Ban Kiểm toán, Kế toán trưởng**

**Bảng 33: Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy Ban Kiểm toán, Kế toán trưởng**

| TT                                            | Tên                     | Chức vụ                          | Năm sinh | CMND/ Hộ chiếu |
|-----------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------|----------|----------------|
| <b>Hội đồng Quản trị</b>                      |                         |                                  |          |                |
| 1                                             | Ông Tân Xuân Hiến       | Chủ tịch HĐQT                    | 1961     | 230558115      |
| 2                                             | Bà Đỗ Thu Ngân          | Thành viên HĐQT                  | 1971     | 023830341      |
| 3                                             | Ông Andrew Mark Affleck | Thành viên HĐQT                  | 1966     | 538877500      |
| 4                                             | Ông Jean Paul Pinard    | Thành viên HĐQT                  | 1950     | 13FV34895      |
| 5                                             | Bà Nguyễn Thùy Vân      | Thành viên HĐQT                  | 1980     | 023339516      |
| 6                                             | Bà Phạm Ngọc Thanh Mai  | Thành viên HĐQT không điều hành  | 1982     | 271451426      |
| <b>Ban Tổng Giám đốc</b>                      |                         |                                  |          |                |
| 1                                             | Bà Nguyễn Thái Hà       | TGD                              | 1980     | 012033277      |
| 2                                             | Ông Lê Thanh Vinh       | PTGD thường trực                 | 1975     | 024919225      |
| 3                                             | Ông Nguyễn Đình Tuấn    | PTGD                             | 1963     | 230690452      |
| 4                                             | Ông Phan Thanh Lạc      | PTGD                             | 1960     | 230681756      |
| 5                                             | Ông Hà Nguyên Hoàng     | PTGD                             | 1983     | 211739931      |
| 6                                             | Ông Nguyễn Lê Hùng      | PTGD                             | 1979     | 052079000206   |
| <b>Ủy ban Kiểm toán</b>                       |                         |                                  |          |                |
| 1                                             | Bà Nguyễn Thùy Vân      | Chủ tịch                         | 1980     | 023339516      |
| 2                                             | Bà Phạm Ngọc Thanh Mai  | Thành viên                       | 1982     | 271451426      |
| <b>Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng</b> |                         |                                  |          |                |
| 1                                             | Bà Trần Thị Hồng Thắm   | GD Tài chính kiêm Kế toán trưởng | 1983     | 231266439      |

**12.1 Hội đồng Quản trị**

| TT | Họ và tên               | Chức danh trong HĐQT | Ghi chú                                        |
|----|-------------------------|----------------------|------------------------------------------------|
| 1  | Ông Tân Xuân Hiến       | Chủ tịch             | Chủ tịch HĐQT                                  |
| 2  | Bà Đỗ Thu Ngân          | Thành viên           | Thành viên HĐQT                                |
| 3  | Ông Andrew Mark Affleck | Thành viên           | Thành viên HĐQT                                |
| 4  | Ông Jean Paul Pinard    | Thành viên           | Thành viên HĐQT                                |
| 5  | Bà Nguyễn Thùy Vân      | Thành viên           | Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán |

| TT | Họ và tên                     | Chức danh trong HĐQT | Ghi chú                                                          |
|----|-------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------|
| 6  | Bà <b>Phạm Ngọc Thanh Mai</b> | Thành viên           | Thành viên HĐQT không điều hành kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán |

**a. Ông TÂN XUÂN HIẾN - Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên: TÂN XUÂN HIẾN
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 4/7/1961
- Nơi sinh: Thị xã Tuy Hoà - Tỉnh Phú Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 2 Nguyễn Đường, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Số chứng minh nhân dân: 230558115
- Điện thoại liên hệ: (0269) 6275 190
- Trình độ chuyên môn:
  - Kỹ sư Điện
  - Cử nhân Tài chính - Kế toán
- Chức vụ hiện nay tại GEC: Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo Pháp luật
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - Chủ tịch HĐQT - CTCP Thủy điện Trường Phú
- Quá trình công tác:
  - Từ 1992 đến 1998: Phó GD Công ty Điện Gia Lai
  - Từ 1998 đến 2010: GD Công ty Điện Gia Lai
  - Từ 2010 đến 2014: Thành viên HĐQT kiêm TGD CTCP Điện Gia Lai
  - Từ 2015 đến 2017: Chủ tịch HĐQT CTCP Điện Gia Lai
  - Từ 3/2017 đến 2/2018: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Điện Gia Lai
  - 12/2013 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Thủy điện Trường Phú
  - Từ 3/2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Điện Gia Lai
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 1.596.058 cổ phần, chiếm 0,78% VDL
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
  - Sở hữu của Người có liên quan:

| STT | Họ tên        | Mối quan hệ | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|---------------|-------------|------------------|---------------|
| 1   | Tân Xuân Hậu  | Em ruột     | 27.505           | 0,014%        |
| 2   | Tân Xuân Hùng | Em ruột     | 1.401            | 0,001%        |

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ



- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

**b. Bà ĐỖ THU NGÂN - Thành viên Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên: ĐỖ THU NGÂN
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 7/6/1971
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 135/37/40 Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
- Số chứng minh nhân dân: 023830341
- Điện thoại liên hệ: (0269) 6275 190
- Trình độ chuyên môn: Cao học Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại GEC: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: PTGD thường trực CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- Quá trình công tác:
  - Từ 2005 đến 1/2010: PTGD Thường trực Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương tín
  - Từ 1/2010 đến 4/2011: PTGD thường trực/GĐ Tài chính Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
  - Từ 4/2011 đến 6/2013: Chủ tịch - NTF International Services - Financial Advisory Co., Ltd
  - Từ 6/2013 đến 6/2018: GĐ Tài chính/GĐ Kinh doanh cấp cao Ngân hàng JP Morgan Chase - Chi nhánh TP.HCM
  - Từ 7/2018 đến nay: PTGD Thường trực - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
  - Từ 8/2018 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Điện Gia Lai
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 800.000 cổ phần, chiếm 0,39% VDL
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
  - Sở hữu của Người có liên quan:

| STT | Họ tên                       | Mối quan hệ                           | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|------------------------------|---------------------------------------|------------------|---------------|
| 1   | CTCP Đầu tư Thành Thành Công | Tổ chức có liên quan đến Người nội bộ | 36.947.296       | 18,12%        |

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

**c. Ông ANDREW MARK AFFLECK - Thành viên Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên: ANDREW MARK AFFLECK
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/5/1966
- Nơi sinh: Anh
- Quốc tịch: Anh
- Địa chỉ thường trú: 30 Raffles Place, #10-04 Chevron House, Singapore (048622)
- Số Passport: 538877500
- Điện thoại liên hệ: +65 6922 9790
- Trình độ chuyên môn: Cao học Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại GEC: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: GD Điều hành, Armstrong Asset Management Pte. Ltd
- Quá trình công tác:
  - Từ 6/2010 đến 7/2009: TGD, Infinity Energy
  - Từ 8/2010 đến 10/2012: GD điều hành kiêm Chủ tịch Low Carbon Investor Ltd
  - Từ 1/2018 đến nay: GD Điều hành Armstrong Asset Management Pte. Ltd
  - Từ 8/2018 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Điện Gia Lai
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 200.000 cổ phần, chiếm 0,098% VDL
  - Sở hữu đại diện: 39.057.174 cổ phần, chiếm 19,16% VDL
  - Sở hữu của Người có liên quan:

| STT | Họ tên        | Mối quan hệ                           | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|---------------|---------------------------------------|------------------|---------------|
| 1   | AVH PTE. LTD. | Tổ chức có liên quan đến Người nội bộ | 39.057.174       | 19,16%        |

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

**d. Ông JEAN PAUL PINARD - Thành viên Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên: JEAN PAUL PINARD
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/4/1950

- Nơi sinh: Pháp
- Quốc tịch: Pháp
- Địa chỉ thường trú: 60 Đường Bayshore, Tháp Jade #30-01, Singapore 469982
- Số Passport: 13FV34895
- Điện thoại liên hệ: +65 9389 8060/ +65 6651 7064
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế, Đại học California, San Diego  
Kỹ sư Đại học Bách khoa, Paris, Pháp
- Chức vụ hiện nay tại GEC: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
  - Từ 1972 đến 1975: Viện Phân tích Chính sách, La Jolla, California
  - Từ 1976 đến 1990: Ngân hàng Thế giới về Tái thiết và Phát triển, Thủ đô Washington
  - Từ 1991 đến 1992: Trưởng Phòng, Phòng Châu Phi - IFC
  - Từ 1993 đến 1997: Trưởng Phòng, Phòng Lọc dầu và Hóa dầu - IFC
  - Từ 1997 đến 2000: Phó Phòng, Phòng Đầu tư, Năng lượng - IFC
  - Từ 2001 đến 2007: GD, Phòng Kinh doanh Nông nghiệp - IFC
  - Từ 2007 đến 2010: Thành viên Ủy ban tham mưu Quỹ Kinh doanh Nông nghiệp Pampa
  - Từ 2007 đến 2014: GD không điều hành, Công ty Rượu vang Trường Dự Yên Đài
  - Từ 2008 đến 2010: GD không điều hành, United Trading AS, Tập đoàn Sodrugestvo
  - Từ 2008 đến nay: GD độc lập không điều hành, Công ty TNHH Quốc tế Olam
  - Từ 2014 đến 2016: Thành viên BKS Zalagh Holding S.A
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm 0% VĐL
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
  - Sở hữu của Người có liên quan:

| STT | Họ tên                            | Mối quan hệ                           | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|-----------------------------------|---------------------------------------|------------------|---------------|
| 1   | International Finance Corporation | Tổ chức có liên quan đến Người nội bộ | 28.514.582       | 13,99%        |

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ
- Lợi ích liên quan đối với Công ty Không có

**e. Bà NGUYỄN THÙY VÂN - Thành viên Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên: NGUYỄN THÙY VÂN
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 11/3/1980
- Nơi sinh: TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 108/8 Trần Mai Ninh, P.12, Q. Tân Bình, TP.HCM
- Số chứng minh nhân dân: 023339516
- Điện thoại liên hệ: (0269) 6275 190
- Trình độ chuyên môn: Cao học Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại GEC: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT, Trưởng Tiểu ban Kiểm toán CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- Quá trình công tác:
  - Từ 2004 đến 2007: Trưởng phòng Tài chính CTCP Vinamit
  - Từ 2007 đến 2008: Trưởng phòng Đầu tư Chi nhánh Công ty Cao su Đaklak
  - Từ 2008 đến 2009: Trưởng phòng Giao dịch Hàng hóa phái sinh CTCP Đầu tư Tín Việt
  - Từ 2009 đến 2011: PGĐ CTCP Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín
  - Từ 2011 đến 2012: PTGD CTCP Kho vận Thiên Sơn
  - Từ 2012 đến 2015: Trưởng BKS CTCP Đầu tư Thành Thành Công
  - Từ 2012 đến 2017: Trưởng BKS CTCP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
  - Từ 2017 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
  - Từ 5/2018 đến nay: Trưởng Tiểu ban Kiểm toán CTCP Thành Thành Công Biên Hòa
  - Từ 9/2018 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Điện Gia Lai  
Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán CTCP Điện Gia Lai
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 700.000 cổ phần, chiếm 0,34% VDL
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
  - Sở hữu của Người có liên quan: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

**f. Bà PHẠM NGỌC THANH MAI - Thành viên Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên: PHẠM NGỌC THANH MAI
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/11/1982
- Nơi sinh: Đồng Nai
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 31 Tân Phát, Đồi 61, Trảng Bom, Đồng Nai
- Số chứng minh nhân dân: 271451426
- Điện thoại liên hệ: (0269) 6275190
- Trình độ chuyên môn: Cao học Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại GEC: Thành viên HĐQT - Thành viên Ủy ban Kiểm toán
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Thương mại Thành Thành Công
  - Trưởng Kiểm toán Nội bộ CTCP Đầu tư Thành Thành Công
  - Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Năng lượng TTC
  - Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Thủy điện Trường Phú
- Quá trình công tác:
  - Từ 3/2008 đến 8/2008: Chuyên viên Kiểm toán Nội bộ Ngân Hàng ACB
  - Từ 9/2008 đến 5/2011: Trợ lý Kiểm toán Công ty TNHH Mazars Việt Nam
  - Từ 5/2011 đến 3/2018: Trưởng Kiểm toán nội bộ CTCP Đầu tư Thành Thành Công
  - Từ 4/2013 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Thương mại Thành Thành Công
  - Từ 4/2018 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Năng lượng TTC
  - Từ 5/2018 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Thủy điện Trường Phú
  - Từ tháng 3/2018 đến 8/2018: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Điện Gia Lai
  - Từ tháng 9/2018 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Điện Gia Lai
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 715.000 cổ phần, chiếm 0,35% VDL
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
  - Sở hữu của Người có liên quan:

| STT | Họ tên | Mối quan hệ | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|--------|-------------|------------------|---------------|
|-----|--------|-------------|------------------|---------------|

|   |                                              |                                       |                                    |        |
|---|----------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------|--------|
| 1 | CTCP Đầu tư Thành Thành Công                 | Tổ chức có liên quan đến Người nội bộ | 36.947.296                         | 18,12% |
| - | Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: |                                       | Không có                           |        |
| - | Các khoản nợ đối với Công ty:                |                                       | Không có                           |        |
| - | Thù lao và các khoản lợi ích khác            |                                       | Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ |        |
| - | Lợi ích liên quan đối với Công ty            |                                       | Không có                           |        |

## 12.2 Ban Tổng Giám Đốc

| TT | Họ và tên                   | Chức danh        |
|----|-----------------------------|------------------|
| 1  | Bà <b>Nguyễn Thái Hà</b>    | TGD              |
| 2  | Ông <b>Lê Thanh Vinh</b>    | PTGD thường trực |
| 3  | Ông <b>Nguyễn Đình Tuấn</b> | PTGD             |
| 4  | Ông <b>Phan Thanh Lạc</b>   | PTGD             |
| 5  | Ông <b>Hà Nguyên Hoàng</b>  | PTGD             |
| 6  | Ông <b>Nguyễn Lê Hùng</b>   | PTGD             |

### a. Bà **NGUYỄN THÁI HÀ** - Tổng Giám đốc

- Họ và tên: NGUYỄN THÁI HÀ
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 14/11/1980
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 62/7A Nhất Mai Chi, P.13, Q. Tân Bình, TP.HCM
- Số chứng minh nhân dân: 012033277
- Điện thoại liên hệ: (0269) 6275 190
- Trình độ chuyên môn: - Thạc sĩ kinh tế phát triển
- Chức vụ hiện nay tại GEC: - TGD
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - Thành viên HĐQT, PTGD, Chánh Văn phòng CTCP Đầu tư Thành Thành Công
  - Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch Thành Thành Công
- Quá trình công tác:
  - Từ 2001 đến 2002: Chuyên viên Công ty Kế toán - Kiểm toán A&C
  - Từ 2002 đến 2012: Chánh Văn phòng Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
  - Từ 2012 đến nay: Thành viên HĐQT, PTGD, Chánh Văn phòng CTCP Đầu tư Thành Thành Công
  - Từ 4/2016 đến 4/2017: Trưởng BKS CTCP Điện Gia Lai

- Từ 2016 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch Thành Thành Công
- Từ 10/2018 đến nay: TGD CTCP Điện Gia Lai
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 1.030.700 cổ phần, chiếm 0,51% VĐL
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
  - Sở hữu của Người có liên quan:

| STT | Họ tên                       | Mối quan hệ                           | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|------------------------------|---------------------------------------|------------------|---------------|
| 1   | CTCP Đầu tư Thành Thành Công | Tổ chức có liên quan đến Người nội bộ | 36.947.296       | 18,12%        |

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương theo chính sách Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

**b. Ông LÊ THANH VINH - Phó Tổng Giám đốc thường trực**

- Họ và tên: LÊ THANH VINH
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 3/3/1975
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 147A Trần Văn Quang, P.10, Q. Tân Bình, TP.HCM
- Số chứng minh nhân dân: 024919225
- Điện thoại liên hệ: (0269) 6275 190
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế Phát triển
- Chức vụ hiện nay tại GEC: PTGD thường trực
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
  - Từ 2000 đến 1/2003: Khoa Tài chính - Trường Cao đẳng Tài chính Kế toán IV - TP.HCM
  - Từ 1/2003 đến 9/2005: PGĐ Kinh doanh Công ty Nam Long
  - Từ 9/2005 đến 10/2007: GD Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Công ty Phát Đạt và Công ty Nai Việt Nam
  - Từ 10/2007 đến 8/2009: TGD Công ty Bất động sản Liên Minh và Quỹ đầu tư Ingate Capital
  - Từ 8/2009 đến 9/2012: PTGD Công ty Sacomreal
  - Từ 2013 đến 12/2015: PTGD - Phụ trách Dự án Bất động sản CTCP Hoa Lâm



- Từ 1/2016 đến 2/2017 TGD LDG và PTGD KN Group - Phát triển Bất động sản
- Từ 2017 đến 2019: Chủ tịch HĐQT CTCP Năng lượng TTC
- Từ 3/2017 đến nay PTGD CTCP Điện Gia Lai
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 737.300 cổ phần, chiếm 0,36% VDL
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
  - Sở hữu của Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0 % VDL
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác Lương theo chính sách Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty Không có

**c. Ông NGUYỄN ĐÌNH TUẤN - Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH TUẤN
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 14/3/1963
- Nơi sinh: Kon Tum
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 112 Lê Thánh Tôn - P. Iakring - Pleiku - Gia Lai
- Số chứng minh nhân dân: 230690452
- Điện thoại liên hệ: (0269) 6275 190
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
- Chức vụ hiện nay tại GEC: PTGD
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thủy điện Thượng Lộ
  - Thành viên HĐQT CTCP Thủy điện Gia Lai
  - Thành viên HĐQT CTCP Thủy điện Trường Phú
- Quá trình công tác:
  - Từ 1994 đến 1998: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Điện Gia Lai
  - Từ 1/1999 đến 12/2001: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Điện Gia Lai
  - Từ 8/2002 đến 5/2008: GD Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai
  - Từ 6/2008 đến 3/2011: GD CTCP Thủy điện Gia Lai
  - Từ 2011 đến nay: PTGD CTCP Điện Gia Lai
  - Từ 4/2011 đến nay: Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Gia Lai
  - Từ 2013 đến nay: Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Trường Phú
  - Từ 2016 đến nay: Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Thủy điện Thượng Lộ
  - Từ 5/2018 đến 12/2018: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thủy điện Trường Phú

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 154.600 cổ phần, chiếm 0,08% VĐL
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
  - Sở hữu của Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương theo chính sách Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

**d. Ông PHAN THANH LẠC - Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: PHAN THANH LẠC
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 3/8/1960
- Nơi sinh: Giao Xuân - Giáo Thủy - Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 14 Sư Vạn Hạnh. TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Số chứng minh nhân dân: 230681756
- Điện thoại liên hệ: (0269) 6275 190
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại GEC: PTGD
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Thủy điện Kênh Bắc Ayun Hạ
- Quá trình công tác:
  - Từ 1/1995 đến 9/2010: Kế toán trưởng - Trưởng Phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty Điện Gia Lai
  - Từ 10/2010 đến 12/2010: Kế toán trưởng - Trưởng Phòng Tài chính Kế toán CTCP Điện Gia Lai
  - Từ 1/2011 đến nay: PTGD CTCP Điện Gia Lai
  - Từ 5/2011 đến 10/2017: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Điện Tây Nguyên
  - Từ 9/2012 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Thủy điện Kênh Bắc Ayun Hạ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 155.000 cổ phiếu, chiếm 0,076% VĐL
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VĐL
  - Sở hữu của Người có liên quan:

| STT | Họ tên       | Mối quan hệ | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|--------------|-------------|------------------|---------------|
| 1   | Phan Nhật Lệ | Con         | 50.000           | 0,025%        |

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương theo chính sách Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

**e. Ông HÀ NGUYỄN HOÀNG - Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: HÀ NGUYỄN HOÀNG
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1/1/1983
- Nơi sinh: Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Ấn Mỹ, Hoài Ân, Bình Định
- Số chứng minh nhân dân: 211739931
- Điện thoại liên hệ: (0269) 6275 190
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tự động hóa
- Chức vụ hiện nay tại GEC: PTGD
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - Thành viên HĐQT CTCP Thủy điện Gia Lai
  - GD Khối Năng Lượng CTCP Đầu Tư Thành Thành Công
- Quá trình công tác:
  - Từ 2009 đến 2013: Phó Phòng Kỹ thuật - CTCP Điện Gia Lai
  - Từ 2013 đến 2015: PGĐ - GD Trung tâm Phát triển Công nghệ - CTCP Điện Gia Lai
  - Từ 2015 đến 2017: GD Khối Kỹ thuật - CTCP Điện Gia Lai
  - Từ 2014 đến nay: Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Gia Lai
  - Từ 2017 đến nay: GD Khối Năng Lượng - CTCP Đầu Tư Thành Thành Công
  - Từ 2019 đến nay: Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Xây lắp và Cơ điện Gia Lai
  - Từ 2019 đến nay: Thành viên HĐQT - CTCP Thủy điện Trường Phú
  - Từ 2019 đến nay: PTGD - CTCP Điện Gia Lai
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 416.200 cổ phần, chiếm 0,21% VDL
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
  - Sở hữu của Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương theo chính sách Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

**f. Ông NGUYỄN LÊ HÙNG - Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: NGUYỄN LÊ HÙNG
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 26/10/1979
- Nơi sinh: Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: B402 Chung cư Conic Đình Khiêm, Huyện Bình Chánh, TP.HCM
- Số chứng minh nhân dân/hộ chiếu: 052079000206
- Điện thoại liên hệ: (0269) 6275 190
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thông tin
- Chức vụ hiện nay tại GEC: PTGD
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
  - Từ 2003 đến 2010: GD Trung tâm Dịch vụ Khách hàng - Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC Sài Gòn
  - Từ 2011 đến 2016: Chuyên gia - Công ty TNHH Microsoft Việt Nam
  - Từ 2016 đến 2017: PTGD - CTCP Đầu tư Thành Thành Công
  - Từ 2018 đến nay: PTGD - CTCP Điện Gia Lai
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 111.800 cổ phần, chiếm 0,054% VDL
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
  - Sở hữu của Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương theo chính sách Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

**12.3 Ủy ban Kiểm toán**

**a. Bà NGUYỄN THÙY VÂN - Chủ tịch**

Xem mục 12.1e

**b. Bà PHẠM NGỌC THANH MAI - Thành viên**

Xem mục 12.1f

**12.4 Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng**

**Bà TRẦN THỊ HỒNG THẨM - Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng**

- Họ và tên: TRẦN THỊ HỒNG THẨM
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 1983
- Nơi sinh: Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Hẻm 43 đường Lê Thánh Tôn, TP. Pleiku, Gia Lai
- Số chứng minh nhân dân: 231266439
- Điện thoại liên hệ: (0269) 6275 190
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại GEC: GD Tài chính kiêm Kế toán trưởng
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
  - Từ 6/2006 đến 8/2006: Nhân viên Kế toán CTCP Điện Gia Lai
  - Từ 9/2006 đến 7/2007: Nhân viên Kế toán CTCP Ayun Thượng
  - Từ 8/2007 đến 4/2014: Kế toán trưởng CTCP Ayun Thượng
  - Từ 5/2014 đến 10/2016: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Xây lắp & CD GL
  - Từ 11/2016 đến nay: Kế toán trưởng kiêm GD Tài chính CTCP Điện Gia Lai
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và Người có liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 327.600 cổ phần, chiếm 0,16% VDL
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
  - Sở hữu của Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương theo chính sách Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

**13. Tài sản**

**13.1 Tình hình Tài sản cố định**

**Bảng 34: Tình hình Tài sản cố định của Công ty mẹ**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| T<br>T    | TÊN TÀI<br>SẢN               | 31/12/2017       |                |                            | 31/12/2018       |                  |                            | 30/06/2019       |                  |                            |
|-----------|------------------------------|------------------|----------------|----------------------------|------------------|------------------|----------------------------|------------------|------------------|----------------------------|
|           |                              | Nguyên<br>giá    | GTCL           | GTCL/<br>Nguyên<br>giá (%) | Nguyên<br>giá    | GTCL             | GTCL/<br>Nguyên<br>giá (%) | Nguyên<br>giá    | GTCL             | GTCL/<br>Nguyên<br>giá (%) |
| <b>I</b>  | <b>TSCĐ hữu<br/>hình</b>     | <b>1.060.680</b> | <b>752.398</b> | <b>70,9%</b>               | <b>2.912.839</b> | <b>2.539.816</b> | <b>87,2%</b>               | <b>3.086.097</b> | <b>2.635.401</b> | <b>85,4%</b>               |
| 1         | Nhà cửa,<br>vật kiến<br>trúc | 604.883          | 451.330        | 74,6%                      | 706.659          | 526.713          | 74,5%                      | 740.240          | 544.017          | 73,5%                      |
| 2         | Máy móc,<br>thiết bị         | 295.658          | 194.992        | 66,0%                      | 1.871.816        | 1.745.128        | 93,2%                      | 1.917.506        | 1.741.963        | 90,8%                      |
| 3         | Phương<br>tiện vận tải       | 124.922          | 79.133         | 63,3%                      | 125.591          | 72.399           | 57,6%                      | 125.591          | 68.651           | 54,7%                      |
| 4         | Thiết bị<br>quản lý          | 8.655            | 6.094          | 70,4%                      | 35.852           | 31.365           | 87,5%                      | 38.220           | 32.147           | 84,1%                      |
| 6         | Tài sản<br>khác              | 26.562           | 20.849         | 78,5%                      | 172.921          | 164.211          | 95,0%                      | 264.540          | 248.623          | 94,0%                      |
| <b>II</b> | <b>TSCĐ vô<br/>hình</b>      | <b>4.746</b>     | <b>4.012</b>   | <b>84,5%</b>               | <b>4.571</b>     | <b>3.819</b>     | <b>83,5%</b>               | <b>4.571</b>     | <b>3.728</b>     | <b>81,6%</b>               |
| 1         | Quyền sử<br>dụng đất         | 3.868            | 3.658          | 94,6%                      | 3.868            | 3.581            | 92,6%                      | 3.868            | 3.542            | 91,6%                      |
| 2         | Phần mềm<br>máy tính         | 661              | 243            | 36,6%                      | 486              | 158              | 32,5%                      | 486              | 121              | 24,8%                      |
| 3         | Tài sản<br>khác              | 217              | 111            | 50,9%                      | 217              | 80               | 37,0%                      | 217              | 65               | 30,1%                      |
|           | <b>Tổng</b>                  | <b>1.065.426</b> | <b>756.410</b> |                            | <b>2.917.410</b> | <b>2.543.635</b> |                            | <b>3.090.668</b> | <b>2.639.129</b> |                            |

Nguồn: BCTC Công ty mẹ Kiểm toán 2017, 2018 và Soát xét 6 tháng 2019

**Bảng 35: Tình hình Tài sản cố định hợp nhất của Công ty**

Đơn vị tính: Triệu đồng

| T<br>T   | TÊN TÀI<br>SẢN               | 31/12/2017       |                  |                            | 31/12/2018       |                  |                            | 30/06/2019       |                  |                            |
|----------|------------------------------|------------------|------------------|----------------------------|------------------|------------------|----------------------------|------------------|------------------|----------------------------|
|          |                              | Nguyên<br>giá    | GTCL             | GTCL/<br>Nguyên<br>giá (%) | Nguyên<br>giá    | GTCL             | GTCL/<br>Nguyên<br>giá (%) | Nguyên<br>giá    | GTCL             | GTCL/<br>Nguyên<br>giá (%) |
| <b>I</b> | <b>TSCĐ hữu<br/>hình</b>     | <b>1.634.923</b> | <b>1.107.437</b> | <b>67,7%</b>               | <b>3.494.120</b> | <b>2.871.235</b> | <b>82,2%</b>               | <b>6.042.080</b> | <b>5.307.426</b> | <b>87,8%</b>               |
| 1        | Nhà cửa,<br>vật kiến<br>trúc | 887.333          | 645.339          | 72,7%                      | 992.611          | 711.277          | 71,7%                      | 1.242.073        | 936.380          | 75,4%                      |
| 2        | Máy móc,<br>thiết bị         | 529.548          | 340.434          | 64,3%                      | 2.109.044        | 1.889.919        | 89,6%                      | 4.029.254        | 3.739.033        | 92,8%                      |
| 3        | Phương<br>tiện vận tải       | 147.912          | 87.406           | 59,1%                      | 148.109          | 81.412           | 55,0%                      | 149.109          | 78.928           | 52,9%                      |
| 4        | Thiết bị<br>quản lý          | 9.217            | 6.438            | 69,8%                      | 36.414           | 31.998           | 87,9%                      | 78.955           | 72.619           | 92,0%                      |
| 5        | Tài sản<br>khác              | 60.913           | 27.820           | 45,7%                      | 207.942          | 156.679          | 75,3%                      | 542.689          | 480.466          | 88,5%                      |

| II | TSCĐ vô hình      | 7.483            | 6.553            | 87,6% | 7.448            | 6.436            | 86,4% | 15.168           | 13.855           | 91,3%        |
|----|-------------------|------------------|------------------|-------|------------------|------------------|-------|------------------|------------------|--------------|
| 1  | Quyền sử dụng đất | 6.454            | 6.173            | 95,6% | 6.454            | 6.061            | 93,9% | 14.173           | 13.549           | 95,6%        |
| 2  | Phần mềm máy tính | 858              | 269              | 31,4% | 823              | 295              | 35,8% | 823              | 241              | 29,3%        |
| 3  | Tài sản khác      | 171              | 111              | 64,3% | 171              | 80               | 46,8% | 172              | 65               | 37,8%        |
|    | <b>Tổng</b>       | <b>1.642.406</b> | <b>1.113.990</b> |       | <b>3.501.568</b> | <b>2.877.671</b> |       | <b>6.057.248</b> | <b>5.321.281</b> | <b>87,8%</b> |

Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán 2017, 2018 và soát xét 6 tháng 2019

### 13.2 Tài sản là quyền sử dụng đất

| TT | Địa điểm                   | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Hình thức sở hữu                            | Đơn vị quản lý, sử dụng |                                     |                                      |
|----|----------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|
| 1  | Nhà máy Ayun Hạ            | 6.069                       | Hợp đồng thuê đất 50 năm, trả tiền hàng năm | CTCP Điện Gia Lai       |                                     |                                      |
| 2  | Nhà máy Ia Đăng 1          | 41.929                      |                                             |                         | 2049                                |                                      |
| 3  | Nhà máy Ia Đăng 3          | 24.690                      |                                             |                         | 2051                                |                                      |
| 4  | Nhà máy Ia Puch 3          | 147.148                     |                                             |                         | 2053                                |                                      |
| 5  | Nhà máy Đa Khai            | 105.056                     |                                             |                         | 2054                                |                                      |
| 6  | Nhà máy Đăk Pi Hao 2       | 106.183                     |                                             |                         | 2054                                |                                      |
| 7  | Nhà máy Ayun Thượng        | 642.696                     |                                             |                         | 2055                                |                                      |
| 8  | Nhà máy Đăk Pi Hao 1       | 276.000                     |                                             |                         | 2058                                |                                      |
| 9  | Nhà máy Thượng Lộ          | 44.284                      |                                             |                         | 2061                                | Công ty TNHH MTV Thủy Điện Thượng Lộ |
| 10 | Nhà máy H'Chan             | 14.184                      |                                             |                         | 2048                                | CTCP Thủy Điện Gia Lai               |
| 11 | Nhà máy H'Mun              | 19.493                      |                                             | 2056                    |                                     |                                      |
| 12 | Nhà máy Kênh Bắc - Ayun Hạ | 3.481                       |                                             | 2056                    | CTCP Thủy Điện Kênh Bắc - Ayun Hạ   |                                      |
| 13 | Nhà máy Phong Điền         | 449.980                     |                                             | 2059                    | CTCP Điện Gia Lai                   |                                      |
| 14 | Nhà máy Krông Pa           | 702.304                     |                                             | 2067                    |                                     |                                      |
| 15 | Nhà máy Đức Huệ 1          | 685.636                     |                                             | 2068                    | CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An     |                                      |
| 16 | Nhà máy Hàm Phú 2          | 542.213                     |                                             | 2068                    | CTCP Thủy điện Gia Lai              |                                      |
| 17 | Nhà máy Trúc Sơn           | 495.420                     |                                             | 2068                    | CTCP Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn |                                      |

Nguồn: GEC

TS cố định của Công ty chủ yếu hình thành từ các nhà máy Thủy điện và Điện Mặt trời. Trong Quý 4 năm 2018 và nửa đầu năm 2019, Công ty đã đưa vào vận hành 5 Nhà máy Điện Mặt trời góp phần nâng TTS cố định hữu hình từ hơn 1.100 tỷ lên hơn 5.300 tỷ đồng.

TS cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Trong đó, khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng. Tùy vào từng hạng mục, nhìn chung, các dự án Thủy



điện và Điện Mặt trời được khấu hao từ 18 tới 20 năm, trong đó nhiều các nhà máy Thủy điện đã khấu hao gần hết, điều này góp phần không nhỏ vào việc cải thiện các chỉ số tài chính của Công ty. Ngoài ra, hình thức sử dụng đất đi liền với dự án đều là hợp đồng thuê trong 50 năm, trả tiền hàng năm. Tuy nhiên, căn cứ theo Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đầu tư, các dự án Năng lượng tái tạo thuộc ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, tiền sử dụng đất của các dự án sẽ được miễn giảm tương ứng.

**14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo**

**14.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo**

**Bảng 36: Kế hoạch kinh doanh của Công ty từ giai đoạn 2019 - 2021**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|                                         | Thực hiện 2018 | Kế hoạch 2019 | %Tăng/<br>Giảm | Kế hoạch 2020 | %Tăng<br>/ Giảm | Kế hoạch 2021 | %Tăng<br>/ Giảm |
|-----------------------------------------|----------------|---------------|----------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|
| Vốn Điều lệ                             | 1.941.826      | 2.038.917     | 5%             | 2.038.917     | 0%              | 2.038.917     | 0%              |
| Doanh thu thuần                         | 559.488        | 999.193       | 79%            | 1.434.333     | 44%             | 1.536.353     | 7%              |
| Lợi nhuận trước thuế                    | 206.939        | 240.174       | 16%            | 315.360       | 31%             | 397.563       | 26%             |
| Lợi nhuận sau thuế                      | 187.267        | 216.157       | 16%            | 286.977       | 33%             | 361.783       | 26%             |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ (%)      | 10%            | 11%           | 10%            | 14%           | 28%             | 18%           | 26%             |
| Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần (%) | 33%            | 22%           | (33%)          | 20%           | (9%)            | 24%           | 18%             |
| Tỷ lệ cổ tức (%)                        | 7%             | 8%-10%        | 43%            | 10%           | 0               | 10%           | 0               |

*Nguồn: GEC*

Đến hết Quý 2 2019, GEC đang sở hữu hệ thống 14 Nhà máy Thủy điện và 5 Nhà máy Điện Mặt trời với công suất vận hành lần lượt 85,1 MW và 260 MWp, tương đương tổng công suất 284 MW. Riêng trong Quý 2, GEC đã đóng điện thêm 3 Nhà máy Điện Mặt trời mới là Đức Huệ 1 - Long An, Hàm Phú 2 - Bình Thuận vào tháng 4, sau khi vượt tiến độ thi công Trúc Sơn - Đắk Nông vào tháng 6 khi thi công kỷ lục chỉ trong 100 ngày; với tổng công suất gần 143 MWp, hưởng mức giá ưu đãi 9,35 cents/kWh trong 20 năm.

Trong 6 tháng đầu năm, tổng sản lượng điện thương phẩm của GEC đạt hơn 202 triệu kWh trong đó Điện Mặt trời là 125 triệu kWh (62%) và Thủy điện là 77 triệu kWh (38%). Mặc dù 3 Nhà máy Điện Mặt trời mới vận hành trong Quý 2 nhưng sản lượng Điện Mặt trời đã đạt 53% kế hoạch năm, thậm chí vượt 42% kế hoạch 6 tháng và cao hơn Thủy điện 1,6 lần, do tận dụng được tình hình thời tiết hạn hán nắng nóng kéo dài.

Trong xu thế tác động của hiện tượng El Nino, tình hình nắng nóng được dự báo sẽ tiếp tục kéo dài, điều này có ảnh hưởng tích cực tới hoạt động của các nhà máy Điện Mặt trời, được cho là những nhân tố chính đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các năm tới. Thủy điện dự kiến sẽ duy trì mức đóng góp DT khoảng gần 30% hàng năm. 5 nhà máy Điện Mặt trời được đưa vào vận hành cuối năm 2018 và trong nửa đầu năm 2019 khi vận hành hết công suất và toàn thời gian trong các năm tiếp theo sẽ đóng góp gần 60% DT hàng năm. Ngoài ra, dưới quan điểm thận trọng, Công ty dự kiến trong các năm tới sẽ đưa vào vận hành thêm ít nhất 2 nhà máy Điện Mặt trời với tổng công suất khoảng 80 MWp, đóng góp từ 150 tỷ tới hơn 200 tỷ DT mỗi năm.

Với đội ngũ nhân viên lành nghề, tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tiễn khi triển khai các dự án Điện Mặt trời đầu tiên ở Việt Nam. Công ty có thể triển khai đồng loạt nhiều dự án mới mà không cần tăng số

lượng nhân sự, một trong những chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong khoản mục chi phí quản lý doanh nghiệp. Nhờ vậy mà tốc độ tăng trưởng của LN tăng mạnh hơn tốc độ tăng trưởng của DT, tương ứng 26% và 7%. Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa nguồn DT như cung cấp ra thị trường các dịch vụ xây dựng, sửa chữa các nhà máy Thủy điện hay dịch vụ bảo trì bảo dưỡng, dịch vụ đóng điện ... cho các nhà máy Điện Mặt trời nhờ khai thác năng lực hiện hữu của đội ngũ kỹ thuật khác cũng như không ngừng tiết giảm các chi phí đầu vào thông qua việc tự triển khai tổng thầu EPC ... là cơ sở để Công ty xây dựng một kế hoạch ngân sách thận trọng và khả thi cho giai đoạn tiếp theo.

#### **14.2 Các chỉ tiêu khác: Không có**

#### **14.3 Nêu căn cứ để đạt được kế hoạch Lợi nhuận và Cổ tức nói trên:**

##### **Kinh doanh điện:**

- Nạo vét lòng hồ tổng thể các nhà máy Thủy điện nhằm tăng hiệu quả sản xuất điện;
- Thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa định kỳ kết hợp với đầu tư cải tạo, nâng công suất tại một số nhà máy nhằm đảm bảo vận hành liên tục, thông suốt, tối ưu hóa hoạt động kinh doanh điện;
- Tiếp tục triển khai các giải pháp chống tổn thất tại cụm Chư Prông đồng thời tăng cường công tác phát triển khách hàng mới nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động của chi nhánh. Hiện đại hóa kinh doanh bán lẻ điện thông qua hệ thống thiết bị tự động đo đếm, các phần mềm hỗ trợ khách hàng tiêu dùng;
- Thực hiện triển khai lắp đặt hệ thống SCADA cho nhà máy Thủy điện còn lại của Công ty và triển khai mô hình tự động hóa cho một số nhà máy. Chuyên nghiệp hóa từ khâu cung cấp điện cho đến chăm sóc khách hàng tiêu dùng điện để xây dựng nền tảng vững chắc khi tham gia thị trường điện cạnh tranh;
- Tiếp cận, tham gia thị trường điện cạnh tranh theo định hướng phát triển chung của Ngành Điện Việt Nam nhằm phát huy hiệu quả các nhà máy điện thuộc GEC;
- Tận dụng ưu thế hợp đồng mua bán điện theo Biểu giá Chi phí Tránh được đối với các nhà máy Thủy điện có quy mô dưới 30 MW;
- Tận dụng ưu thế hợp đồng mua bán điện theo giá cố định 9,35 cents/kWh của các nhà máy Điện Mặt trời theo cơ chế hỗ trợ của Chính phủ.

##### **Hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật, quản lý vận hành, tư vấn quản lý dự án:**

- Tiếp tục triển khai công tác tư vấn quản lý dự án: Phối hợp các Ban Quản lý dự án thực hiện tư vấn triển khai các hạng mục thi công chính tại các dự án Năng lượng tái tạo nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ theo kế hoạch phê duyệt;
- Tăng cường nguồn thu từ công tác cung cấp dịch vụ kỹ thuật: Đẩy mạnh triển khai dịch vụ kỹ thuật, thí nghiệm, cung cấp thiết bị cho các khách hàng nội bộ đồng thời mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ hướng tới các đơn vị bên ngoài;
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chế tạo các sản phẩm công nghệ, từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển lĩnh vực Năng lượng tái tạo giai đoạn 2019-2021;

- Khai thác tối ưu nguồn lực hiện hữu trên cơ sở kinh nghiệm vận hành các dự án Năng lượng tái tạo và tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các nhà thầu quốc tế;
- Nguồn thu tập trung từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho các dự án mới ngoài thị trường đặc biệt là các dự án Điện Mặt trời.

**Hoạt động tài chính - đầu tư:**

- Chuyên nghiệp hóa hoạt động Thị trường vốn và Quan hệ Nhà đầu tư: Nâng cao vị thế cổ phiếu GEG trên thị trường tài chính, thu hút vốn đầu tư nước ngoài; xây dựng cấu trúc vốn tối ưu theo định hướng đa dạng hóa các kênh huy động vốn, cấp tín dụng dài hạn thông qua hình thức cho vay trực tiếp dự án, kêu gọi hợp tác đầu tư với các Nhà đầu tư nước ngoài trên góc độ từng dự án;
- Đảm bảo thanh khoản với tỷ lệ đòn bẩy phù hợp cho từng thời kỳ với mục tiêu: Tỷ lệ tài trợ ban đầu cho các dự án tối thiểu ở mức 70% tổng chi phí đầu tư; nguồn vốn còn lại sử dụng VCSH thông qua việc giữ lại LN tái đầu tư hoặc huy động vốn từ Cổ đông ở những thời điểm phù hợp đáp ứng nhu cầu phát triển.

**14.4 Kế hoạch đầu tư, dự án đã được Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng Cổ đông thông qua**

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2019, Công ty có kế hoạch đầu tư các dự án Năng lượng Gió với chi phí đầu tư không vượt quá 45 tỷ đồng/MW (không bao gồm VAT). Thời gian triển khai kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua cho đến khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ thay thế, hủy bỏ.

Bên cạnh kế hoạch cụ thể được ĐHĐCĐ thông qua hàng năm, Công ty cũng đang hướng tới mục tiêu trở thành đơn vị tư nhân dẫn đầu trong lĩnh vực Năng lượng tái tạo tại Việt Nam thông qua việc phát triển đồng bộ các loại hình Năng lượng, tối đa hóa nguồn Năng lượng từ Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió và Sinh khối, đáp ứng nhu cầu về giải pháp Năng lượng sạch, phục vụ cộng đồng, bảo vệ môi trường. Tới năm 2022, Công ty hướng tới mục tiêu nâng tổng công suất Điện Mặt trời lên hơn 700 MWp và gần 1.000 MW Điện gió.

Đối với các dự án Điện Mặt trời, không chỉ tìm kiếm các vị trí dự án trong nước tại khu vực có cường độ bức xạ tốt, số giờ nắng cao, Công ty còn tham gia đấu thầu các dự án tại Campuchia nhằm mở rộng thị trường, cũng như nghiên cứu khả thi cho các dự án Điện Mặt trời nổi, hệ thống dàn xoay theo hướng mặt trời nhằm áp dụng các công nghệ mới nhất trên thị trường.

Đối với các dự án Điện Gió, bên cạnh việc đầu tư mới, Công ty cũng nghiên cứu sáp nhập các dự án đang vận hành hiện hữu, vừa giúp nhanh chóng mở rộng danh mục, vừa giúp tích lũy kinh nghiệm vận hành trong mảng hoạt động mới. Ngoài ra, Công ty đang tích cực tìm kiếm mua bán, sáp nhập các dự án Thủy điện tiềm năng trong nước với mức giá hợp lý vào khoảng 30 tỷ đồng/MW. Ngoài ra, những quyết sách linh hoạt của HĐQT là cho phép tìm kiếm thêm các cơ hội đầu tư khác đến từ mảng Thủy điện tại Lào, kể cả việc xây dựng mới cũng như hợp tác với những chủ đầu tư đang xây

dựng và cần hỗ trợ hợp đồng mua bán điện từ Lào về Việt Nam. Theo định hướng của Bộ Công Thương, giai đoạn đến 2020 sẽ nhập điện từ Nam Lào qua các đường dây 220 KV hiện hữu với công suất cao nhất có thể là 1.000 MW. Đến nay, cả 2 nước cũng có thỏa thuận về việc Việt Nam nhập khẩu điện từ Lào với tổng mức là 5.000 MW chia theo các giai đoạn. Cuối năm 2018, Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng ban hành cơ chế mua điện từ các nhà máy điện tại Lào. Hiện nay dự thảo nguyên tắc khung giá tức là mức trần đang được hoàn thiện theo 2 trường hợp mua nhập khẩu trực tiếp từ nhà máy và mua thu gom từ các dự án điện của Lào thông qua đường dây truyền tải.

#### **14.5 Kế hoạch tăng Vốn Điều lệ**

Không có.

#### **15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, CTCP Chứng khoán SSI đã thu thập thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của CTCP Điện Gia Lai cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty trong các năm vừa qua, khả năng triển khai và vận hành thành công dự án, tiêu biểu với việc tiên phong hai dự án nhà máy Điện Mặt trời vào cuối năm 2018 và 3 nhà máy mới hoạt động trong 6 tháng đầu năm 2019 cùng chiến lược đa dạng hóa các loại hình Năng lượng tái tạo nhằm tận dụng ưu thế của từng mảng hoạt động kinh doanh mà Công ty đang hướng đến, chúng tôi nhận thấy kế hoạch LN mà Công ty đưa ra có tính khả thi. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh thì kế hoạch LN mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với Nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

*Lưu ý: Những đánh giá và nhận định của Tổ chức tư vấn chỉ mang tính chất tham khảo, không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty cũng như bao hàm hay đảm bảo cho giá cổ phiếu của CTCP Điện Gia Lai.*

#### **16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức Đăng ký niêm yết**

Không có.



- 17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết**

Không có.

**V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

- 1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông**
- 2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu**
- 3. Tổng số cổ phiếu dự kiến niêm yết: 203.891.677 cổ phần**
- 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật:**

| STT | Họ và tên                    | Số lượng cổ phần cam kết nắm giữ trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết | Tỷ lệ % sở hữu | Số lượng cổ phần cam kết nắm giữ trong vòng 6 tháng tiếp theo | Tỷ lệ % sở hữu |
|-----|------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------|----------------|
| 1   | Tân Xuân Hiến                | 1.596.058                                                          | 0,78           | 798.029                                                       | 0,39           |
| 2   | Andrew Mark Affleck          | 200.000                                                            | 0,1            | 100.000                                                       | 0,05           |
| 3   | Đỗ Thu Ngân                  | 800.000                                                            | 0,4            | 400.000                                                       | 0,20           |
| 4   | Nguyễn Thùy Vân              | 700.000                                                            | 0,34           | 350.000                                                       | 0,17           |
| 5   | Phạm Ngọc Thanh Mai          | 715.000                                                            | 0,35           | 357.500                                                       | 0,18           |
| 6   | Nguyễn Thái Hà               | 1.030.700                                                          | 0,51           | 515.350                                                       | 0,25           |
| 7   | Phan Thanh Lạc               | 155.000                                                            | 0,08           | 77.500                                                        | 0,04           |
| 8   | Nguyễn Đình Tuấn             | 154.600                                                            | 0,08           | 77.300                                                        | 0,04           |
| 9   | Lê Thanh Vinh                | 737.300                                                            | 0,36           | 368.650                                                       | 0,18           |
| 10  | Hà Nguyên Hoàng              | 416.200                                                            | 0,20           | 208.100                                                       | 0,10           |
| 11  | Nguyễn Lê Hùng               | 111.800                                                            | 0,05           | 55.900                                                        | 0,03           |
| 12  | Trần Thị Hồng Thắm           | 327.600                                                            | 0,16           | 163.800                                                       | 0,08           |
| 13  | AVH Pte. Ltd                 | 39.057.174                                                         | 19,16          | 19.528.587                                                    | 9,58           |
| 14  | IFC                          | 28.514.582                                                         | 13,99          | 14.257.291                                                    | 6,99           |
| 15  | CTCP Đầu tư Thành Thành Công | 36.947.296                                                         | 18,12          | 18.473.648                                                    | 9,06           |
|     | <b>Tổng</b>                  | <b>111.463.310</b>                                                 | <b>54,67</b>   | <b>55.731.655</b>                                             | <b>27,34</b>   |

Nguồn: GEC

**5. Phương pháp tính giá**

Giá tham chiếu của cổ phần GEG là giá được tính toán dựa trên 3 phương pháp:

- Hệ số Giá cổ phần trên Thu nhập bình quân mỗi cổ phần: P/E
- Hệ số Giá cổ phần trên Giá trị sổ sách mỗi cổ phần: P/B
- Giá thị trường: Giá bình quân 20 phiên giao dịch gần nhất

*Ghi chú: Đây chỉ là 3 trong những phương pháp định giá mà Nhà đầu tư có thể tham khảo, ngoài ra, giá trị của cổ phần GEG còn phụ thuộc yếu tố cung - cầu trên thị trường chứng khoán.*



Phương pháp tính toán được trình bày cụ thể dưới đây:

**5.1 Phương pháp Hệ số Giá cổ phần trên thu nhập bình quân mỗi cổ phần - Price/Earnings Per Share (P/E)**

Dựa trên giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường và thu nhập bình quân trên mỗi cổ phần (EPS) của các Công ty Điện đang niêm yết được lựa chọn để so sánh với GEC, giá trị hợp lý của mỗi cổ phần GEG được tính như sau:

$$\text{Giá trị hợp lý của cổ phiếu của Công ty} = \text{P/E bình quân} \times \text{EPS của Công ty}$$

$$= 29,61 \times 1.078 = 31.920 \text{ đồng/cổ phần}$$

(LNST của Cổ đông của GEC năm 2018 là 187.266.730.673 đồng, tương đương mức EPS là 1.078 đồng/cổ phần).

Các Công ty được lựa chọn để so sánh là các công ty cùng Ngành; có cùng điều kiện và hoạt động kinh doanh tương ứng; đang niêm yết tại HOSE hoặc HNX, bao gồm:

| Mã chứng khoán | Tỷ trọng    | EPS năm 2018 (*)<br>(Đồng/cổ phiếu) | Giá cổ phiếu<br>14/8/2019<br>(Đồng/cổ phiếu) | P/E<br>(Lần)   |
|----------------|-------------|-------------------------------------|----------------------------------------------|----------------|
| (1)            | (2)         | (3)                                 | (4)                                          | (5) = (4)/ (3) |
| POW            | 27,8%       | 184                                 | 15.200                                       | 83             |
| PGV            | 9,2%        | (816)                               | 10.200                                       | (13)           |
| DNH            | 6,9%        | 3.033                               | 26.500                                       | 9              |
| DTK            | 6,2%        | 733                                 | 11.200                                       | 15             |
| NT2            | 5,7%        | 2.618                               | 26.700                                       | 10             |
| PPC            | 4,4%        | 3.501                               | 28.850                                       | 8              |
| QTP            | 3,8%        | 612                                 | 10.600                                       | 17             |
| HND            | 3,7%        | 850                                 | 12.500                                       | 15             |
| VSH            | 2,7%        | 1.485                               | 17.900                                       | 12             |
| SBH            | 2,5%        | 3.953                               | 27.000                                       | 7              |
| CHP            | 2,3%        | 692                                 | 22.550                                       | 33             |
| <b>GEG</b>     | <b>2,3%</b> | <b>1.078</b>                        | <b>22.660</b>                                | <b>21</b>      |
| HNA            | 2,1%        | 957                                 | 12.000                                       | 13             |
| TMP            | 1,7%        | 7.245                               | 37.000                                       | 5              |
| AVC            | 1,7%        | 2.159                               | 31.400                                       | 15             |
| SHP            | 1,6%        | 1.884                               | 23.000                                       | 12             |
| VCP            | 1,5%        | 4.129                               | 37.000                                       | 9              |
| TBC            | 1,2%        | 3.237                               | 25.700                                       | 8              |
| VPD            | 1,2%        | 1.592                               | 16.800                                       | 11             |
| SJD            | 1,2%        | 2.768                               | 20.700                                       | 7              |
| S4A            | 0,9%        | 3.111                               | 27.000                                       | 9              |
| SBM            | 0,8%        | 3.006                               | 24.800                                       | 8              |
| BHA            | 0,8%        | 658                                 | 11.500                                       | 17             |
| ND2            | 0,8%        | 2.471                               | 21.500                                       | 9              |

|                                    |      |         |        |              |
|------------------------------------|------|---------|--------|--------------|
| SEB                                | 0,8% | 3.156   | 32.500 | 10           |
| ISH                                | 0,7% | 2.098   | 15.300 | 7            |
| SBA                                | 0,6% | 1.595   | 13.850 | 9            |
| BTP                                | 0,5% | 2.270   | 12.700 | 6            |
| GHC                                | 0,5% | 4.666   | 34.930 | 7            |
| BSA                                | 0,5% | 2.285   | 15.510 | 7            |
| NCP                                | 0,5% | (2.102) | 4.500  | (2)          |
| QPH                                | 0,4% | 2.646   | 25.300 | 10           |
| HJS                                | 0,4% | 2.120   | 25.100 | 12           |
| DRL                                | 0,3% | 5.132   | 51.200 | 10           |
| NED                                | 0,3% | 1.660   | 10.200 | 6            |
| PIC                                | 0,3% | 953     | 12.900 | 14           |
| GSM                                | 0,3% | 188     | 9.000  | 48           |
| TTE                                | 0,2% | 432     | 16.700 | 39           |
| TDB                                | 0,2% | 3.122   | 38.000 | 12           |
| NBP                                | 0,1% | 2.060   | 11.800 | 6            |
| SP2                                | 0,1% | (580)   | 6.300  | (11)         |
| HPD                                | 0,1% | 2.711   | 18.500 | 7            |
| PBK                                | 0,1% | 93      | 10.000 | 108          |
| EAD                                | 0,1% | 2.754   | 17.800 | 6            |
| <b>P/E bình quân theo tỷ trọng</b> |      |         |        | <b>29,61</b> |

(\*) EPS năm 2018 căn cứ BCTC Kiểm toán hợp nhất 2018

Nguồn: Cafef, SSI

## 5.2 Phương pháp Hệ số Giá cổ phần Giá trị sổ sách mỗi cổ phần - Price/Book Value Per Share (P/B)

Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu} = \frac{\text{Tổng tài sản} - (\text{Tài sản vô hình} + \text{Nợ})}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách của GEC tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018:

| Chỉ tiêu                              | Đơn vị tính          | 31/12/2018        |
|---------------------------------------|----------------------|-------------------|
| Tổng tài sản - (Tài sản vô hình + Nợ) | Đồng                 | 2.401.498.524.982 |
| Tổng số cổ phiếu đang lưu hành        | Cổ phiếu             | 194.182.550       |
| <b>Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu</b>     | <b>Đồng/cổ phiếu</b> | <b>12.367</b>     |

Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán 2018

Các Công ty được lựa chọn để so sánh là các công ty đã trình bày tại phương pháp P/E. Theo đó, các Công ty được dùng để so sánh đang giao dịch ở các chỉ số như sau:

| Mã chứng khoán | Tỷ trọng (%) | Tổng tài sản - (Tài sản vô hình + Nợ) (đồng) | Tổng số cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu) | Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) | Giá cổ phiếu 14/8/2019 (đồng/cổ phiếu) | P/B (Lần) |
|----------------|--------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------|-----------|
|----------------|--------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------|-----------|

| (1)        | (2)         | (3)                      | (4)                | (5) = (3)/(4) | (6)           | (7) = (6)/(5) |
|------------|-------------|--------------------------|--------------------|---------------|---------------|---------------|
| POW        | 27,8%       | 26.751.423.088.346       | 2.341.871.600      | 11.423        | 15.200        | 1,33          |
| PGV        | 9,2%        | 8.622.477.450.310        | 1.069.969.577      | 8.059         | 10.200        | 1,27          |
| DNH        | 6,9%        | 5.841.409.350.998        | 422.400.000        | 13.829        | 26.500        | 1,92          |
| DTK        | 6,2%        | 7.307.253.272.599        | 680.000.000        | 10.746        | 11.200        | 1,04          |
| NT2        | 5,7%        | 3.658.877.866.362        | 287.876.029        | 12.710        | 26.700        | 2,10          |
| PPC        | 4,4%        | 5.591.235.021.177        | 320.613.054        | 17.439        | 28.850        | 1,65          |
| QTP        | 3,8%        | 4.114.272.031.071        | 450.000.000        | 9.143         | 10.600        | 1,16          |
| HND        | 3,7%        | 5.691.069.696.434        | 500.000.000        | 11.382        | 12.500        | 1,10          |
| VSH        | 2,7%        | 2.994.608.955.583        | 206.241.246        | 14.520        | 17.900        | 1,23          |
| SBH        | 2,5%        | 2.020.868.304.808        | 124.225.000        | 16.268        | 27.000        | 1,66          |
| CHP        | 2,3%        | 1.760.336.495.834        | 138.598.505        | 12.701        | 22.550        | 1,78          |
| <b>GEG</b> | <b>2,3%</b> | <b>2.401.498.524.982</b> | <b>194.182.550</b> | <b>12.367</b> | <b>22.660</b> | <b>1,83</b>   |
| HNA        | 2,1%        | 2.466.043.739.238        | 225.659.210        | 10.928        | 12.000        | 1,10          |
| TMP        | 1,7%        | 1.328.731.663.557        | 70.000.000         | 18.982        | 37.000        | 1,95          |
| AVC        | 1,7%        | 1.236.287.091.780        | 75.052.052         | 16.472        | 31.400        | 1,91          |
| SHP        | 1,6%        | 1.231.433.691.478        | 93.710.200         | 13.141        | 23.000        | 1,75          |
| VCP        | 1,5%        | 708.568.158.521          | 56.999.993         | 12.431        | 37.000        | 2,98          |
| TBC        | 1,2%        | 868.564.108.541          | 63.500.000         | 13.678        | 25.700        | 1,88          |
| VPD        | 1,2%        | 1.259.387.023.152        | 106.589.629        | 11.815        | 16.800        | 1,42          |
| SJD        | 1,2%        | 970.330.447.706          | 68.998.620         | 14.063        | 20.700        | 1,47          |
| S4A        | 0,9%        | 476.305.359.985          | 42.200.000         | 11.287        | 27.000        | 2,39          |
| SBM        | 0,8%        | 488.406.299.334          | 39.000.000         | 12.523        | 24.800        | 1,98          |
| BHA        | 0,8%        | 670.342.912.761          | 66.000.000         | 10.157        | 11.500        | 1,13          |
| ND2        | 0,8%        | 640.328.270.011          | 49.993.961         | 12.808        | 21.500        | 1,68          |
| SEB        | 0,8%        | 491.237.377.661          | 31.999.969         | 15.351        | 32.500        | 2,12          |
| ISH        | 0,7%        | 339.568.031.254          | 45.000.000         | 7.546         | 15.300        | 2,03          |
| SBA        | 0,6%        | 755.726.409.878          | 60.404.821         | 12.511        | 13.850        | 1,11          |
| BTP        | 0,5%        | 1.088.033.604.078        | 60.485.600         | 17.988        | 12.700        | 0,71          |
| GHC        | 0,5%        | 351.251.386.215          | 20.500.000         | 17.134        | 34.930        | 2,04          |
| BSA        | 0,5%        | 610.958.352.745          | 38.106.875         | 16.033        | 15.510        | 0,97          |
| NCP        | 0,5%        | 893.974.929.133          | 196.980.622        | 4.538         | 4.500         | 0,99          |
| QPH        | 0,4%        | 272.052.881.073          | 18.582.100         | 14.641        | 25.300        | 1,73          |
| HJS        | 0,4%        | 301.680.539.439          | 20.999.900         | 14.366        | 25.100        | 1,75          |
| DRL        | 0,3%        | 127.787.254.479          | 9.500.000          | 13.451        | 51.200        | 3,81          |
| NED        | 0,3%        | 324.022.605.275          | 40.500.000         | 8.001         | 10.200        | 1,27          |
| PIC        | 0,3%        | 336.793.311.371          | 30.311.066         | 11.111        | 12.900        | 1,16          |
| GSM        | 0,3%        | 340.651.795.044          | 28.562.000         | 11.927        | 9.000         | 0,75          |
| TTE        | 0,2%        | 310.200.646.700          | 28.490.400         | 10.888        | 16.700        | 1,53          |
| TDB        | 0,2%        | 82.484.839.198           | 8.230.000          | 10.022        | 38.000        | 3,79          |
| NBP        | 0,1%        | 252.104.631.792          | 12.865.500         | 19.595        | 11.800        | 0,60          |
| SP2        | 0,1%        | (124.304.256.274)        | 15.041.000         | (8.264)       | 6.300         | (0,76)        |

|                                    |      |                 |           |        |        |             |
|------------------------------------|------|-----------------|-----------|--------|--------|-------------|
| HPD                                | 0,1% | 104.399.659.253 | 8.306.590 | 12.568 | 18.500 | 1,47        |
| PBK                                | 0,1% | 75.367.908.192  | 8.642.300 | 8.721  | 10.000 | 1,15        |
| EAD                                | 0,1% | 35.010.675.794  | 2.877.800 | 12.166 | 17.800 | 1,46        |
| <b>P/B bình quân theo tỷ trọng</b> |      |                 |           |        |        | <b>1,51</b> |

Giá cổ phần dự kiến = P/B Bình quân x Giá trị sổ sách mỗi cổ phần  
= **1,51 x 12.367 = 18.674 đồng/cổ phần**

Căn cứ các phương pháp tính giá trên, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu GEG trên HOSE sẽ tính theo tỷ lệ bình quân của 2 phương pháp như sau:

| Phương pháp tính giá  | Giá cổ phiếu (Đồng/cổ phần) |
|-----------------------|-----------------------------|
| P/E                   | 31.920                      |
| P/B                   | 18.674                      |
| <b>Giá trung bình</b> | <b>25.297</b>               |

### 5.3 Phương pháp giá thị trường

Phương pháp giá thị trường sẽ xác định giá niêm yết cổ phiếu GEG căn cứ theo giá thực tế giao dịch của cổ phiếu GEG trên UpCOM. Giá đóng cửa bình quân 20 phiên giao dịch gần nhất của cổ phiếu GEG trên UpCOM tạm tính đến ngày 14/8/2019 là 26.142 đồng/cổ phiếu.

Căn cứ Quyết định số 31/2019/QĐ\_CT. HĐQT ngày 16/8/2019, giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu GEG tại ngày niêm yết đầu tiên trên HOSE sẽ được tính toán dựa trên khung giá trung bình đóng cửa của 20 phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy đăng ký giao dịch UpCOM.

Mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty sẽ do HĐQT quyết định và thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

Kết luận: GEC sẽ xác định giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên tại HOSE của cổ phiếu GEG bằng bình quân giá đóng cửa 20 phiên cuối cùng trên UpCOM.

## 6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của GEC không có quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với Nhà đầu tư nước ngoài. Nhà đầu tư nước ngoài được phép mua cổ phần của Công ty theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Do là Doanh nghiệp đại chúng đăng ký niêm yết trên HOSE nên tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu GEG của Nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông

tư số 123/2015/TT-BTC hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Căn cứ Khoản 2a Điều 2 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam quy định:

*“1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:*

*a) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là Thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;*

*b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.*

*Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;*

*c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;*

*d) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.”*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 5900181213, thay đổi lần thứ 16 ngày 24/6/2019, GEC đăng ký 17 ngành nghề kinh doanh với giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài như sau:

| Mã Ngành        | Ngành nghề kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài |
|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 3511<br>(chính) | Sản xuất điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 49%                                           |
| 3512            | Truyền tải và phân phối điện<br><i>Chi tiết: Phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện</i>                                                                                                                                                                                                                                     | 49%                                           |
| 4321            | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 100%                                          |
| 4659            | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br><i>Chi tiết: Mua bán xuất nhập khẩu máy móc thiết bị điện, thiết bị cơ điện, thiết bị công nghiệp, động cơ điện, máy biến thế và các vật liệu điện khác, máy móc thiết bị để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, khai khoáng, xây dựng, thiết bị máy văn phòng</i> | 100%                                          |
| 4212            | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 100%                                          |
| 4101            | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 100%                                          |
| 4102            | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 100%                                          |

| Mã Ngành | Ngành nghề kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 4299     | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br><i>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đắp đường và các công trình khác</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 100%                                          |
| 4222     | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 100%                                          |
| 7490     | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu<br><i>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ tư vấn về công nghệ như tư vấn về kỹ thuật điện, tư vấn quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, máy móc, thiết bị điện (trừ dịch vụ tư vấn kỹ thuật liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị-nông thôn, quy hoạch phát triển ngành)</i>                                                                                                                                                                               | 100%                                          |
| 7120     | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br><i>Chi tiết:</i><br>- Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp đến 110KV, dây chuyền công nghiệp;<br>- Thí nghiệm vật liệu cách điện, các loại mẩu dầu cách điện và dầu công nghiệp;<br><i>Kiểm định thiết bị điện, dụng cụ an toàn điện và dây cáp điện nhưng không bao gồm kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và không bao gồm việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải (Ngoại trừ việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải; ngoại trừ việc tiếp cận một số khu vực địa lý vì lý do an ninh quốc gia)</i> | 100%                                          |
| 4390     | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br><i>Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng kèm người điều khiển</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 100%                                          |
| 7020     | Hoạt động tư vấn quản lý<br><i>Chi tiết: Tư vấn quản lý doanh nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, kiểm toán, lập trình máy vi tính, quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận, môi giới lao động, giới thiệu việc làm, dịch vụ hỗ trợ giáo dục)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 100%                                          |
| 3314     | Sửa chữa thiết bị điện<br><i>Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị điện; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của các nhà máy điện (không bao gồm sửa chữa máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị liên lạc, thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình khác)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 100%                                          |
| 7110     | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br><i>Chi tiết:</i><br>- Tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công các công trình thủy điện vừa và nhỏ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 100%                                          |

| Mã Ngành | Ngành nghề kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn lập dự án, khảo sát, thiết kế thi công đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống)</li> <li>- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110 KV trở xuống)</li> <li>- Tư vấn quản lý dự án xây dựng công trình (trừ dịch vụ tư vấn kỹ thuật liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị-nông thôn, quy hoạch phát triển ngành)</li> </ul> |                                               |
| 6810     | Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trong phạm vi khoản 3, điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 100%                                          |
| 7710     | Cho thuê xe có động cơ<br><i>Chi tiết: Cho thuê xe có động cơ không có lái xe đi kèm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 100%                                          |
| 3320     | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 100%                                          |
| 2710     | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 100%                                          |

Tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài được tra cứu theo Danh mục điều kiện đầu tư đối với Nhà đầu tư nước ngoài trên trang <https://dautunuocongoai.gov.vn/fdi/nganhnghedautu/6> và Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư 2014.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2a Điều 2 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ; tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài của Công ty là 49% và tính đến ngày 30/6/2019, tỷ lệ nắm giữ của các Cổ đông nước ngoài tại Công ty là 72.449.525 cổ phần chiếm 35,53% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của GEC.

## **7. Các loại thuế liên quan**

### **7.1 Đối với Công ty**

#### **7.1.1 Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Công ty áp dụng mức Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20% theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài Chính. Riêng đối với các dự án đầu tư sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy Chứng nhận ưu đãi đầu tư cho từng dự án và theo quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp và công văn số 111684/BTC-TCT ngày 16/9/2005 hướng dẫn về việc chuyển thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp.



***Đối với các Nhà máy Thủy điện:***

- Nhà máy Thủy điện Ayun Hạ, Ia Đrăng 1, Ia Đrăng 2 - hạng mục công trình đường dây 35KV xuất tuyến 371/F7 Chư Prông - Trà Bá, Ia Đrăng 3 và Ia Meur 3: Tập đoàn áp dụng mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành sau khi hết thời gian ưu đãi thuế.
- Nhà máy Thủy điện H'Chan: Công ty được áp dụng thuế suất 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006), Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn trong 4 năm (từ năm 2006 đến năm 2009) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018) kể từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại.
- Nhà máy Thủy điện Đăk Pi Hao 2: Công ty được áp dụng mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến năm 2011) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2012 đến năm 2018). Thời gian ưu đãi được kéo dài thêm 2 năm (từ năm 2019 đến năm 2020) theo hướng dẫn về việc chuyển đổi ưu đãi tại khoản 2 điều 23 Thông tư 78.
- Nhà máy Thủy điện Ia Puch 3: Công ty được áp dụng mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2012) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2013 đến năm 2019). Thời gian ưu đãi được kéo dài thêm 2 năm (từ năm 2020 đến năm 2021) theo hướng dẫn về việc chuyển đổi ưu đãi tại khoản 2 điều 23 Thông tư 78.
- Nhà máy Thủy điện Đa Khai: Công ty được áp dụng mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10%, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2015 đến năm 2023).
- Nhà máy Thủy điện H'Mun: Công ty được giảm 50% Thuế Thu nhập doanh nghiệp cho 9 năm (từ năm 2015 đến năm 2023).
- Nhà máy Thủy điện Kênh Bắc: Công ty được áp dụng mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2016 đến năm 2024).
- Nhà máy Thủy điện Ayun Thượng: Công ty được áp dụng mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10%, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2015 đến năm 2023).
- Nhà máy Thủy điện Đăk Pi Hao 1: Công ty được áp dụng mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10%, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2018 đến năm 2026).

- Nhà máy Thủy điện Thượng Lộ: Công ty được áp dụng mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2016 đến năm 2019) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2020 đến năm 2028).

***Đối với các dự án Điện Mặt trời:***

- Nhà máy Điện Mặt trời Phong Điền: Công ty được áp dụng mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, Công ty đăng ký miễn thuế từ năm 2019 đến năm 2022 và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2023 đến năm 2031).
- Đối với Nhà máy Điện Mặt trời Krông Pa: Công ty được áp dụng mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, Công ty đăng ký miễn thuế từ năm 2019 đến năm 2022 và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2023 đến năm 2031).
- Đối với Nhà máy Điện Mặt trời Đức Huệ 1: Công ty được áp dụng mức thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi doanh nghiệp hoạt động (năm 2019) và áp dụng mức thuế suất 17% cho các năm tiếp theo, được miễn 4 năm tính từ khi có thu nhập do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2019 đến năm 2022) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).
- Đối với Nhà máy Điện Mặt trời Hàm Phú 2: Công ty được áp dụng mức thuế suất 10%, được 4 năm tính từ khi có thu nhập do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2019 đến năm 2022) và được giảm 50% 9 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).
- Đối với Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn: Công ty được áp dụng mức thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2019), được miễn 4 năm tính từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2019 đến năm 2022) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

### **7.1.2 Thuế Giá trị gia tăng (VAT)**

Thuế Giá trị gia tăng áp dụng mức thuế suất 10% cho hoạt động bán điện và cung cấp dịch vụ, các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

### **7.1.3 Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định của Pháp luật hiện hành.

## **7.2 Đối với Nhà đầu tư**

### **7.2.1 Đối với Nhà đầu tư cá nhân**

#### **- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**

*Đối với Nhà đầu tư trong nước:* Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại Điểm 2 Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP

ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

*Đối với Nhà đầu tư nước ngoài:* Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất Thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng được áp dụng theo quy định tại Điểm 2 Điều 20 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 1/10/2013 về việc “Thu nhập về đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn”.

- **Thu nhập từ cổ tức**

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức Thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp Nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, Thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, Nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì Nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức Thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

**7.2.2 Đối với Nhà đầu tư tổ chức**

- **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**

*Tổ chức trong nước:* Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng Thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

*Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư:* Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên DT tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014.

- **Thu nhập từ cổ tức:**

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2008.

**VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**

**1. Tổ chức niêm yết**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI**

Địa chỉ: 114 Trường Chinh, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (0269) 385 4464 Fax: (0269) 382 6365

Email: [info@geccom.vn](mailto:info@geccom.vn) Trang Web: [www.geccom.vn](http://www.geccom.vn)

**2. Tổ chức kiểm toán**

**CÔNG TY TNHH PWC VIỆT NAM**

Địa chỉ: 29 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3823 0796

Trang Web: [www.pwc.com/vn](http://www.pwc.com/vn)

**3. Tổ chức tư vấn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3824 2897 Fax: (08) 3824 2997

Email: [ssi@ssi.com.vn](mailto:ssi@ssi.com.vn) Trang Web: [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn)

**VII. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN**

| TT         | Tài liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Các quy định chung</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1.         | Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 2.         | Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03/12/2004 và Luật số 24/2012/QH13 Luật Sửa đổi, Bổ sung một số Điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012                                                                                                                                                                                           |
| 3.         | Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 4.         | Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 5.         | Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 6.         | Thông tư 202/2011/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất                                                                                                                                                                                                                          |
| 7.         | Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 8.         | Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>II</b>  | <b>Các văn bản liên quan đến thuế</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 9.         | Luật Thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12; Luật số 31/2013/QH13 Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12                                                                                                                                                                                        |
| 10.        | Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 11.        | Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12                                                                                                                                                                                                       |
| 12.        | Luật Quản lý Thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật số 21/2012/QH13 Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Quản lý Thuế ngày 20/11/2012                                                                                                                                                                                          |
| 13.        | Luật số 26/2012/QH13 ngày 1/7/2013 Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập cá nhân                                                                                                                                                                                                                                      |
| 14.        | Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12                                                                                                                                  |
| 15.        | Luật số 106/2016/QH13 ngày 6/4/2016 Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế                                                                                                                                                                                   |
| <b>III</b> | <b>Các văn bản liên quan đến hoạt động chứng khoán</b>                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 16.        | Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11; và Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 17.        | Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐCP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Chứng khoán |
| 18.        | Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23/9/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán                                                                                                                                                                                                    |
| 19.        | Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán                                                                                                                                                                                                                                            |

| TT  | Tài liệu                                                                                                         |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 20. | Nghị định 145/2016/NĐ-CP ngày 1/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23/9/2013 |
| 21. | Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 hướng dẫn Quản trị Công ty                                                 |
| 22. | Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn nghị định 71/2017/NĐ-CP                                                        |

## VIII. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp

Phụ lục 2: Điều lệ Công ty

Phụ lục 3: Báo cáo tài chính Kiểm toán riêng và hợp nhất 2017, 2018

Phụ lục 4: Báo cáo tài chính Soát xét riêng và hợp nhất ngày 30 tháng 6 năm 2019

Các Phụ lục khác.



**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI**



Gia Lai, ngày 27 tháng 08 năm 2019

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TÂN XUÂN HIẾN**

**NGUYỄN THÁI HÀ**

**GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH KIỂM**  
**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TRẦN THỊ HỒNG THÁM**





TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI  
GIÁM ĐỐC KHỐI - KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



NGUYỄN NGỌC ANH